

# Văn hóa Thể thao

## SỐ 14 (THÁNG 9/2024)

# NGHỆ AN

TRONG SỐ NÀY

### Chịu trách nhiệm nội dung:

ThS. TRẦN THỊ MỸ HẠNH

Giám đốc Sở Văn hóa & Thể thao

### Biên tập:

QUÁCH THỊ CƯỜNG

PHAN VĂN THẮNG

CHU THỊ XUYẾN

HỒ MẠNH HÀ

### Trình bày:

LINH GIANG

### Địa chỉ:

Số 11, đường Nguyễn Sỹ Sách,

TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại:

0238.3844511 - 0902121415

Email:

vanhoanghean2021@gmail.com

### XÃ LUẬN

Văn hóa phải góp phần giữ vững chân giá trị  
trong xã hội.....3

### VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

ĐẶNG CÔNG THÀNH - PHẠM VĂN HIẾU

55 năm xây dựng, phát triển kinh tế gắn với  
phát triển văn hóa theo Di chúc của Bác Hồ .....4

### ĐẤT & NGƯỜI XỨ NGHỆ

THANH TOÀN

Đền Cửa Gan - Nơi lưu giữ những giá trị lịch sử  
và văn hóa .....10

HỒNG NHUNG

Lê Viết Thuật - Người Cộng sản kiên trung  
trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh.....13

### GÓC NHÌN VĂN HÓA

MẠCH QUANG THẮNG

Văn hóa chính trị trong bản Di chúc của BÁC HỒ.17

ĐẶNG CÔNG THÀNH - LÊ XUÂN CHUNG

Giá trị văn hóa trong Tuyên ngôn độc lập của  
Chủ tịch Hồ Chí Minh .....21

ĐOÀN MẠNH TIẾN

Có một cuộc Cách mạng Tháng Tám trong thơ ...25

BÙI HÀO

Phát triển dân tộc ở Đu từ vốn xã hội.....27

### DIỄN ĐÀN VĂN HÓA

LÊ ĐÌNH CÚC

Về bài thơ Lịch sử nước ta của Nguyễn Ái Quốc...31

### CỬA SỔ VĂN HÓA

HỒ BẮT KHUẤT

Cội nguồn văn hóa Slavơ giúp Belarus giữ  
được sự bình yên .....35

## **VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG**

---

TRẦN TRUNG HIẾU	Trường THPT chuyên Phan Bội Châu: Hơn nửa thế kỷ tạo dựng và lan tỏa một thương hiệu.....	39
TRANG ĐOAN	Gia đình là nhân tố quan trọng góp phần hình thành thói quen đọc sách cho trẻ .....	43

## **XỨ NGHỆ NGÀY NAY**

---

KIM LỮU	Phát huy tinh thần Cách mạng Tháng Tám trên quê hương Xô viết .....	45
HỒNG MINH	Thanh Chương phát huy hào khí Xô viết Nghệ Tĩnh .....	48
MAI GIANG	Bình minh Lạch Vạn .....	52
TRANG TUỆ	Đời sống văn hóa của người Khơ Mú ở Thanh Chương .....	56
THÙY LÂM	Bến đò Cổ Xín - Giá trị lịch sử và phương hướng phát huy giá trị di tích sau khi xếp hạng .....	60
ĐÌNH TUÂN	Ông Cương nhạc cụ.....	64
<b>TIN HOẠT ĐỘNG VH TT</b>	.....	66

---

### **▪ Bìa 1: Di tích đình Sùng, xã Lăng Thành, huyện Yên Thành**

Ảnh: Nguyễn Đạo

# VĂN HÓA phải góp phần giữ vững chân giá trị trong xã hội

Xã hội càng phát triển người ta càng nhận ra vai trò to lớn và không thể thay thế của văn hóa. Thật vậy, văn hóa là tấm gương phản chiếu trình độ nhận thức, phát triển của xã hội. Đó là nền tảng tinh thần và động lực là sức mạnh nội sinh to lớn. Dù trải qua nhiều biến động và đổi thay thì văn hóa vẫn luôn giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì và truyền tải những giá trị cốt lõi của con người. Vậy nên, trách nhiệm của người làm văn hóa, ngành văn hóa là phải phát huy cho được những vai trò đó. Chúng ta không chỉ cần bảo vệ, phát huy giá trị các di sản, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ phục vụ đời sống tinh thần cho Nhân dân mà quan trọng còn phải định hướng để khôi phục lại những giá trị đạo đức tốt đẹp đã bị mài mòn, tìm lại và gìn giữ chân - thiện - mỹ trong đời sống.

Sự phát triển không ngừng của công nghệ, toàn cầu hóa và lối sống hiện đại đã và đang thách thức mạnh mẽ các giá trị truyền thống, các chuẩn mực đạo đức của xã hội. Nhiều năm gần đây, chúng ta chứng kiến không ít thực trạng khá đáng buồn. Đó là tình trạng đạo đức bị suy thoái, xuống cấp, nhất là trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Tình trạng tham ô, tham nhũng, chạy chức, chạy quyền, hách dịch,... làm niềm tin của dân bị lung lay. Chất lượng giáo dục có nhiều vấn đề, bạo lực học đường phức tạp. Đạo đức ngành nghề có biểu hiện bị coi nhẹ, tiêu biểu ở một số ngành như giáo dục, y tế, báo chí,... Đời sống tinh thần, tâm linh của người dân có nhiều biểu hiện lệch lạc, biến tướng theo xu hướng xô bồ, mê tín dị đoan, năng lượng vật chất,... Đặc biệt, trong xã hội, những giá trị ảo, giá trị nhất thời ngày càng lên ngôi. Trên các nền tảng mạng xã hội, các phương tiện truyền thông hiện nay tràn ngập những giá trị ảo. Người ta chạy theo lối sống xa hoa, khoe nhà, khoe xe, đánh bóng bản thân. Họ sẵn sàng làm đủ việc để kiếm tiền trên mạng bất chấp hành vi đó phản cảm, thiếu văn hóa thế nào. Trong nhiều cơ quan, công sở, những nhân viên có thực lực lại không được trọng dụng hay có vị trí xứng đáng; những người giỏi xu nịnh, chạy chọt thì luôn được nâng đỡ để tiến thân. Người ta đua nhau tìm kiếm các danh hiệu ảo, chạy theo thành tích bằng mọi giá, v.v... Tất cả những biểu hiện đó phản ánh một thực tế là sự lệch chuẩn, lệch lạc về giá trị đang diễn ra đáng báo động. Trong một xã hội lấy vật chất làm thước đo thì người ta sẵn sàng coi thường những giá trị khác để đạt được mục đích cuối cùng là vật chất. Điều này đã và đang tạo ra rất nhiều những hình ảnh xấu, những hệ quả đáng buồn trong xã hội mà nếu không kịp thời chấn chỉnh thì sẽ có rất nhiều thế hệ chịu liên lụy. Nếu chân giá trị tiếp tục bị rẻ rúng, không sớm thì muộn, chúng ta sẽ phải đối mặt với những con người rỗng tuếch, một xã hội rỗng tuếch và thiếu nhân văn.

Ngành văn hóa cần tiếp tục hành động mạnh mẽ và quyết liệt hơn trong việc vực lại những giá trị đạo đức, tinh thần tốt đẹp ở mỗi con người và trong toàn xã hội. Bắt đầu từ những việc nhỏ nhất là lan tỏa những hành động đẹp, những việc làm hay, thực chất. Đó là hình ảnh giúp nhau qua cơn hoạn nạn như những gì cả nước chứng kiến sau cơn bão Yagi vừa qua; là những người thầm lặng vẫn trồng thêm cây xanh, nhặt rác, bảo vệ môi trường; là những cá nhân, tổ chức thiện nguyện bảo vệ động vật hoang dã, xây trường học ở vùng cao,... Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc xây dựng văn hóa công sở; lên án mạnh mẽ những hành vi sai trái, lệch chuẩn đạo đức, thiếu văn minh, mê tín dị đoan; không tiếp tay cho những việc làm phản cảm, cho nguy giá trị lên ngôi. Đặc biệt, cần đẩy mạnh giáo dục cho thế hệ trẻ, trong mỗi gia đình cũng như trên nhà trường, về những giá trị tốt đẹp, bền vững để các em có sức đề kháng trước vô vàn những luồng thông tin độc hại, để các em phân định được đâu là nguy giá trị, đâu là chân giá trị. Và quan trọng, để làm tốt công cuộc chấn hưng văn hóa, để khôi phục và gìn giữ chân giá trị trong xã hội thì ngành văn hóa hãy là người tiên phong trong việc nói không với những việc làm mang tính hình thức, với những phong trào chạy theo thành tích ảo, không mang lại lợi ích cho xã hội.

Chúng ta không thể cứ mãi chê trách mọi người chạy theo những giá trị ảo, không thể cứ ngồi yên nhìn những điều giả dối lên ngôi làm nản lòng người tử tế được nữa. Chúng ta phải hành động để lấy lại niềm tin vào những điều thực sự tốt đẹp. Trách nhiệm đó là của mỗi người, của toàn xã hội nhưng có lẽ trách nhiệm lớn lao hàng đầu thuộc về những người làm văn hóa. Bởi vai trò của văn hóa không chỉ là gìn giữ những nét đẹp của quá khứ mà còn phải góp phần kiến tạo tương lai, một tương lai tốt đẹp, nhân văn, tiến bộ và thực sự bền vững.

VHTT NGHỆ AN

# 55 năm xây dựng, phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa theo Di chúc của Bác Hồ

ĐẶNG CÔNG THÀNH - PHẠM VĂN HIẾU\*



*Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm lớp học của công nhân Nhà máy 1-5 (Hà Nội), lá cờ đầu của phong trào bỏ tục văn hóa ngành công nghiệp, ngày 19/12/1963. Ảnh tư liệu*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm, mong muốn xây dựng một xã hội mới tốt đẹp, Nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Theo Người, xã hội đó có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi là quan trọng ngang nhau là chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Mỗi vấn đề có một vị trí, vai trò

nhất định, gắn bó mật thiết với nhau, quan hệ biện chứng, thúc đẩy đất nước phát triển.

**Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế gắn với văn hóa**

*Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của Nhân dân.*

Đó là lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản *Di chúc* lịch sử cách đây 55 năm. Di chúc còn bàn tới kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh với nội dung gắn phát triển kinh tế với văn hóa. Người dặn khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế, sửa đổi chế độ giáo dục. Cùng với *Di chúc*, việc quan tâm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân còn được thể hiện trong toàn bộ di sản Hồ Chí Minh.

*Di chúc* được viết bởi một con người mà cả cuộc đời vì nước vì dân. Bác chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Tư tưởng của Bác về đời sống nhân dân bao gồm cả đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Đời sống vật chất là dân sinh gồm cái ăn, mặc, ở, đi lại. Đời sống tinh thần là dân quyền, dân chủ, dân trí, đạo đức, nhân nghĩa. Muốn có đời sống vật chất phải tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống hành vi vô văn hóa như tham ô, lãng phí, quan liêu; phát triển công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải. Đời sống vật chất rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định. Bởi vì “có thực mới vực được đạo”, “dân dĩ thực vi thiên/tiên”; “thực túc thì binh cường”.

Theo Hồ Chí Minh, đời sống của Nhân dân về vật chất và tinh thần không ngừng được nâng cao chỉ có thể đạt được khi chúng ta từng bước hoàn thành mục đích của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Người chỉ rõ: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho Nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, ai không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội”<sup>(1)</sup>.

Chủ nghĩa xã hội Việt Nam thể hiện rõ đặc trưng bản chất về các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Về kinh tế, xã hội xã hội chủ nghĩa là một chế độ có nền kinh tế phát triển cao

dựa trên cơ sở năng suất lao động xã hội, gắn với sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Về văn hóa, chủ nghĩa xã hội là một xã hội không có chế độ người bóc lột người; một xã hội phát triển cao về văn hóa, đạo đức, thể hiện quan hệ xã hội lành mạnh, công bằng, bình đẳng, dân chủ, văn minh; con người phát triển toàn diện.

Theo Hồ Chí Minh, trong chủ nghĩa xã hội, văn hóa không chỉ là từng mặt, khía cạnh cụ thể, mà phải tạo dựng cả một nền văn hóa dân tộc với các nội dung xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường; Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng; Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của Nhân dân trong xã hội; Xây dựng chính trị: dân quyền; Xây dựng kinh tế. Nền văn hóa như vậy thể hiện mối quan hệ, sự gắn kết giữa xây dựng kinh tế và đời sống tinh thần.

*Kinh tế là cơ sở hạ tầng phải kiến thiết trước để cho văn hóa có điều kiện phát triển*

Trong sự gắn kết giữa xây dựng, phát triển kinh tế và văn hóa, Hồ Chí Minh nhấn mạnh kinh tế là yếu tố quyết định tính chất và diện mạo của văn hóa, kinh tế phát triển sẽ tạo điều kiện vật chất và nguồn sống cho phát triển văn hóa. Theo Người: “Văn hóa là một kiến trúc thượng tầng; những cơ sở hạ tầng của xã hội có kiến thiết rồi, văn hóa mới đủ điều kiện phát triển được”<sup>(2)</sup>. Khẳng định kinh tế chính là cơ sở, điều kiện cho sự hình thành và phát triển văn hóa, Hồ Chí Minh cho rằng: “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế? Tục ngữ ta có câu: Có thực mới vực được đạo; vì thế kinh tế phải đi trước. Nhưng phát triển để làm gì? Phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của Nhân dân ta”.

Từ cách nhìn nhận biện chứng về kinh tế và văn hóa, Người khẳng định: “văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”<sup>(3)</sup>. Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa và giải quyết những vấn đề xã hội; nếu chỉ coi tăng trưởng kinh tế là mục tiêu duy nhất thì chẳng

## VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

những môi trường văn hóa - xã hội bị hủy hoại mà mục tiêu kinh tế cũng không đạt được. *Văn hóa là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển*

Văn hóa bàn ở đây hàm chứa nhiều mặt, đặc biệt con người vừa là chủ thể vừa là khách thể của văn hóa, tức là con người sáng tạo ra văn hóa đồng thời thụ hưởng các giá trị văn hóa. Văn hóa là ứng xử, thể hiện cái đẹp, cái giá trị trong mối quan hệ giữa con người với con người, con người với xã hội, con người với thiên nhiên.

Một con người có văn hóa, một xã hội có văn hóa, một tổ chức có văn hóa, một chủ trường, đường lối mang hàm lượng văn hóa cao sẽ tác động lớn, tích cực tới sự phát triển đất nước nói chung, phát triển kinh tế nói riêng. Ngược lại, con người không có văn hóa, đạo đức trở thành cản lực, kìm hãm sự phát triển.

Không phải ngẫu nhiên ngay khi chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến đầy gian khổ, hy sinh, Hồ Chí Minh lại tổ chức Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (24/11/1946). Trên diễn đàn hội nghị, Người nhấn mạnh: “Phải làm thế nào để văn hóa thấm sâu vào tâm lý quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hóa phải làm sao cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng. Văn hóa phải làm cho mỗi người dân từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà ai cũng hiểu được nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc mình nên hưởng... Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi. Văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ”<sup>(4)</sup>.

Với tư duy về vai trò to lớn của văn hóa, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới xây dựng đời sống mới ngay trong kháng chiến, vì đánh giặc rất cần sự hướng đạo và thực hành văn hóa bởi những chuẩn mực Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Quân đội đánh giặc đi liền với Nhân dân siêng làm tức là *Cần*; binh sĩ và Nhân dân đều phải tằn tiện tức là *Kiệm*. Đánh giặc cũng như sản xuất không được tham lam, không đem của công dùng vào việc tư, tức là *Liêm*. Tất cả mọi người phải vì nước quên nhà, hăng hái kháng chiến, ra sức tăng gia sản xuất,

làm cho Tổ quốc thống nhất, độc lập, thế là *Chính*. Nếu không thực hành văn hóa Cần, Kiệm, Liêm, Chính như vậy thì làm sao sản xuất phát triển, kháng chiến thành công?

Những khía cạnh văn hóa nêu trên liên quan tới con người, chủ thể của văn hóa. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*”. Xuất phát từ vai trò động lực to lớn của văn hóa, Hồ Chí Minh đưa ra quan điểm “trồng người”, xây dựng, phát triển con người hoàn toàn gồm đức, trí, thể, mỹ vì lợi ích trăm năm, tức là vì một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Người viết: “Trình độ văn hóa của Nhân dân nâng cao sẽ giúp chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ. Nâng cao trình độ văn hóa của Nhân dân cũng là một việc cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”<sup>(5)</sup>.

Vai trò của văn hóa tác động trở lại kinh tế, chính trị trong tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện một mặt của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, một nước hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến và gần trăm năm dưới chế độ thực dân chuyên chế. Trong hoàn cảnh đó, cách mạng tư tưởng - văn hóa phải đi trước một bước để dọn đường cho cách mạng công nghiệp. Trả lời câu hỏi của phóng viên báo *Nhân đạo (L'Humanité)* về nhân tố nào sẽ biến nước Việt Nam lạc hậu thành một nước tiên tiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Có lẽ cần phải để lên hàng đầu những cố gắng của chúng tôi nhằm phát triển văn hóa. Chủ nghĩa thực dân đã kìm hãm Nhân dân chúng tôi trong vòng ngu muội để chúng dễ áp bức. Nền văn hóa nảy nở hiện thời là điều kiện cho Nhân dân chúng tôi tiến bộ... Chính vì vậy, chúng tôi đã đào tạo nhanh chóng các cán bộ cho tất cả các ngành hoạt động; ... để công nghiệp hóa đất nước”<sup>(6)</sup>.

Tầm nhìn và cách nhìn của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa là hết sức độc đáo. Với Người, kinh tế chậm phát triển, thậm chí nghèo, đời sống



Chương trình biểu diễn nghệ thuật ngoài trời “Ký ức Hội An” tại phố cổ Hội An (tỉnh Quảng Nam). Nguồn: vnexpress.net

thiếu thốn về vật chất không đáng sợ bằng sự tha hóa về văn hóa, suy thoái về đạo đức. Người chỉ rõ: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên”. Lòng dân là giá trị văn hóa đỉnh cao. Có được lòng dân sẽ có tất cả.

### Phát triển kinh tế gắn với văn hóa đối với cách mạng Việt Nam 55 năm qua

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế gắn với văn hóa vẹn nguyên giá trị, mở đường đổi mới, soi sáng tương lai, trường tồn cùng dân tộc và nhân loại, Trong 55 năm, đặc biệt gần 40 năm đổi mới, tư tưởng Hồ Chí Minh về giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và văn hóa soi sáng chủ trương, đường lối và hoạt động của Đảng, đem lại nhiều giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã xác lập một hệ thống chính sách để xây dựng và phát triển văn hóa, trong đó đáng chú ý là chính sách “kinh tế trong văn hóa” nhằm gắn văn hóa với các hoạt động kinh tế, khai thác tiềm năng tài chính hỗ trợ cho phát triển văn hóa và chính sách “văn hóa trong kinh tế” nhằm bảo đảm cho văn hóa thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế: “Văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, vừa là động lực, vừa là mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội” (7).

Hội nghị Trung ương 10 khóa IX đã khẳng định mục tiêu chủ yếu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa là “bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội; tạo nên sự phát triển đồng bộ cả ba lĩnh vực trên chính là điều kiện

quyết định để bảo đảm cho sự phát triển toàn diện bền vững của đất nước” (8).

Đại hội lần thứ X nêu rõ: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt với các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội” (9).

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ: “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn vẹn, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, trở thành sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển” (10). Theo đó, Đảng ta khẳng định: “Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa xã hội hài hòa với phát triển kinh tế” (11).

Đại hội lần thứ XII nêu phương hướng: “Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa



và hội nhập quốc tế<sup>(12)</sup> và “xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế”.

Đại hội XIII khẳng định: “Văn hóa trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả tích cực... Phát triển toàn diện con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội<sup>(13)</sup>. Tuy nhiên, “văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thực sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm, còn có chiều hướng coi trọng chức năng giải trí đơn thuần<sup>(14)</sup>. Từ đó Đảng đã nhấn mạnh: “Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Xây dựng, phát huy yếu tố văn hóa để thực sự là đột phá phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế<sup>(15)</sup>”.

Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ: “Phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam<sup>(16)</sup>”.

Chủ trương, đường lối của Đảng qua các kỳ Đại hội chứng tỏ sự quan tâm của Đảng về mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và văn hóa, coi con người thực sự là trung tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội trở về với đúng tư tưởng Hồ Chí Minh. Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng pháp luật, giữ chữ

tín, cạnh tranh lành mạnh, vì sự phát triển bền vững và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

Gần 40 năm đổi mới đất nước, kinh tế nước ta phát triển với tốc độ nhanh, đời sống của 100 triệu dân đã được cải thiện một cách căn bản. Tuy nhiên, so với các quốc gia phát triển, mức sống của người dân hiện nay vẫn còn thấp và chưa đồng đều. Vì thế, để nâng cao hơn nữa mức sống của Nhân dân đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải tích cực phấn đấu nhiều hơn trong một thời gian dài. Đến nay, chúng ta đang từng bước xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng để nâng cao hơn nữa năng lực của nền kinh tế trong bối cảnh đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế thì Việt Nam cần phải hoàn thiện từng bước và hoàn thiện một cách hợp lý. Hơn nữa, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời đại kinh tế tri thức đòi hỏi phải có một động lực tinh thần mạnh mẽ. Động lực ấy, trước hết phải tìm thấy ở văn hóa. Nhận thức rõ hơn vai trò quan trọng của văn hóa đối với công cuộc phát triển kinh tế đất nước.

Trong giai đoạn mới, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về sự gắn kết giữa phát triển kinh tế và xây dựng văn hóa, cần quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt hơn định hướng kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, xây dựng con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính



sách phát triển; mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới phát triển văn hóa và con người; mỗi chính sách văn hóa, xây dựng con người đều phải góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Bất cứ một sự sai sót hay thiên lệch về kinh tế hay văn hóa, con người trong hoạch định và thực thi các chính sách của Đảng, Nhà nước đều sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nói chung, cũng như đối với từng lĩnh vực cụ thể, thậm chí phải trả giá đắt cho sự phát triển. Bởi vì các mục tiêu này có mối quan hệ biện

chứng, có sự tác động qua lại lẫn nhau trong quá trình phát triển.

Những tư tưởng lớn, những lời căn dặn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về sự gắn kết, hài hòa giữa xây dựng, phát triển kinh tế và phát triển văn hóa vừa là những định hướng mang tính chỉ đạo lâu dài, đồng thời vừa là yêu cầu, đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân, toàn dân vận dụng đúng đắn và sáng tạo vào giải quyết những vấn đề của thực tiễn cách mạng Việt Nam hiện nay.

---

\*. Học viện Chính trị - BQP.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 13, tr.438.
2. Hồ Chí Minh: *Về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, 1997, tr. 320.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 7, tr.246.
4. *Báo Cứu quốc*, ngày 25-11-1946.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 10, tr. 458-459.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 13, tr. 190-191.
7. ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb CTQG, H, 1998, tr. 55.
8. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001, tr. 88.
9. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006, tr. 131.
10. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQGST, Hà Nội, 2011, tr. 75.
11. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr. 124.
12. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQGST, Hà Nội, 2016, tr. 127, 128.
13. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQGST, Hà Nội, 2021, t. I, tr.64.
14. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t. I, tr.84.
15. ĐCSVN *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd t. II, tr.134.
16. Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb CTQGST, Hà Nội, 2022, tr. 27.

Di tích lịch sử đền Cửa Gan



## Đền Cửa Gan - Nơi lưu giữ những giá trị lịch sử và văn hóa

THANH TOÀN

Xã Quỳnh Hoa (huyện Quỳnh Lưu) vốn được coi là vùng đất cổ xưa với địa danh “Làng Phú Mỹ”. Nơi đây cũng là vùng quê giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, hiện còn lưu giữ, bảo tồn và phát huy các công trình văn hóa tín ngưỡng, tâm linh. Trong đó, đền Cửa Gan (đền Phú Mỹ) là một trong những di tích được UBND tỉnh Nghệ An công nhận, xếp hạng bởi mang đậm yếu tố lịch sử và giá trị văn hóa.

Đền Cửa Gan được xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ XIV, XV mang phong cách kiến trúc thời Hậu Lê rất tinh xảo, đẹp về mỹ thuật thiết kế, không gian thoáng đãng, quy mô đồ sộ, góp phần làm nên vẻ đẹp văn hóa cho vùng đất thiêng làng Phú Mỹ. Đền tọa lạc trên khuôn viên rộng có diện tích 3.500m<sup>2</sup>, gồm 3 tòa chính (Thượng điện, Trung điện, Hạ điện). Đây là công trình tiêu biểu cho kiến trúc gỗ của người Việt về quy mô, vật liệu sử dụng, sự kết hợp tài tình, hiệu quả giữa điêu khắc và kiến trúc. Các bộ phận bằng gỗ trong đền là những tác phẩm chạm khắc tinh tế với nhiều đề tài phong phú, phản ánh hiện thực cuộc sống cư dân thời bấy giờ. Trên các xà, ván nong, cửa võng đều có chạm trổ hoa văn rồng, phượng châu mặt nguyệt, rồng vờn châu ngọc, hình chim phượng cùng đàn con quần quýt bên

nhau. Hiện đền làng Phú Mỹ còn lưu giữ những thần tích và các di vật cổ có giá trị lịch sử to lớn.

Đền Cửa Gan là nơi tôn thờ các vị thần: Tứ vị thánh nương; Phan Hoàng Nghĩa; Trinh Mỹ Hầu Vũ Tiến; Cao Sơn, Cao Các; Can Sơn Hùng trấn; Sát hải đại vương Hoàng Tá Thôn... Đây là những người có đóng góp lớn trong công cuộc xây dựng và bảo quê hương, đất nước.

Theo truyền thuyết, thần Cao Sơn, dưới Triều Vua Hy Ninh (đời nhà Tống) được nước Tống cử sang làm sứ thần ở An Nam. Ông có công xin nhà Tống giảm bớt các khoản tiền cống, giúp Nhân dân diệt trừ sâu keo hại lúa, diệt thú dữ, phát triển sản xuất, khôi phục kinh tế. Thần Cao Các, năm 968 theo Đinh Bộ Lĩnh xây dựng kinh đô Hoa Lư - Ninh Bình; Trinh Mỹ Hầu Vũ Tiến (người Quỳnh Hoa) dưới Triều Lê - Mạc theo Tướng quân Thái Bảo Đinh Quận Công Đặng Trị đi dẹp giặc Mạc, lập được nhiều chiến công và được phong tước Trinh Mỹ Hầu, ngoài ra, ông còn có công xây dựng cầu để Nhân dân đi lại. Đối với vị thần Phan Hoàng Nghĩa (quê Quỳnh Đồi) được Vua Lê Lợi ban tặng tước Đại tư nông vì có công cải tạo đất đai, đắp bờ, phát cỏ trồng lúa, khoai cung cấp lương thực cho nghĩa quân Lam Sơn.

Đền làng Phú Mỹ không chỉ là nơi sinh hoạt tín ngưỡng về tâm linh của người dân mà còn là địa điểm diễn ra các hoạt động chính trị, văn hóa - xã hội của cộng đồng làng xã.

Trong công cuộc đấu tranh, chống giặc ngoại xâm, đền Cửa Gan được chọn làm địa điểm họp bàn kế hoạch tổ chức giành chính quyền. Đúng ngày 16/8/1945, tại địa chỉ này, Nhân dân được nghe Việt Minh nói rõ âm mưu của bọn đế quốc, thực dân và phổ biến kế hoạch giành chính quyền. Đây cũng là nơi thành lập chính quyền cách mạng lâm thời do ông Vũ Ngọc Kỳ làm Chủ tịch.

Sau hòa bình lập lại năm 1954, đền Cửa Gan dùng làm địa điểm dạy và học cho học sinh cấp I. Ngoài ra, đền còn là nơi tổ chức nhiều sự kiện chính trị lớn, như: Các kỳ Đại hội Đảng bộ, các kỳ họp Hội đồng nhân dân; các cuộc mít tinh, kỷ niệm những ngày lễ trọng đại của đất nước; các buổi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, đưa tiễn thanh niên lên đường nhập ngũ. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965-1972), đền được dùng để làm kho hậu cần chiến lược của Nhà nước.

Từ những giá trị lịch sử - văn hóa nên suốt nhiều thập kỷ qua, đền Cửa Gan đã trở thành địa điểm sinh hoạt văn hóa tâm linh thu hút đông đảo



Rất đông người dân tham gia Lễ hội đền Cửa Gan

## ĐẤT & NGƯỜI XỨ NGHỆ

nhân dân trong và ngoài xã về chiêm bái, thưởng ngoạn. Đồng thời, khu vực này còn có các giếng cổ, thị cổ trong truyền thuyết 100 con chim Phượng hoàng hạ cánh xuống 99 cây thị cổ sum suê và 100 giếng đào soi bóng trong làng, nhưng còn một con không tìm thấy chỗ đậu nên đã vỗ cánh bay đi, khiến cả đàn cùng cất cánh bay theo.

Để lưu giữ và phát huy những giá trị văn hóa - lịch sử của đền Cửa Gan cũng như phong tục, tập quán của quê hương, hàng năm, vào dịp đầu xuân và những ngày sóc, vọng trong tháng, Nhân dân vào đền làm lễ cầu đảo, cầu yên, cầu phúc, mong các vị thành hoàng phù hộ, độ trì che chở trong đời sống tâm linh và sinh hoạt hàng ngày của các gia đình.

Theo lời người xưa thì trước đây vào ngày 12 tháng 2 âm lịch hàng năm, Nhân dân tổ chức lễ hội tế thần, rước 7 kiệu thần (trong đó có 4 kiệu của “tứ vị” và 3 kiệu dành cho các “nữ tú” đủ 16 tuổi), mặc y phục đẹp lộng lẫy của ngày hội, trang trọng ngồi trên kiệu rước đi một vòng quanh làng.

Ngoài ra, vào ngày 15 tháng 8, Nhân dân còn tổ chức lễ tế thần nông, rước bông lúa, cầu mong được mùa, một hình thức sinh hoạt văn hóa phi vật thể mang nét đặc trưng của địa phương, nhằm giáo dục ý thức con người quý trọng nghề nông, nâng niu hạt lúa.

Trải qua thời gian và thăng trầm của lịch sử, ngôi đền đã xuống cấp. Nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị di tích, nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của Nhân dân; năm 1990, Nhân dân 12 xã trong huyện đã đóng góp gần 7 triệu đồng tiền mặt, 5 tấn vôi và 511 ngày công lao động tiến hành tu tạo tòa ngoài, thay một số nội thất bị hư hại trong vụ đốt đền của kẻ phá hoại năm 1885, xây tường bao xung quanh để bảo vệ đền.

Với truyền thống “uống nước nhớ nguồn” và bảo tồn di tích cổ, bản sắc văn hóa của địa phương, hàng năm, xã Quỳnh Hoa cũng trích một phần ngân sách và tiền công đức để thực hiện một số tu sửa nhỏ như đảo ngói, gia cố những mảng tường bị bong tróc, trồng cây, cải tạo đất vườn...

Với sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân xã Quỳnh Hoa, đền Cửa Gan (đền Phú Mỹ) đã được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh (tại Quyết định Số 3158 ngày 24 tháng 7 năm 2008 của UBND tỉnh Nghệ An). Đây là cơ sở pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích của địa phương. Qua đó, thu hút ngày càng nhiều du khách thập phương đến thăm quan, cầu nguyện, góp phần bảo tồn giá trị văn hóa, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Trong những năm qua, với nhận thức di sản văn hóa là tài sản vô giá đối với địa phương, công tác bảo vệ, tu bổ, tôn tạo để phát huy các giá trị của di tích được UBND xã Quỳnh Hoa xác định là một nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý di tích và chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội của địa phương. Hàng năm, để chống xuống cấp cho các hạng mục của di tích, UBND xã Quỳnh Hoa đã xây dựng kế hoạch cụ thể, đồng thời chỉ đạo công chức chuyên môn tổ chức khảo sát đánh giá hiện trạng và tình trạng kỹ thuật tại di tích. Từ đó xây dựng phương án, đề nghị cấp có thẩm quyền hỗ trợ kinh phí chống xuống cấp. Bên cạnh đó, được sự đồng ý của cấp trên, xã Quỳnh Hoa đã triển khai nhiều hình thức đa dạng, linh hoạt thực hiện hiệu quả công tác xã hội hóa, góp phần tôn tạo lại Di tích ngày càng khang trang. Nhờ đó, con em địa phương, các mạnh thường quân và bà con nhân dân đã ủng hộ gần 600 triệu đồng, để tổ chức lát gạch, đảo ngói thay những phần gỗ bị hư hỏng nặng của nhà Thượng điện, Hạ điện, Trung điện; lát gạch sân, phục dựng lại nhà tả vu; khôi phục lại kiệu và trống; xây cổng và ghép đá khuôn viên đền...

Đền Cửa Gan hôm nay là di sản văn hóa quý giá, nó không những góp phần tô đẹp thêm cho quê hương Quỳnh Hoa, mà còn là bằng chứng hùng hồn, chân thực thể hiện tài năng sáng tạo nghệ thuật, ý thức xây dựng, bảo vệ quê hương đất nước của các thế hệ cha ông; là nơi đáp ứng nhu cầu tâm linh của Nhân dân địa phương cũng như du khách thập phương.

# LÊ VIẾT THUẬT

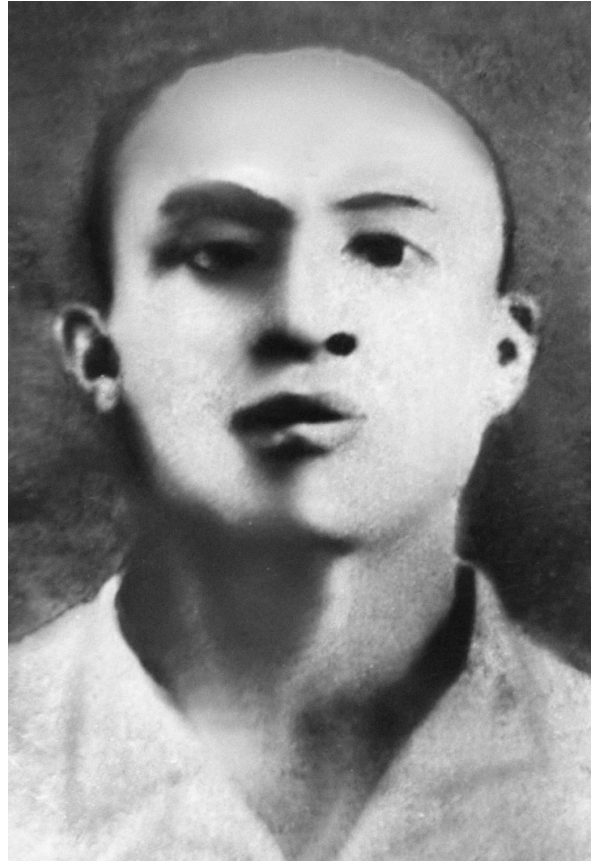
## Người cộng sản kiên trung trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh

HỒNG NHUNG

ĐỒNG CHÍ LÊ VIẾT THUẬT - BÍ THƯ XỨ ỦY TRUNG KỲ NĂM 1931, CÁN BỘ TIỀN BỐI TIÊU BIỂU CỦA ĐẢNG, NGƯỜI CON ƯU TÚ CỦA QUÊ HƯƠNG BẾN THỦY. CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG CHÍ TUY KHÔNG DÀI NHƯNG NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA ĐỒNG CHÍ CHO SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG TA VÀ NHÂN DÂN TA VÔ CÙNG TO LỚN.

Lê Viết Thuật (bí danh là Văn Mưu, Thanh Luyện, Túc, Nhiên, Danh) sinh năm 1902, trong một gia đình nghèo giàu lòng yêu nước tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Không chỉ được sinh ra trên quê hương Bến Thủy giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, đồng chí Lê Viết Thuật còn là con cháu của dòng họ Lê Viết nổi tiếng.

Thân phụ của đồng chí Lê Viết Thuật là ông Lê Viết Hiến, vừa là một nhà Nho vừa là một thầy



Chân dung đồng chí Lê Viết Thuật

thuốc chuyên chữa bệnh cho dân nghèo. Thân mẫu là bà Phạm Thị Hai, một người phụ nữ chịu thương, chịu khó, luôn hết lòng vì chồng, vì con. Đồng chí Lê Viết Thuật là con trai cả trong gia đình có 8 anh em... Năm 14 tuổi, anh theo người lớn vào làm thợ trong Nhà máy Diêm. Hàng ngày, chứng kiến cảnh lao động khổ cực dưới làn roi vọt của chủ nhà máy, Lê Viết Thuật vô cùng căm tức, anh bắt đầu giác ngộ được ý thức giai cấp và dân tộc.

## ĐẤT & NGƯỜI XỨ NGHỆ

Sau khi Hội Phục Việt ra đời, Lê Viết Thuật được kết nạp vào Hội và là hội viên của tổ chức Công hội. Anh hăng hái đi đầu trong các cuộc đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực hàng ngày của anh em công nhân Nhà máy Diêm... Ngoài thời gian tham gia đấu tranh ở nhà máy, Lê Viết Thuật đã cùng các đồng chí Lê Mao, Nguyễn Phúc vận động Nhân dân phố Đệ Thập đấu tranh chống bọn hào lý, đưa người tiến bộ làm phố trưởng. Hoạt động sôi nổi một thời gian tại Nhà máy Diêm, anh tiếp tục được Công hội bố trí sang làm thợ nguội tại Nhà máy Cưa. Sau khi gây dựng được cơ sở cách mạng tại Nhà máy Cưa, anh lại được chuyển sang Nhà máy Xe lửa Trường Thi tiếp tục gây dựng phong trào. Căm thù bọn chủ xưởng, Lê Viết Thuật đã nhiều lần tổ chức công nhân bãi công đòi tăng lương, giảm giờ làm. Vì những hoạt động ấy, anh lại bị đuổi khỏi nhà máy.

Năm 1929, các đồng chí Trần Văn Cung, Nguyễn Phong Sắc đã vào Nghệ An cùng đồng chí Võ Mai thành lập Kỳ bộ Đông Dương Cộng sản Đảng Trung Kỳ, đặt trụ sở tại Làng Vang (nay thuộc phường Đông Vinh, thành phố Vinh). Đồng chí Nguyễn Phong Sắc đặc biệt chú ý phong trào công nhân Vinh - Bến Thủy. Nguyễn Phong Sắc đã gặp và chọn Lê Viết Thuật, Lê Mao, Lê Doãn Sửu làm nòng cốt để gây dựng tổ chức Đông Dương Cộng sản Đảng trong giai cấp công nhân.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, Lê Viết Thuật nhanh chóng được kết nạp vào Đảng và được chỉ định vào Ban Chấp hành Tỉnh ủy Nghệ An, trực tiếp làm Bí thư chi bộ Nhà máy Xe lửa Trường Thi (ngày 20/3/1930). Với một nhà máy có hàng ngàn công nhân, việc xây dựng lực lượng và tổ chức phong trào cũng gặp không ít khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo của Lê Viết Thuật, phong trào đấu tranh của công nhân Nhà máy Xe lửa Trường Thi diễn ra rất mạnh mẽ.

Đồng chí Lê Viết Thuật cùng các đồng chí Lê Mao, Lê Doãn Sửu đã chỉ đạo cuộc biểu tình kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 01/5/1930. Đây là cuộc biểu tình kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động đầu tiên trong tỉnh và trong cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng "Lần đầu tiên trong lịch sử xứ ta,

Công - Nông - Binh bắt tay nhau giữa trận tiền". Tuy bị thực dân Pháp đàn áp nhưng nó đã tạo ra bước phát triển mới, là sự kiện mở đầu cho cao trào cách mạng 1930-1931 ở Nghệ Tĩnh. Sau cuộc biểu tình này, không chỉ có phong trào đấu tranh của công nhân Vinh - Bến Thủy phát triển như vũ bão mà phong trào của nông dân ở các địa phương thuộc hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh cũng diễn ra sôi nổi chưa từng thấy.

Trước tình hình phát triển của cách mạng, Xứ ủy Trung Kỳ đã cử đồng chí Lê Viết Thuật theo dõi diễn biến tình hình vùng Vinh - Bến Thủy, tổ chức các cuộc họp để bàn bạc kế hoạch ổn định tinh thần quần chúng, tiếp tục phát động đấu tranh trong nhà máy, xí nghiệp và vùng nông thôn, nhất là những nơi vốn có mâu thuẫn gay gắt giữa phe hộ và phe hào, đồng thời về các địa phương ở Nghệ An, Hà Tĩnh để kiểm tra và chỉ đạo phong trào đấu tranh của nông dân.

Từ khi bị bọn cai chủ theo dõi và bị đuổi ra khỏi Nhà máy Xe lửa Trường Thi vào cuối năm 1929, Lê Viết Thuật vừa làm công nhân khuân vác ở cảng Bến Thủy, vừa tích cực hoạt động cách mạng. Do hoạt động ở nhiều nhà máy, làm nhiều công việc khác nhau như: thợ Nhà máy Diêm, thợ cưa, thợ nguội, phu khuân vác trên địa bàn Bến Thủy, từng chạm trán với bọn mật thám nhiều lần nên Lê Viết Thuật bị chúng theo dõi ráo riết. Gia đình Lê Viết Thuật cũng thường xuyên bị theo dõi, lục soát. Chính vì vậy, Lê Viết Thuật đã nghĩ ra cách giả vờ say rượu rồi chết đuối để đánh lạc hướng mật thám, thoát ly hẳn gia đình để hoạt động. Sau sự việc này, Lê Viết Thuật được Xứ ủy phân công vào xây dựng phong trào ở Hà Tĩnh. Tháng 12/1930, đồng chí được bầu là Ủy viên Xứ ủy Trung Kỳ. Đây là thời điểm mà phong trào cách mạng ở Nghệ Tĩnh cũng như trong cả nước đang đứng trước những thử thách ác liệt bởi chính sách "khủng bố trắng" của thực dân Pháp, nhiều cán bộ của các cấp bộ Đảng từ cơ sở đến Trung ương đã bị giết hoặc bị cầm tù.

Trong thời gian các đồng chí Nguyễn Phong Sắc, Lê Mao đi dự Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Hồng Kông, Lê Viết Thuật trở về cơ quan Xứ ủy

cùng các đồng chí Lê Doãn Sửu (Bí thư Khu ủy Bến Thủy), Nguyễn Phúc... chỉ đạo phong trào hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nhằm duy trì thành quả của chính quyền Xô Viết và đối phó với những âm mưu thủ đoạn mới của địch.

Từ tháng 4/1931, cán bộ lãnh đạo của Xứ ủy lần lượt bị hy sinh và bị sa lưới địch. Đồng chí Lê Mao hy sinh, Nguyễn Đức Cảnh và Nguyễn Phong Sắc bị bắt, Nguyễn Phúc bị sa lưới địch... Xứ ủy chỉ còn 4 đồng chí là: Lê Viết Thuật, Nguyễn Lợi, Mai Kính, Nguyễn Tiềm.

Trước sự khủng bố tàn khốc và âm mưu thủ đoạn xảo quyệt của địch, đồng chí Lê Viết Thuật - người đứng đầu Xứ ủy đã tìm mọi cách để hạn chế thiệt hại về tính mạng và tài sản của quần chúng, bảo vệ tổ chức Đảng, tổ chức đoàn thể cách mạng. Hầu hết các địa điểm trong nhà dân và cơ quan Xứ ủy đã đóng trụ sở đều bị địch dò la, khám xét. Chúng treo giải thưởng cao cho người nào bắt được Lê Viết Thuật và Nguyễn Lợi. Do vậy, có những lúc các đồng chí đã rơi vào tình trạng không nơi ẩn nấp. Nhưng nhờ tài xoay sở của đồng chí Nguyễn Thị Ninh, một căn lán nhỏ đơn sơ lợp bằng lá toi đã được dựng lên tại một nơi hoang vu rậm rạp với nhiều cây dứa gai sắc nhọn thuộc vùng Đệ Thập. Tại đây, Lê Viết Thuật đã ngày đêm soạn thảo nhiều bài viết cho báo Chỉ đạo của Xứ ủy, ra các chỉ thị, thông cáo quan trọng và giao cho đồng chí Lê Thị Vi (Vi Ninh) chuyển đi các cơ sở Đảng.

Trước sự truy lùng gắt gao của kẻ thù, Lê Viết Thuật đã quyết định làm biến dạng khuôn mặt của mình để dễ bề hoạt động. Anh đã nhờ đồng chí Nguyễn Lợi ở lại sắc thuốc cho anh uống. Thuốc ngấm vào người, Lê Viết Thuật lên cơn sốt và toàn thân đau đớn dữ dội, anh phải nghiền chặt hai hàm răng chống chọi với những cơn đau. Ít lâu sau, khuôn mặt trẻ đẹp của Lê Viết Thuật đầy những vết rỗ, biến dạng hoàn toàn.

Từ khi đồng chí Nguyễn Phong Sắc bị bắt (03/5/1931), đồng chí Lê Mao bị bắn chết, đường dây liên lạc với Trung ương bị đứt, Lê Viết Thuật lo cùng cố lại tổ chức Xứ ủy Trung Kỳ. Anh chủ trương phải bằng mọi cách liên lạc với Trung ương.

Cuối tháng 6/1931, Xứ ủy họp mở rộng và bầu bổ sung thêm 3 ủy viên là Phan Thái Ất, Lê Xuân Đào, Nguyễn Xuân Thanh. Như vậy, cùng 4 ủy viên cũ: Lê Viết Thuật, Nguyễn Tiềm, Nguyễn Lợi, Mai Kính, Xứ ủy có 7 đồng chí ủy viên chỉ đạo phong trào hai tỉnh. Nhưng đến tháng 12/1931, các đồng chí Phan Thái Ất, Nguyễn Xuân Thanh, Nguyễn Lợi, Nguyễn Tiềm đều bị bắt. Lê Viết Thuật phải chiến đấu trong tình trạng gần như "đơn thương độc mã" trước bối cảnh cách mạng bị thoái trào nhưng đồng chí vẫn không hề nao núng. Với mạng lưới giao thông còn duy trì được trong chừng mực nhất định, đồng chí vẫn ngày đêm chỉ đạo các địa phương cố gắng bảo vệ tính mạng, tài sản của quần chúng, bảo vệ những hạt nhân nòng cốt của cách mạng còn sót lại, để có thời gian sẽ phục hồi lại tổ chức và phong trào cách mạng.

Nhưng tiếc thay, cuối năm 1931, cơ quan Xứ ủy Trung Kỳ bị lộ, đồng chí Lê Viết Thuật, người Bí thư Xứ ủy cuối cùng bị sa vào tay địch. Bọn mật thám đã vây bắt đồng chí tại một túp lều ở giữa cánh đồng Trền, làng Hưng Dũng, thành phố Vinh. Biết mình không thể chạy thoát, Lê Viết Thuật đã nhai và nuốt vội một số tài liệu của Đảng, rồi vớ lấy cái chai đập mạnh vào đầu tự sát. Trong hồ sơ tù của đồng chí Lê Viết Thuật lưu tại Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh có một bức điện tín của thực dân Pháp ngày 08/12/1931 với nội dung như sau: "... Lê Thuật ủy viên Đại biểu Ủy ban Trung ương tại Xứ ủy Trung Kỳ bị An ninh Vinh bị bắt cùng với 2 phụ nữ Giao thông vào 9 giờ sáng nay gần thành phố Vinh. Lê Thuật lãnh đạo rất quan trọng đã cố tình tự sát bằng cách đập vỡ chai rỗng nhiều lần. Tình trạng của y không nghiêm trọng. Phát hiện nhiều tài liệu, 19 vỏ đạn. Đang tìm súng ngắn."

Sau khi bắt được Lê Viết Thuật, thực dân Pháp đã đưa anh vào giam tại Nhà lao Vinh. Dù sử dụng đủ mọi thủ đoạn mua chuộc và tra tấn dã man Lê Viết Thuật nhưng kẻ thù đã bất lực, không thể lay chuyển được tinh thần của người cộng sản kiên trung. Thực dân Pháp đã hèn hạ bắt người cha là thầy giáo Lê Viết Hiến vào Nhà lao Vinh để nhận mặt con, nhằm lung lạc tinh thần Lê Viết Thuật, tra tấn cực hình cả hai cha con trước mặt nhau.

## ĐẤT & NGƯỜI XỨ NGHỆ

Chúng nghĩ rằng vì thương cha, Lê Viết Thuật có thể mềm lòng. Đứng trước người con trai bị đánh đập và tra tấn đến sưng vù mặt mũi, chân tay và thân hình bị biến dạng, ông Lê Viết Hiến đã nén cơn xúc động, mở mắt thật to để nhìn chằm chằm vào mắt của người con trai yêu quý rồi quay phắt sang nhìn bọn mật thám đang nóng lòng chờ đợi mà đồng dục nói to rằng: *"Người này không phải là con trai của tôi! Các ông đã nhầm rồi, con trai tôi là Lê Viết Thuật đã chết đuối ở sông Lam năm ngoái rồi. Tôi không biết người này là ai cả..."*.

Nghe vậy, bọn mật thám tức lồng lộn, cho bọn tay chân tra tấn, đánh đập tàn nhẫn ông ngay trước mặt đồng chí Lê Viết Thuật đến tàn phế, nhưng ông vẫn kiên quyết không nhận mặt con. Tinh thần chiến đấu và sức chịu đựng kiên cường của hai cha con đồng chí Lê Viết Thuật đã làm cho kẻ thù phải khiếp sợ. Tin đó được lan truyền khắp các phòng giam tại Nhà lao Vinh, làm cho tù chính trị rất khâm phục. Họ quyết noi gương và học tập, giữ vững lòng tin để khỏi sa ngã trước mọi âm mưu xảo quyệt của kẻ thù.

Sau một thời gian chịu đựng tra tấn và mọi thủ đoạn đê hèn của kẻ thù, đồng chí Lê Viết Thuật hy sinh vào tháng 3/1932 tại xà lim giám binh Nhà lao Vinh.

Được tin Lê Viết Thuật hy sinh, đồng chí Nguyễn Tiềm (nguyên Bí thư đầu tiên của Tỉnh ủy Nghệ An, Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Trung Kỳ) đã làm bài thơ tiễn biệt:

*"Nhớ ai, ai có nhớ ta không?*

*Ta nhớ người xa cách mấy trùng*

*Nhớ lúc luận đàm câu vận mệnh*

*Nhớ khi hò hét nợ non sông*

*Nhớ trăng in bóng lòng sông Cả*

*Nhớ gió lùa mây đỉnh núi Hồng*

*Càng nhớ, càng trông, càng thổn thức*

*Nhớ ai, ai có nhớ ta không?"*

Sau này cụ Lê Thị Lục, em gái Lê Viết Thuật có kể lại lần cuối cùng anh mình trở về nhà gặp gia đình như sau: *"Hôm đó, có một người bán nước mắm, cũng gáo dĩa, cũng thùng, xin vào nhà nấu nhờ một bữa cơm. Nấu xong cơm, ông đặt cái mẹt ngồi ăn ngoài thềm, thỉnh thoảng lại ngước nhìn những người trong nhà. Thấy ông ăn cơm không có gì, người nhà đưa cho mấy con cá mu, cá ve. Ăn xong, ông trả mấy đồng bạc và nói rằng trả công cho gia đình vì đã cho ông trọ nhờ. Sau đó ông đi, mọi người trong nhà cứ ngỡ ngỡ nhưng không nghĩ ra. Mãi sau này mọi người mới biết đó chính là người con, người anh Lê Viết Thuật đã bí mật cải trang để trở về thăm lại bố mẹ, anh em sau nhiều tháng ngày thoát ly hoạt động cách mạng. Trước mặt gia đình, mặc dù tình cảm trào dâng nhưng Lê Viết Thuật vẫn cố nuốt nước mắt vào lòng, cố nén tình riêng để giữ vẹn lời thề trước Đảng, trước Nhân dân."*

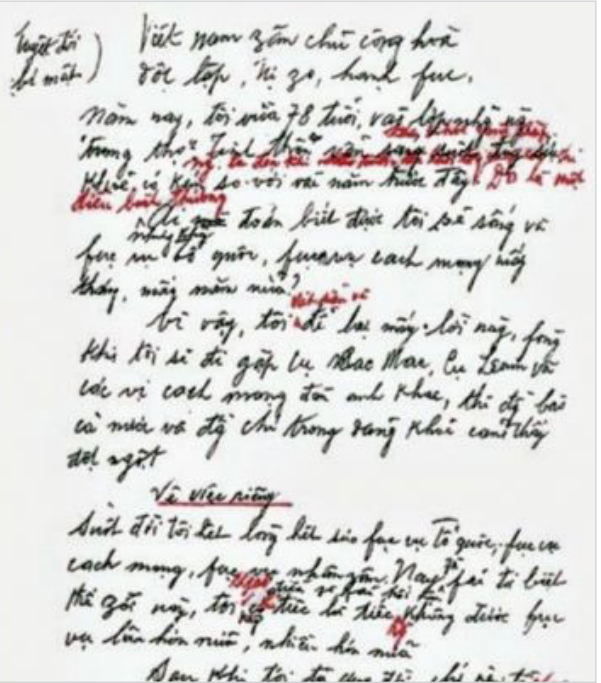
Để làm tròn nghĩa vụ đối với quê hương, đất nước, Lê Viết Thuật và nhiều đồng chí khác đã phải hy sinh tất cả, kể cả những tình cảm gần gũi nhất như gia đình, cha mẹ, anh em. Nhưng chính môi trường khắc nghiệt của những năm tháng đất nước đắm chìm trong đau thương nô lệ đã rèn giũa, đã tôi luyện nên phẩm chất người chiến sĩ cộng sản, hình thành lý tưởng sống cho một thế hệ thanh niên Việt Nam vì mục tiêu đánh đuổi kẻ thù, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, dành cơm áo, ruộng đất cho Nhân dân.

Dù hy sinh khi tuổi đời còn rất trẻ nhưng tên tuổi, hình ảnh Lê Viết Thuật còn sống mãi với quê hương và trong lòng mỗi người dân xứ Nghệ, nhắc nhở mỗi chúng ta không ngừng nỗ lực, phấn đấu, vươn lên xây dựng đất nước, quê hương ngày càng giàu mạnh, xứng đáng với sự hy sinh to lớn của các thế hệ cha anh đi trước. Tri ân những đóng góp của Lê Viết Thuật cho cách mạng, tên của ông đã được đặt cho nhiều cơ quan, đơn vị, trường học, đường phố như: Xưởng cơ khí Lê Viết Thuật tại Thanh Chương (trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), đường Lê Viết Thuật và Trường THPT Lê Viết Thuật tại thành phố Vinh.



# Văn hóa chính trị trong bản Di chúc của BÁC HỒ

MẠCH QUANG THẮNG



**B**ác Hồ viết *Di chúc* từ tháng 5/1965. Đó là bản thảo đầu tiên, mà là bản duy nhất đánh máy [cơ] do Bác tự làm. Các năm 1966, 1967, Bác hầu như không sửa chữa, bổ sung gì thêm. Năm 1968, Bác sửa chữa, bổ sung nhiều. Đến tháng 5/1969, Bác viết lại mấy đoạn đầu. Thành thử, bản *Di chúc* này được soạn thảo tới 4-5 lần. Còn nhiều điểm lý thú nữa, nhưng xin dừng lại để bình luận về mấy ý liên quan tới văn hóa chính trị của Bác sau đây:

## 1) Tuy sức khỏe bị giảm sút, nhưng “tinh thần vẫn sáng suốt”

Tháng 3/1968, Bác có bài thơ chữ Hán *Vô đề*, nhà thơ Khương Hữu Dụng dịch như sau: *Thuốc kiêng, rượu cũ đã ba năm, / Không bệnh là tiên sướng*

*tuyệt trần. / Mừng thầy miền Nam luôn thắng lớn, / Một năm là cả bốn mùa Xuân.*

Như vậy là trước đó 3 năm, tức là năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu bỏ thuốc lá theo lời khuyên của các thầy thuốc, chứng tỏ sức khỏe của Bác “có vấn đề”, nhất là bệnh liên quan tim và phổi (sau này, các bệnh này tái phát nặng vào năm 1968). Xem trong bộ sách 10 tập *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, do Viện Hồ Chí Minh và Các lãnh tụ của Đảng biên soạn (Nxb CTQG, H, xuất bản lần thứ ba, 2016), chúng ta thấy rằng, Bác phải rời khỏi Hà Nội để đi chữa bệnh khá nhiều lần. Nhưng điều đáng lưu ý nhất ở đây, như Bác viết trong *Di chúc*, là “tinh thần vẫn sáng suốt”. Chúng ta tin vào điều này, bởi vì nhiều tài liệu, kể cả hình ảnh, phim tài liệu về thời gian sắp sửa qua đời, mọi cử chỉ, lời nói của Bác đều tỏ rõ một cách tường minh. Những

lời Bác viết trong các bản thảo của Di chúc đều được viết trong trạng thái minh mẫn, sáng suốt.

Đáng chú ý là trong quãng thời gian đó, tình hình đất nước và thế giới rất phức tạp. Cả nước, chứ không chỉ riêng miền Nam, chuyển sang tình trạng chiến tranh ác liệt. Trước mùa Hè năm 1965, đế quốc Mỹ chưa đưa quân đội Mỹ đến trực tiếp tham chiến, nhưng sau Hè, chúng bắt đầu đưa quân đội Mỹ và quân một số nước đánh thuê vào trực tiếp tham chiến ở miền Nam đồng thời chính thức tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc. Hai Hội nghị Trung ương Đảng khóa III trong năm 1965 (Hội nghị 11 vào tháng 3 và Hội nghị 12 vào tháng 12) đã nhận định rằng, từ chỗ chỉ có miền Nam có chiến tranh còn miền Bắc có khoảng 10 năm sống trong hoàn cảnh tương đối hòa bình, thì từ năm 1965 cả nước là một chiến trường, với nhiệm vụ thiêng liêng nhất là chống Mỹ, cứu nước. Từ năm 1966, máy bay Mỹ đã ném bom xuống thủ đô Hà Nội. Chính năm 1966 này, có lần Bác đến Côn Sơn (thành phố Chí Linh, Hải Dương hiện nay) đọc bia Nguyễn Trãi rồi về nhà sàn Hà Nội viết Lời kêu gọi “Không có gì quý hơn độc lập, tự do!” đưa ra thông điệp biểu thị mạnh mẽ Việt Nam quyết tâm đánh Mỹ. Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta bước vào cuộc chiến đấu mới với mức độ cực kỳ gay go, khốc liệt. Khởi lửa chiến tranh trùm lên cả nước. Bộ óc của Đảng, tiêu biểu nhất là Chủ tịch Hồ Chí Minh, hầu như phải dành hết cho nhiệm vụ lãnh đạo chống Mỹ, cứu nước. Những cuộc đấu trí, đấu lực diễn ra không ngừng nghỉ giữa một bên là lực lượng cách mạng ở nước ta với một bên là Mỹ có tiềm lực kinh tế, quốc phòng rất lớn. Cuộc Tổng tiến công của lực lượng cách mạng nước ta Tết Mậu Thân năm 1968 đã gây cho lực lượng địch nhiều thiệt hại, nhưng thực tế khắc nghiệt hơn nhiều so với những thắng lợi mà phía ta đã giành được vì sau đó địch phản công làm cho lực lượng cách mạng bị tổn thất. Song song với những điều đó, phong trào cộng sản quốc tế, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc, càng có sự bất đồng lớn, và đến năm 1969 đã ở vào đỉnh điểm gay gắt chưa từng có, quân đội của cả hai nước dàn quân đánh nhau lớn ở biên giới. Tình hình phức tạp này ảnh hưởng không nhỏ đến nội bộ Đảng ta. Bác buộc phải bỏ

ra rất nhiều tâm sức cho việc củng cố đoàn kết nội bộ Đảng.

Như vậy là, những năm 1965 - 1969 là những năm thật sự nóng bỏng, căng thẳng cả trong và ngoài nước. Hoàn cảnh đó cũng đã thấm vào từng câu, từng chữ trần trở của bản Di chúc. Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người của những dự báo tài ba và con người của hành động tích cực, luôn luôn biết nhìn về phía trước. Do vậy, Người đã có những dòng viết sâu sắc, sáng suốt cho tương lai.

### 2) Tự sự của Nhà văn hóa Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư, chứ không đề là di chúc. Bác viết là “để sẵn mấy lời”. Gọi là Di chúc không sai. Thường ai mà viết di chúc thì chúng ta sẽ thấy người đó dặn lại việc A việc B... cho người còn sống thực hiện ý kiến của mình, và thường hay viết di chúc để lại tiền bạc, của cải cho ai đó được hưởng một cách hợp pháp sau khi mình qua đời. Còn ở đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh có rất nhiều đoạn viết có tính chất tự sự, mà những đoạn này rất lý thú khi nhìn ở góc độ văn hóa chính trị.

- Đoạn mở đầu là về lý do viết thư. Gọi là “mấy lời” nhưng Bác đề cập nhiều việc, toàn là những việc đại sự, nhưng nếu khái quát nhất là ở mấy chữ: “Đảng và Dân”. Bác cũng có viết về việc riêng, nhưng việc riêng lại đầy tính nhân văn, mang tính nhân dân và còn mang cả ý nghĩa vấn đề toàn cầu. Phần viết về Đảng thì Bác ưu tiên: “Trước hết nói về Đảng”, “việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng”. Rồi Bác dặn dò 8 công việc cụ thể: đoàn kết trong Đảng; bồi dưỡng thể hệ cách mạng cho đời sau; rèn luyện đạo đức cách mạng; tự phê bình và phê bình; giữ gìn Đảng ta thật trong sạch; cán bộ, đảng viên phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân; Đảng phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa nhằm không ngừng nâng cao đời sống của Nhân dân; Đảng phải góp phần vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh không quên vai trò to lớn của Nhân dân và viết rằng: “công việc đầu tiên

là đối với con người". Bác cho rằng: "Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột. Từ ngày có Đảng, Nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng". Bác dặn dò 10 việc cụ thể đối với các tầng lớp nhân dân sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước thắng lợi: hàn gắn vết thương chiến tranh; khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa; giải quyết đời sống và học nghề cho những người đã phục vụ chiến đấu ở chiến trường, chăm lo đến những gia đình chính sách; xây dựng các công trình (vườn hoa và bia kỷ niệm) tưởng niệm người có công; giải quyết công việc làm cho những người thuộc nạn nhân của chế độ xã hội cũ; chính sách đối với phụ nữ; chăm lo sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế; củng cố quốc phòng; chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc; chú trọng xây dựng lại đất nước ta "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" sau chiến tranh.

Đặc biệt nhất là Bác chú ý tới nông dân. Cũng đúng thôi, vì Việt Nam là nước nông nghiệp. Bác viết: "Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miền thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hi hã, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất". Đây có lẽ là Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn tiếp nối tư tưởng của các vị tiền nhân anh minh thời trước về an dân, khoan thư sức dân sau chiến tranh - tư tưởng đúng đắn đầy tính nhân văn sâu sắc đối với dân, một bài học quý giá muôn đời, không bao giờ cũ trong suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam.

- Tình yêu thương con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là thế, mà Người còn dành tình cảm đặc biệt, viết ở cuối bản Di chúc: "Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn, và các cháu thanh

niên nhi đồng quốc tế". Tình cảm đó của Bác còn thể hiện ở nghĩa tình trước sau khi tự sự rằng, Bác có ý định đến ngày thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, sẽ "đi khắp hai miền Nam Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta. Kế theo đó, tôi sẽ thay mặt Nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta".

- Bác viết về việc riêng, những đoạn này thì rất đặc sắc, cảm động, đúng nghĩa tự sự của một bức thư trước khi đi vào cõi vĩnh hằng. Riêng, nhưng lại mang ý nghĩa đại sự, là cái chung cho nhân cách, cho hậu thế. Đoạn ấy, tức là đoạn bổ sung năm 1968 như sau: "Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ Nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa". Hối hận thì không, nhưng tiếc thì có. Trước khi qua đời 2 tháng, trong cuộc trả lời phỏng vấn của một nữ nhà báo *Granma* (Cuba), Bác nói "Tôi hiến dâng cuộc đời tôi cho dân tộc tôi". Trước đó, trong những năm tháng bôn ba ở nước ngoài, Bác nói rằng, độc lập cho Tổ quốc tôi, tự do cho đồng bào tôi, đó là tất cả những gì tôi muốn, đó là tất cả những điều tôi hiểu. Bác còn nói với nữ phóng viên Cuba rằng, những khi ẩn nấp nơi núi non, ra vào chốn tù tội, là vì tôi muốn đấu tranh cho nước nhà được độc lập, dân ta được hưởng tự do, ấm no, hạnh phúc; rằng mỗi người Việt Nam đều có nỗi đau riêng của mình, gộp tất cả những nỗi đau đó lại thành nỗi đau của Bác (Lẽ nào có một phép cộng số học kỳ diệu đến vậy!). Bác còn nói với các nhà báo từ đầu năm 1946 rằng, Bác là người không ham công danh phú quý một chút nào, Bác chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Trong bản Di chúc, Bác trịnh trọng ghi "lời mong muốn cuối cùng" của mình là: "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập,

dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”. Còn tiếc? Bác không phải tiếc vì mình chưa có vật chất đủ đầy cao sang, tiền của nhiều, nhà cao cửa rộng...mà tiếc là không còn sống lâu nữa để phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ Nhân dân (phục vụ là làm đầy tớ). Đó là sự tiếc nuối của một bậc đại nhân, đại trí, đại dũng, sự tiếc nuối của người “Anh hùng dân tộc vĩ đại” (do Trung ương Đảng ta “phong” cho Bác trong Điều văn tại Lễ Truy điệu Bác tại Quảng trường Ba Đình, sáng ngày 9/9/1969), của “Nhân vật kiệt xuất”, “Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất” (do UNESCO tôn vinh Bác trong một Nghị quyết năm 1987 nhân dịp tiến tới Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Người). Đối với thi hài của mình, Bác yêu cầu xử lý trên tinh thần cái chung và thật sự mang tính khoa học về môi trường sinh thái, mà ngày nay chúng ta thấy rất rõ. Cả thế giới từ cuối thế kỷ XX đến nay đang gồng mình giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường sinh thái; như thế đủ biết rằng tầm nhìn của Bác thật xa nhằm góp phần xử lý vấn đề toàn cầu đặt ra một cách cấp thiết.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hoàn toàn ý thức được rằng, việc thực hiện những điều đó là không hề dễ dàng một chút nào, đúng như Người viết: Đó

là những việc “rất to lớn, nặng nề, và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”. Gọi đó là “cuộc chiến đấu khổng lồ” thì thật là chính xác.

55 năm đã trải qua, kể từ tháng 9/1969 ấy. Bây giờ nhìn lại, chúng ta thấy có những việc toàn Đảng, toàn dân Việt Nam đã thực hiện những điều dặn dò của Bác đạt kết quả rất xuất sắc, như chống Mỹ, cứu nước và nhiều việc khác, nhưng cũng còn nhiều việc thực hiện hoặc còn chậm, hoặc chưa thật tốt, hoặc nữa là không có điều kiện thực hiện. Đó là biện chứng của cuộc sống. Nếu tất cả đều tốt đẹp cả thì không phải là cuộc sống trên trái đất này, vì ngày nay chúng vẫn xoay như bàn xoay đồ gốm và đầy các biến cố khó lường. Chắc chắn rằng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta càng thấm rõ hơn cái tính chất “rất to lớn, nặng nề, và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang” đó. Thấm rõ hơn để thực hiện tốt hơn Di chúc của Bác. Đó là thông điệp ngút ngàn tình thương yêu của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với mỗi con dân đất Việt chúng ta.

1. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.441. Vô đề/Tam nguyên bất nguyệt tửu suy yên,/Nhân sinh vô bệnh thị chân tiên./Hỷ kiến Nam phương liên đại thắng,/Nhất niên tứ quý đổ xuân thiên.
2. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.615.
3. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.617.
4. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.613.
5. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.618.
6. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.615.
7. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.624.
8. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.627.
9. Xem Nghị quyết 18.6.5 về Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong sách “UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất” do Mạch Quang Thắng, Bùi Đình Phong, Chu Đức Tính (Đồng Chủ biên), Nxb CTQG, H, 2013, tr.71-72.
10. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, tr.617.



Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

# Giá trị văn hóa trong Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh

ĐẶNG CÔNG THÀNH - LÊ XUÂN CHUNG\*

Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, trình trọng tuyên bố trước toàn dân và toàn thế giới về sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuyên ngôn độc lập của Người là áng văn lập quốc vĩ đại, là văn kiện có giá trị cao về tư tưởng, lý luận, văn hóa vô cùng đặc sắc, trường tồn cùng dân tộc và nhân loại; là nơi kết tinh và tỏa sáng những nét đẹp văn hóa rất tiêu biểu của dân tộc như: yêu nước, đoàn kết, nhân ái, khoan dung và yêu chuộng hòa bình.

Có thể nói, Tuyên ngôn độc lập mà Hồ Chí Minh soạn thảo là sự khái quát cao nhất về khát vọng của dân tộc Việt Nam trong việc khẳng định chủ quyền dân tộc để xác lập quyền dân tộc và quyền con người trong thời đại

mới. Chính Người từng khẳng định: “Tuyên ngôn độc lập là kết quả của những bản yêu cầu gửi cho Hội nghị Véc xây mà cụ Hồ đã viết năm 1919 và Chương trình Việt Minh cụ Hồ đã viết năm 1941. Hơn nữa bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của

những bản tuyên ngôn khác của tiền bối như các cụ Thủ Khoa Huân, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu và của nhiều người khác, của bao nhiêu sách báo truyền đơn bí mật viết bằng máu và nước mắt của những nhà yêu nước từ hơn tám mươi năm nay” [1]. Đó là sự hy sinh cao quý của những người con ưu tú của dân tộc, đấu tranh bền bỉ không tiếc xương máu của bản thân cho sự nghiệp cao cả.

Người viết: “Bản Tuyên ngôn độc lập là hoa là quả của bao nhiêu máu đã đổ và bao nhiêu tính mạng đã hy sinh của những người con anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường... Bản Tuyên ngôn độc lập là một trang vẻ vang trong lịch sử Việt Nam” [2]. Từ những giá trị đó mà người viết Tuyên ngôn được xem là linh hồn của dân tộc Việt Nam, là hiện thân của chủ nghĩa dân tộc chân chính. Vì vậy, Tuyên ngôn không chỉ là sự kết tinh của văn hóa dân tộc và nhân loại mà còn chuyển tải được sự nghiệp văn hóa Hồ Chí Minh mà trong đó nội dung của Tuyên ngôn đã xác lập các khái niệm, phạm trù văn hóa chính trị Việt Nam hiện đại.

Nếu nhìn văn hóa ở góc độ hoạt động thực tiễn để tạo ra giá trị vật chất và tinh thần, nhà văn hóa lớn của Colombia khẳng định: “Bản thân cách mạng cũng là một sự nghiệp văn hóa, nó biểu hiện trọn vẹn một thiên hướng và khả năng sáng tạo, chứng minh và đòi hỏi ở tất cả chúng ta một niềm tin sâu sắc ở tương lai” [3]. Còn Đại tướng Võ Nguyên Giáp thì khẳng định: “Sự nghiệp văn hóa quan trọng nhất của Người là đã lãnh đạo toàn dân đánh đuổi giặc ngoại xâm trong thời đại mới, giành lại cho Nhân dân những quyền sống của con người, một cuộc sống có văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần cùng với loài người loại trừ một trở lực to lớn trên con đường tiến lên thế giới văn minh, xóa đi một vết nhơ trong lịch sử là chế độ thuộc địa” [4]. Nói như vậy, Hồ Chí Minh thực sự là một nhà văn hóa kiệt xuất và sự nghiệp cách mạng của Người chính là sự nghiệp văn hóa, giá trị văn hóa mà Hồ Chí Minh xác lập dựa trên giá trị của loài người.

Nói đến văn hóa là nói tới giá trị, là bàn tới trình độ con người trong các mối quan hệ xã hội và tự nhiên, trong đó nổi lên là tầm trí tuệ văn hóa. Từ phương diện này chúng ta thấy Tuyên ngôn độc lập năm 1945, là một điển mẫu của việc sử dụng tri thức trong việc giải quyết các mối quan hệ xã hội. Đó là việc, Người đã kế thừa giá trị văn hóa nhân loại trong việc khẳng định quyền con người. Mở đầu Tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh đã dùng các khái niệm như “tất cả mọi người...”, “người ta sinh ra...”, để mở đầu cho sự khẳng định điều tự nhiên của con người văn minh, tiến bộ phải được thừa hưởng giá trị “tự do”, “bình đẳng”...

Như vậy, cách mạng Mỹ và cách mạng Pháp đã xác lập một giá trị văn hóa mà không ai có thể chối cãi, Người gọi đó là lẽ phải, là chân lý hiển nhiên của con người. Có thể nói Hồ Chí Minh đến với cách mạng, xác lập sự nghiệp mới của cách mạng từ giá trị văn hóa của nhân loại. Một sự trùng hợp đến lạ lùng, đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh ngồi trong căn nhà của một gia đình tư sản dân tộc để viết Tuyên ngôn độc lập mà mở đầu cũng chính là sự kế thừa những giá trị văn hóa của tư sản để khẳng định chủ quyền dân tộc Việt Nam. Ở sự trùng hợp lạ lùng này có nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định đây là cơ sở để Người “phát huy khả năng tiên tri, tiên giác về một nền văn hóa nhân văn của thời đại mới mang tính phổ quát của toàn nhân loại. Với nguồn lực văn hóa lớn lao và tươi mới như vậy, Hồ Chí Minh đã cùng với cả dân tộc ta làm nên sự nghiệp chính trị vĩ đại: giành độc lập, tự do cho dân tộc và Nhân dân, đem lại hạnh phúc cho con người” [5].

Văn hóa là một kho tàng kiến thức của con người về thiên nhiên, cuộc sống cũng như đánh giá sự tồn tại mà giá trị của nó có thể tăng cường lòng tin vào tính hoàn thiện không ngừng của con người. Muốn tồn tại, cùng với việc xây dựng, chất chiu những giá trị văn hóa, thì phải loại bỏ khỏi cuộc sống những tư tưởng và hành vi phản văn hóa. Trên phương diện đó, chúng ta thấy điểm chung của văn hóa được biểu hiện ở trình độ tri thức làm người - trình độ người là văn hóa. Trình độ người ở đây, được hiểu là sự tôn trọng về quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc “Tạo hóa cho họ những quyền không ai có

thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” [6]. Đặc trưng của văn hóa là sự tiếp biến và vượt gộp. Có nghĩa là tiếp thu những giá trị văn hóa của nhân loại từ đó biến đổi thành cái riêng cái đặc sắc của chính mình; còn vượt gộp là thấu thái những giá trị văn hóa của nhân loại từ đó vượt lên trên tất cả. Về phương diện này, mở đầu Tuyên ngôn độc lập năm 1945, chúng ta thấy rất rõ, Hồ Chí Minh đã tiếp thu giá trị văn hóa của nhân loại mà trực tiếp là di sản văn hóa về quyền con người trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776, và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791, để nâng nó lên thành quyền dân tộc, Người viết: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” [7]. Người gọi đó là lẽ phải - tức là chân lý khách quan, hiển nhiên. Từ giá trị văn hóa này mà nhân loại không thể phủ nhận quyền con người và quyền dân tộc của cách mạng Việt Nam cho dù họ không muốn. Vì vậy mà quyền dân tộc được Hồ Chí Minh xác lập đã trở thành một giá trị phổ biến trong thế giới đương đại hiện nay.

Khẳng định và xác lập về chủ quyền của một dân tộc độc lập cũng chính là sự sáng tạo ra một sự nghiệp văn hóa mới của Hồ Chí Minh. Chúng ta biết, chủ nghĩa thực dân là một vết nhơ của lịch sử, là phản văn hóa. Đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa thực dân, xóa bỏ một vết nhơ của lịch sử là một sự nghiệp văn hóa vĩ đại, Người vạch trần bản chất phản văn hóa đó của thực dân: “Hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta”. Từ sự xâm lược thuộc địa, vi phạm quyền dân tộc tất yếu dẫn đến vi phạm các quyền cơ bản của con người như quyền dân chủ, dân sinh, tự do... Cụ thể: “Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu. Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu, cần, để làm cho nòi giống ta suy nhược” [8].

Có thể nói, Tuyên ngôn độc lập là một sáng tạo văn hóa độc đáo của Hồ Chí Minh. Thông qua

Tuyên ngôn, Hồ Chí Minh đã thể hiện tính sáng tạo, lưu giữ, giáo dục cho cái đúng, cái tốt, và tạo điều kiện cho cái đẹp được nảy nở trong xã hội. Sau khi vạch trần tội ác man rợ của thực dân Pháp gây ra đối với Nhân dân Việt Nam, như việc chúng hai lần bán nước ta cho Nhật, thẳng tay khủng bố Việt Minh, thậm chí khi thua chạy, chúng còn nhấn tâm giết nốt số đông tù chính trị, v.v... Nhưng khi chúng ta giành được thắng lợi “đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo,... cứu nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ” [9]. Đoạn văn trên đã thể hiện trình độ người của quan hệ xã hội. Chúng ta ứng xử với thực dân Pháp trên góc độ của văn hóa người - cốt lõi là văn hóa khoan dung được đúc kết hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, là đặc biệt tôn trọng tính mạng con người. Với tư tưởng này, Hồ Chí Minh thực sự là một nhà chính trị có một nhãn quan văn hóa toàn diện bao quát và sâu sắc.

Từ lời mở đầu bản Tuyên ngôn độc lập cho đến đoạn kết của Tuyên ngôn, chúng ta thấy, điều xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh đều hướng tới một quan hệ văn hóa. Người kiến giải trên góc độ của văn hóa, nền tảng của văn hóa; từ văn hóa chính trị, văn hóa đạo đức cho đến văn hóa pháp luật. Về văn hóa chính trị, Người tố cáo chủ nghĩa thực dân Pháp thực thi một nền chính trị độc tài, phi dân chủ, phản dân chủ và mất nhân tính, để đi đến khẳng định chủ nghĩa thực dân là thú tính: “Về chính trị - Chúng tuyệt đối không cho dân ta một chút tự do dân chủ nào” [10].

Nhận thức về văn hóa chính trị ở Hồ Chí Minh đã có trước đó, trong tác phẩm Nhật ký trong tù năm 1942, ở mục đọc sách Người đã nêu lên năm điểm lớn của nền văn hóa mới, trong đó về chính trị, Người viết: “Xây dựng một nền chính trị dân quyền”. Chính yếu tố văn hóa trong Tuyên ngôn độc lập đã làm cho Tuyên ngôn trường tồn cùng dân tộc. Là một nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam, hơn ai hết, Hồ Chí Minh thấu hiểu rằng không thể nào có ý thức độc lập, tự do, xây dựng chính trị dân quyền nếu Nhân dân còn mù chữ. Vì vậy, Người tố cáo chính sách giáo dục của thực dân “chúng lập nhà tù nhiều hơn trường học” và “thi hành chính sách ngu dân”. Hành động phản văn hóa của thực dân đã mang một tội ác to lớn

“chúng dùng thuốc phiện, rượu cần để làm cho nòi giống ta suy nhược”.

Sau khi tố cáo những tội ác của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đi đến tuyên bố “Xây dựng nước Việt Nam độc lập”, lập lên chế độ dân chủ cộng hòa, thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp. Kể từ đây một sự nghiệp văn hóa mới ra đời. Sự nghiệp văn hóa đó gắn liền với độc lập dân tộc, tự do cho Nhân dân, quyền con người và quyền dân tộc được đảm bảo trên thực tế “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập” [11]. Để xứng đáng với một nước tự do độc lập, Người đã đề ra những nhiệm vụ cấp bách, trong đó có hai nhiệm vụ được xem là đỉnh cao của văn hóa là chống nạn đói và nạn dốt. Người chủ trương “phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất”..., và “mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ” [12]. Bởi vì một dân tộc dốt là một dân tộc yếu; một dân tộc nghèo là một dân tộc hèn. Người xem nghèo đói, dốt nát là một thứ giặc; xem thói quen và những truyền thống lạc hậu cũng là một loại kẻ thù. Cho nên “Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại Nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập” [13].

Kể từ sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, trên cơ sở pháp lý quốc tế, Nhân dân ta đã được tiếp thêm động lực tinh thần để tự mình xây dựng một nền văn hóa mới, trong đó Nhân dân là chủ thể của những giá trị văn hóa và sự sáng tạo ra văn hóa.

Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa có ý nghĩa sâu sắc về chính trị, nó trở thành một giá trị văn hóa chính trị trong việc xác lập quyền con người và quyền dân tộc từ đó toát lên giá trị đạo đức của đạo lý và pháp lý. Tuyên ngôn độc lập còn nói với Nhân dân Việt Nam rằng, cách mạng Việt Nam quyết thực hiện những mục tiêu cao cả ấy: Độc lập, Tự do, Hạnh phúc cho đất nước, cho dân tộc, cho con người Việt Nam.

Trong bối cảnh mới của tình hình quốc tế, khu vực và đất nước hiện nay, tư tưởng chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Tuyên ngôn độc lập vẫn còn giữ nguyên giá trị, ý nghĩa mở đường đổi mới, soi sáng tương lai, trường tồn cùng dân tộc và nhân loại. Vì vẫn còn phải đấu tranh xây dựng một nền văn hóa chính trị với những chuẩn mực pháp lý và đạo lý trong sự tôn trọng quyền độc lập, quyền tự do, quyền bình đẳng cho mỗi dân tộc, và quyền tự do, quyền bình đẳng, quyền hạnh phúc cho mỗi con người.

\*. Học viện Chính trị - Bộ QP.

[1] Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.157-158

[2] Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Sđd, tr.158.

[3] Bùi Đình Phong, Trí tuệ và bản lĩnh Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.365.

[4] Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Hội thảo Quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.21.

[5] Trần Văn Bính, Vai trò văn hóa trong hoạt động chính trị của Đảng ta hiện nay, Nxb Lao động Hà Nội, 2000, tr.51.

[6] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.1.

[7] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 11, tr.285.

[8] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 4, tr.2.

[9] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 4, tr.2.

[10] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 4, tr.1.

[11] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 4, tr.3.

[12] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 4, tr.7.

[13] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 4, tr.7.





Mít tinh tổng khởi nghĩa tại Quảng trường Nhà hát lớn Hà Nội (Ảnh tư liệu)

# Có một cuộc Cách mạng Tháng Tám trong thơ

## ĐOÀN MẠNH TIẾN

Bảy mươi chín năm trước đây, Cách mạng Tháng Tám là mốc son chói lọi trong lịch sử của dân tộc Việt Nam. Cách mạng Tháng Tám đã khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, đã mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do. Với cảm xúc mãnh liệt, dâng trào, các nhà thơ đã viết về sự kiện lịch sử ấy với những câu thơ đầy ấn tượng.

Tổ Hữu là nhà thơ đầu tiên viết về Cách mạng Tháng Tám. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám vừa mới thành công, chỉ trong một thời gian ngắn, Tố Hữu đã có hai bài thơ viết về sự kiện trọng đại này: bài Huế Tháng Tám và bài Vui bất tuyệt. Bài Huế Tháng Tám đã ghi lại những cảm xúc dâng trào của nhà thơ, và đây là hình ảnh Huế - quê hương ông trong những ngày lịch sử: "Hãy mở mắt: quanh Hoàng cung biển lửa/Đã dâng lên ngập Huế đỏ cờ sao/Mở mắt trông: Trời đất bốn

phương chào/Một dân tộc đã ào ào đứng dậy/Chừ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy". Sự kiện chính trị trong thơ Tố Hữu không tồn tại dưới dạng lý trí khô khan mà bùng lên khí sắc, gây được niềm cảm hứng thực sự. Kể từ đây, đất nước là của ta, sông núi là của ta rồi, ta đã giành được độc lập, tự do. Niềm vui lớn của dân tộc vỡ oà, chói lọi, hình ảnh trong thơ hoà quyện với nhịp đập của trái tim, với nhịp điệu, lời thơ: "Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi!/Nước mắt ta trào, húp mí, tràn môi/Cổ ta rẽ

trăm trận cười, trận khóc/Ta ôm nhau, hôn nhau từng mái tóc/Hà hề chưa? Ai bịt được hồn ta?/Ta hét huyền thuyên, ta chạy khắp nhà/Ai dám cầm ta say, say thần thánh?" (Huế Tháng Tám). Thời khắc lịch sử ấy là mạch nguồn cảm xúc lớn lao cho mọi người Việt Nam, kể từ nay, Cách mạng Tháng Tám đã đổi đời cho cả dân tộc, niềm hạnh phúc thật là viên mãn: "Ngực lép bốn nghìn năm, trưa nay cơn gió mạnh/Thổi phồng lên. Tim bỗng hóa mặt trời/Có con chim nào trong tóc nhảy nhót hót chơi?/Ha! Nó hót cái gì vui vui nghe thiệt ngộ!/Gió, gió ơi!Hãy làm giông làm tố/Cuốn tung lên cờ đỏ máu thơm tươi/Vàng, vàng bay đẹp quá, sao, sao ơi!/Ta ngã vật trong dòng người cuộn thác/Ôi!Thiên đường! Tài miên man lắng nhạc..." (Huế Tháng Tám). Trước sự thay đổi thần kỳ của cả dân tộc trong những tháng ngày lịch sử ấy, Tố Hữu đã thể hiện niềm vui vô tận của người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam trong những hình ảnh đậm nét, lộng lẫy, trong những câu thơ sôi nổi, trẻ trung: "Vui quá đêm nay/Ta nhảy, ta bay/Ta hát suốt đêm nay vui bất tuyền/Trống trong tim ta nhịp đập bồn chồn/Hồn ta cháy sáng ngời trên ngọn đuốc/Lòng ta múa lồng lên theo đám rước/Ta xông lên trời với pháo thăng thiên/Bay, bay lên!Hỡi đôi cánh thần tiên/Đôi cánh mở của đất trời giải phóng" (Vui bất tuyền).

Nhà thơ Thanh Hải cũng kịp thời ghi lại bằng thơ những giây phút chói ngời, thăng hoa của lòng người trong sự kiện vĩ đại ấy. Trong bài thơ Đứng trên Ngõ Môn, ông nhắc đến lâu Ngõ Môn (thuộc kinh thành Huế), nơi đây, Vua Bảo Đại đã thoái vị, nơi chứng kiến sự kết thúc vĩnh viễn của chính quyền phong kiến Việt Nam: "Đây là lâu Ngõ Môn/Đây là vua Bảo Đại/Đang đọc lời thoái vị/Trước hàng vạn nhân dân/Áo vàng, vành khăn úa/Hết cuộc đời vua chúa" (Thanh Hải - Đứng trên Ngõ Môn).

Và đây là không khí cách mạng ở Hà Nội: "Hàng vạn người kéo về Bắc Bộ Phủ/Quyết xông lên giành lấy chính quyền/Không còn sống kiếp nô lệ nữa/Toàn dân làm chủ cuộc đời mình" (Lê Nam - Hà Nội Tháng Tám năm 1945). Viết về Hà Nội, nhà thơ Huy Cận cũng trào dâng cảm xúc. Với trí tưởng tượng phong phú, ông đã khắc họa hình ảnh đẹp, tráng lệ của lá cờ đỏ sao vàng ở Thủ đô Hà Nội trong những ngày Tháng 8/1945, mỗi đường phố Hà Nội thành những nhánh sông đỏ bóng cờ. Cả Thủ đô thành một lá cờ vĩ đại với năm cánh sao là năm cửa ô: "Ba mươi sáu phố ngày hôm ấy/Là những nhánh sông đỏ bóng cờ/Chói lợi sao vàng hoa vĩ đại/Năm cánh xòe trên năm cửa ô" (Hà Nội mùa thu Tháng Tám).

Và như vậy là cảm hứng thơ ca đã có mặt trong những bài thơ về Cách mạng Tháng Tám. Cả đất nước đã vùng lên, cả dân tộc đã đứng dậy với ý chí kiên cường, bất khuất, vượt qua mọi gian khổ hy sinh, ào ạt tiến công. Đây là những câu thơ hùng hực hào khí Việt Nam: Xiềng xích chúng bay không khóa được/Trời đầy chim và đất đầy hoa/Súng đạn chúng bay không bắn được/Lòng dân ta yêu nước thương nhà/Súng nổ rung trời giận dữ/Người lên như nước vỡ bờ/Nước Việt Nam từ máu lửa/Rũ bùn đứng dậy sáng lòa" (Nguyễn Đình Thi - Đất nước).

Các nhà thơ viết về Cách mạng Tháng Tám bằng những câu thơ bùng bùng khí thế. Bản lĩnh và sức mạnh của toàn dân tộc Việt Nam sẽ chiến thắng tất cả: "Từ Hà Nội đến Huế, Sài Gòn/Từ bản xa xôi đến xóm làng gần/Sóng cuộn biểu tình dâng lên lớp lớp/Đỏ rừng cờ nghĩa, trắng rừng gươm" (Xuân Thủy - Tổng khởi nghĩa). Trong những câu thơ trên, ta thấy cái cụ thể của từng hình ảnh, từng chi tiết đều có sức gợi, góp phần tạo nên bức tranh chân thực về Cách mạng Tháng Tám và trong chiều sâu của hiện thực như đang trỗi dậy cả sức sống của dân tộc. Sức mạnh ấy, khí thế ấy cũng được thể hiện trong thơ Tố Hữu: "Tổng khởi nghĩa!Lệnh truyền đêm trước/Rồi quân ta giải phóng Thái Nguyên/Hà Nội, Huế, Sài Gòn, cả nước/Đứng lên ta giành lấy chính quyền" (Theo chân Bác).

Nhà thơ đã chào đón Cách mạng Tháng Tám với tâm trạng hào hứng, sôi nổi: "Gió bay đi mà nhạc cũng bay theo/Đưa tin mới khắp đất trời nước Việt/Hoa cỏ đón mà núi sông cũng biết/Cờ Việt Nam oanh liệt gió mừng bay/Cách mạng Tháng Tám thành công rồi!Ôi kiêu hãnh, tự hào thay! Độc lập, tự do từ đây vĩnh viễn" (Xuân Diệu - Ngọn quốc kỳ). Sau hơn 80 năm sống trong cảnh nô lệ, từ nay cuộc đời đã được đổi thay tận gốc: "Một sáng đây cờ đỏ/Bỏ về với súng gươm/Mừng lau hàng lệ rơi/Mất mẹ tan mù sương/Tám mươi năm bị phủ/Mưa rào trút sạch trơn" (Trần Huyền Trân - Cách mạng Tháng Tám như cơn mưa lớn).

Nhà thơ Lê Đức Thọ đã khẳng định một cách hùng hồn tầm vóc và ý nghĩa to lớn của Cách mạng Tháng Tám: “Cách mạng Tháng Tám thành công/Là tấm gương soi rục rĩ/ Cho các nước thuộc địa vùng lên khởi nghĩa/ Giành chính quyền về tay nhân dân/Ôi! Việt Nam! Tấm gương đi đầu trên con đường giành tự do, độc lập” (Cách mạng Tháng Tám). Với thắng lợi này, từ đây, Tổ quốc, Nhân dân hân hoan bước vào chặng đường mới với tương lai tươi sáng: “Cách mạng tháng Tám chỉ trong hai mươi ngày/Mà làm đổi thay tất cả/Không còn nữa kiếp người nô lệ/ Toàn dân ta đã được đổi đời/Đất nước từ nay tự do, độc lập/Kìa! Tương lai rục rĩ, sáng ngời” (Sóng Hồng - Cách mạng mùa thu).

Như vậy là Cách mạng Tháng Tám đã mở ra kỷ nguyên mới cho đất nước, đem đến nguồn cảm hứng mới cho thơ ca. Gần 8 thập kỷ đã trôi qua kể từ Cách mạng Tháng Tám, giờ đây, đọc lại những vần thơ ấy, ta vẫn thấy hùng hực hào khí Việt Nam.

# Phát triển dân tộc Ơ Đu TỪ VỐN XÃ HỘI

BÙI HÀO



Người dân bản Văng Môn tham gia họp thảo luận về bảo tồn di sản văn hóa truyền thống người Ơ Đu

**T**rong quá trình lịch sử của mình, ở vị thế của một cộng đồng có dân số ít ỏi sống cạnh các cộng đồng lớn hơn, người Ơ Đu đã khéo léo vận dụng nguồn vốn xã hội của mình để mở rộng nguồn lực phát triển. Và trong bối cảnh hiện nay, khi mà vốn xã hội ngày càng có vai trò quan trọng hơn, thì việc phát huy nguồn lực này vào phát triển Ơ Đu là một điều hết sức cần thiết.

## Vị thế của một dân tộc thiểu số rất ít người

Theo số liệu từ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2019, quy mô và cơ cấu dân số của người Ơ Đu ở Việt Nam hiện nay như sau: Tổng dân số người Ơ Đu là 428 người. Trong đó, có 237 nam và 191 nữ. Phân theo thành thị và nông thôn thì có 29 người ở thành thị (gồm 9 nam và 20 nữ) và 399 người ở nông thôn (gồm 228 nam và 171 nữ)<sup>(1)</sup>.

Hiện nay, người Ơ Đu tập trung đông nhất ở bản Văng Môn thuộc xã Nga My, huyện Tương Dương. Đây là một bản tái định cư dành cho cộng

đồng này được thành lập từ năm 2006 khi Nhà nước xây dựng Nhà máy Thủy điện Bản Vẽ. Ban đầu có 73 hộ thuộc 8 bản (Kim Hòa, Bản Com, Xốp Pốt, Xốp Cháo, Bản Củng, Tạ Xiêng, Bản Mã, Cha Coong) ở 4 xã là Kim Đa, Kim Tiến, Hữu Dương, Hữu Khuông tái định cư về. Đến năm 2007 có thêm 5 hộ gia đình ở Đu di cư tự phát về đây. Sau đó có nhiều hộ gia đình được tách ra khi con cái trưởng thành. Và hiện nay, Bản Văng Môn có hơn 100 hộ gia đình với hơn 400 nhân khẩu ở Đu.

Là một cộng đồng có quy mô dân số nhỏ, sống xen kẽ với các cộng đồng lớn hơn như Thái, Khơ Mú, nên người ở Đu chịu nhiều ảnh hưởng về văn hóa, xã hội của các tộc người xung quanh. So với người Thái - dân tộc thiểu số có dân số đông nhất khu vực miền núi Nghệ An thì người ở Đu phải chịu thân phận “cuông”, “nhóc”. Vị thế xã hội của họ là thấp so với các cộng đồng khác. Người ở Đu cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ về văn hóa của các cộng đồng khác. Nhiều người còn cho rằng người ở Đu đã bị “Thái hóa”, “Khơ Mú hóa” và hiện nay đang bị “Kinh hóa”. Điều này cũng có lý khi mà nhìn vào sự biến đổi văn hóa của người ở Đu cũng như những mối liên hệ văn hóa - xã hội giữa họ và các cộng đồng bên cạnh. Người ở Đu học tập nhiều kỹ năng sản xuất của các cộng đồng xung quanh, đặc biệt là người Thái. Họ hoặc học cách dệt may để tạo ra trang phục hoặc đi mua bán, trao đổi để có áo quần từ người Thái để mặc. Nhiều kinh nghiệm sản xuất nương rẫy và một số lĩnh vực khác của người ở Đu chủ yếu học từ người Thái hoặc người Khơ Mú. Đặc biệt, người ở Đu ở Tương Dương chỉ có một dòng họ nên theo nguyên tắc ngoại tộc hôn thì họ không chấp nhận kết hôn với nhau mà phải có quan hệ hôn nhân với các cộng đồng khác chủ yếu là người Thái và người Khơ Mú. Qua quan hệ hôn nhân, nhiều đặc trưng văn hóa của các cộng đồng Thái, Khơ Mú được những người ở Đu tiếp nhận, thậm chí còn phát triển. Vậy nên, nhìn theo một góc độ khác, chưa hẳn là người ở Đu bị đồng hóa văn hóa, mà có thể coi là họ đã tận dụng và tiếp nhận các giá trị văn hóa của các cộng đồng khác để phục vụ cho quá trình sinh tồn và phát triển của mình một cách phù

hợp. Đây cũng là cách mà nhiều cộng đồng thiểu số rất ít người lựa chọn trong quá trình phát triển.

### **Vốn xã hội nội tộc người: niềm tin và sự tương trợ trong phát triển kinh tế**

Cũng như các cộng đồng khác, vốn xã hội nội tộc người là một nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế cũng như kiến tạo các giá trị văn hóa. Trong vốn xã hội nội tộc thể hiện được cả các đặc trưng quan trọng là niềm tin chặt chẽ, là mối quan hệ tốt đẹp và mạng lưới xã hội chặt chẽ hơn. Vậy nên, càng ngày, vốn xã hội nội tộc người càng giữ vai trò quan trọng trong quá trình phát triển. Với một cộng đồng có dân số ít như người ở Đu thì vốn xã hội nội tộc người lại càng thêm phần quan trọng.

Người ở Đu trước đây sinh sống tập hợp thành các nhóm, sống di cư nên quy mô làng bản khá nhỏ. Sau đó họ tập trung hơn nhưng cũng chỉ là các nhóm vài chục nóc nhà là chủ yếu, có mối quan hệ họ hàng, thân thiết với nhau. Họ cùng nhau khai thác các khoảng rừng ở lưng chừng để làm nương rẫy. Quan hệ giữa các nhóm ở gần nhau cũng khăng khít. Ba thiết chế xã hội quan trọng tạo nên mạng lưới xã hội nội tộc người của người ở Đu là gia đình, dòng họ và làng bản. Gia đình ở Đu theo phụ hệ, người đàn ông làm chủ gia đình và con cái theo họ cha. Làng bản của người ở Đu cũng có lúc được xây dựng một cách cơ bản. Nhưng sau này, do quy mô dân số quá ít, sống xen kẽ với các cộng đồng khác nên không tạo ra được các thiết chế xã hội chặt chẽ hơn. Họ phải chịu thân phận “cuông”, “nhóc” trong các bản mà chủ là người Thái hoặc Khơ Mú. Cho đến khi tái định cư về bản Văng Môn ở xã Nga My thì người ở Đu mới có một bản lớn với hơn một trăm hộ gia đình. Trong bối cảnh đó, dòng họ và gia đình là hai thiết chế quan trọng. Nhưng dòng họ của người ở Đu cũng rất đặc thù là họ chỉ có một dòng họ Lo là chính. Điều này làm cho quan hệ giữa các gia đình người ở Đu thêm vững chắc bởi họ quan niệm là cùng huyết thống, có chung ông tổ và giờ họ vẫn làm giỗ.

Trong các hoạt động kinh tế, vốn xã hội nội tộc rất quan trọng. Vì coi mình cùng chung huyết

thống nên người Ô Đu có quan hệ chặt chẽ với nhau. Họ tin tưởng và hỗ trợ cho nhau trong các hoạt động kinh tế. Từ việc đi làm nương rẫy, đổi công làm việc hay trao đổi một số sản phẩm với nhau đều có vai trò của vốn xã hội. Khi họ cần bán một con trâu, một con lợn hay một mảnh đất, một ngôi nhà, thì người Ô Đu sẽ ưu tiên bán cho những người đồng tộc của mình. Thậm chí họ chấp nhận với giá rẻ hơn so với bán cho người ngoài. Một khảo sát đối với 31 trường hợp đang sinh sống tại bản Văng Môn về việc khi cần bán một tài sản có giá trị (nhà cửa, đất đai, trâu, bò, lợn, xe máy...) thì ông bà sẽ ưu tiên bán cho ai. Câu trả lời phần nào cho thấy điều đó:

Nội dung	Số người	Tỷ lệ %
Bán cho người Ô Đu trong bản	16	51,6
Bán cho người Ô Đu ngoài bản	7	22,6
Bán cho người dân tộc khác trong bản	3	9,7
Bán cho người dân tộc khác ngoài bản	2	6,4
Bán cho ai được giá nhất	3	9,7
Tổng	31	100,0

*Nguồn: Khảo sát của tác giả năm 2023*

Lý giải về việc tại sao người Ô Đu lại muốn trao đổi, buôn bán với những người trong tộc mình hơn, một người đàn ông 69 tuổi cho rằng: “Dân tộc chúng tôi còn lại ít người, lại sống rải rác ở các làng bản khác nhau. Gần đây mới được tập trung phần lớn vào một bản như ở Văng Môn. Vậy nên phải yêu thương đùm bọc lẫn nhau. Những sản phẩm thiết yếu ngày thường, người ta mua bán sao cho thuận tiện là được. Vì ai cũng bỏ tiền ra mua bán cả. Nhưng các tài sản lớn thì khác. Phải có việc gì cần hay chuyển đi nơi khác sinh sống thì họ mới phải bán đi. Vậy nên họ muốn bán cho người trong họ/tộc mình hơn. Vì đất hay rẻ cũng anh em cả. Có thiệt một chút hay lợi một chút thì cũng là anh em nhau cả. Mặt khác, với đất đai nhà cửa chẳng hạn,

thì họ vẫn muốn bán cho người cùng tộc trong bản để không xáo trộn nhiều cuộc sống. Anh em cùng họ thì không thể tính toán quá với nhau được”.

Không chỉ trong việc trao đổi, buôn bán, mà trong cuộc sống hàng ngày thì mạng lưới xã hội nội tộc người Ô Đu cũng rất chặt chẽ. Những người sống ở các bản làng gần nhau thường tìm đến nhau những dịp lễ tết. Thậm chí những người ở xa cũng lần tìm đến nhau để được trò chuyện, thăm hỏi với nhau. Có nhiều người còn đi qua Lào để thăm hỏi đồng tộc của mình. Gần đây, khi bản tái định cư Văng Môn hình thành, nhiều gia đình đang sống rải rác ở các bản thường đi đến Văng Môn để được gặp nhiều đồng tộc vào dịp lễ tết.

Một điều quan trọng nữa là vai trò của mạng lưới xã hội nội tộc người Ô Đu trong việc giúp đỡ con em thanh niên đi tìm kiếm việc làm xa nhà. Hiện nay, có gần trăm thanh niên người Ô Đu đang đi đến các đô thị để kiếm kế sinh nhai. Họ làm việc ở các khu công nghiệp hay làm cho các doanh nghiệp ở đô thị từ Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hà Nội, Sài Gòn, Đồng Nai, Bình Dương và thành phố Vinh. Hầu hết những thanh niên khi đi tìm kiếm việc làm ở đô thị đều chủ yếu dựa vào mạng lưới xã hội đồng tộc. Trong số 11 người đi làm ở TP Vinh mà tôi được gặp thì có 7 người đi lần đầu qua sự giới thiệu của người quen trong bản, 3 người đi học ở Vinh sau đó tự kiếm việc làm và 1 người là đi do sự giới thiệu của một người Kinh có quen biết với cha mẹ. Những người đi làm ở các đô thị giữ mối quan hệ thường xuyên với gia đình thông qua tin tức từ mạng lưới xã hội cũng như tạo ra nguồn tài chính quan trọng để tái thiết cuộc sống gia đình ở quê.

#### **Vốn xã hội liên tộc người: năng động và chủ động tiếp cận thông tin trong phát triển kinh tế**

Dù rằng vốn xã hội nội tộc người của người Ô Đu là rất quan trọng. Nhưng để tồn tại và phát triển được, họ không thể co cụm lại mà phải không ngừng mở rộng vốn xã hội liên tộc người của mình để tăng cường nguồn lực phát triển. Họ có quy mô dân số ít, sống xen kẽ với người Thái, người Khơ Mú nên nhiều khi phải chịu lép vế trong các mối



*Những người phụ nữ Thái và Khơ Mú về làm dâu Ở Đu ở bản Văng Môn*

quan hệ xã hội. Nhưng họ cũng nỗ lực không ngừng để mở rộng các mối quan hệ của mình với các cộng đồng khác, tạo thành một mạng lưới xã hội đa dạng, dày đặc hơn trong quá trình phát triển.

Ngày trước, do ít người nên để yên ổn làm ăn, người Ở Đu cũng chấp nhận cống nạp, chia sẻ một số sản phẩm mình kiếm được cho các chủ ruộng ở nơi mà họ sinh sống. Quan trọng hơn, họ cũng tạo ra mối quan hệ trao đổi các sản phẩm với các cộng đồng khác như Thái, Khơ Mú. Người Ở Đu mang các sản phẩm nông nghiệp để đổi lấy trang phục, vải vóc của người Thái, đổi lấy đồ đan lát của người Khơ Mú. Những hoạt động trao đổi này cũng được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến.

Một điểm nhấn quan trọng bậc nhất, kiến tạo nên tính chất của vốn xã hội liên tộc người của người Ở Đu chính là quan hệ hôn nhân đa tộc người. Như đã đề cập đến, người Ở Đu chỉ có một dòng họ là họ Lo. Mà theo quy tắc ngoại tộc hôn thì anh em trong cùng một họ không được lấy nhau. Nên trong xã hội truyền thống, người Ở Đu rất ít khi kết hôn với nhau. Vậy nên họ có quan hệ hôn nhân với các cộng đồng khác như Thái, Khơ Mú một cách chặt chẽ. Đàn ông Ở Đu chủ yếu lấy phụ nữ Thái và Khơ Mú. Còn đàn bà Ở Đu cũng đi làm dâu tộc người khác. Chỉ mấy năm gần đây mới xuất hiện một vài trường hợp người Ở Đu lấy nhau khi họ chấp nhận quan niệm là cùng họ nhưng cách xa nhiều đời thì được phép kết hôn. Chỉ khảo

sát tại bản Văng Môn cho thấy, năm 2020, trong bản có 99 hộ Ở Đu thì có 52 phụ nữ Khơ Mú và 44 phụ nữ Thái làm dâu, chỉ có 3 trường hợp đặc biệt là người Ở Đu lấy nhau mà thôi. Qua quan hệ hôn nhân, người Ở Đu đã tiếp nhận các kỹ năng, kỹ thuật sản xuất, thủ công của các cộng đồng khác về để phát triển kinh tế cho gia đình mình. Đó cũng là một trong những nguyên nhân mà trong kho tàng tri thức của người Ở Đu lại chứa rất nhiều tri thức tương đồng với người Thái, người Khơ Mú. Quan trọng hơn, trong bối cảnh tiếp cận kinh tế thị trường hiện nay, thì mạng lưới xã hội liên tộc người qua hôn nhân lại giúp đỡ cho người Ở Đu rất nhiều. Trong tổng số 8 người đang tham gia vào nghề dệt may để may trang phục bán cho người dân trong bản và trong vùng thì tất cả đều là phụ nữ Thái lấy chồng về đây và họ dệt theo kỹ thuật của người Thái. Trong 6 quán tạp hóa trong bản thì có 3 người phụ nữ Thái và 3 người phụ

nữ Khơ Mú làm chủ. Hai người làm rượu cần để bán cũng là phụ nữ Thái về làm dâu. Như vậy, thông qua quan hệ hôn nhân, người Ô Đu không chỉ tiếp nhận các kỹ năng, tri thức về sản xuất mà còn kiến tạo ra mạng lưới xã hội liên tộc người rộng lớn hơn. Qua đó họ trao đổi, hợp tác hay mở rộng các mối quan hệ khác một cách mạnh mẽ hơn.

Trong khoảng hai thập kỷ gần đây, người Ô Đu bắt đầu tiếp xúc mạnh mẽ hơn với những người Kinh trong quá trình phát triển. Nhiều người đi ra ngoài làm ăn đã làm quen với người Kinh và bắt đầu có những hợp tác làm ăn. Nhiều người đi ra làm thợ xây cùng với người Kinh. Thanh niên đi làm ở các đô thị cũng có mối quan hệ với người Kinh. Điều đó giúp cho họ mở rộng hơn nữa mạng lưới xã hội liên tộc người của mình. Họ theo dõi các kênh thông tin, chủ động tiếp cận các thông tin về chính sách phát triển, về thị trường và nhiều vấn đề khác qua các mạng xã hội bằng tiếng Kinh. Sự chủ động đã giúp người Ô Đu ngày càng có thêm cơ hội để tiếp cận các nguồn lực phát triển hơn.

Tóm lại, mạng lưới xã hội liên tộc người của người Ô Đu đang ngày càng được mở rộng. Từ các mối quan hệ truyền thống với người Thái, người Khơ Mú thì nay còn có thêm người Kinh và một số nhóm khác. Người Ô Đu cũng tham gia vào các mạng xã hội ảo do công nghệ phát triển tạo ra. Và điều đó giúp cho họ chủ động tiếp cận các nguồn thông tin trong quá trình phát triển.

# VỀ BÀI THƠ *Lịch sử nước ta* của Nguyễn Ái Quốc

LÊ ĐÌNH CÚC

Sau 30 năm bôn ba khắp nơi trên thế giới tìm đường cứu nước, năm 1941 Nguyễn Ái Quốc về nước để trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Một trong những việc làm của Người là giáo dục tinh thần yêu nước, phát huy lòng tự hào về lịch sử vẻ vang của dân tộc, động viên toàn dân đoàn kết để làm cách mạng, giành độc lập cho Tổ quốc. Tháng 8 năm 1941, Người đã viết *Lịch sử nước ta*. Bộ Tuyên truyền của Việt Minh xuất bản vào tháng 2 năm 1942.

*Lịch sử nước ta* ca là một tác phẩm viết về lịch sử nước Việt Nam từ thời Hồng Bàng dựng nước đến năm 1942 (thực ra là đến năm 1945 bởi cuối bài thơ có lời tiên tri lạ lùng: "1945 - Việt Nam độc lập").

Qua tác phẩm, tác giả khẳng định truyền thống yêu nước, đoàn kết quý báu của Nhân dân ta. Truyền thống đó đang được Nhân dân tiếp tục phát huy trong giai đoạn chống thực dân Pháp với những tấm gương anh hùng tiêu biểu.

Tác phẩm được viết với thể thơ lục bát dễ đọc, dễ hiểu, dễ nhớ cho Nhân dân lúc đó phần lớn là nông dân mù chữ.

## LỊCH SỬ NƯỚC TA

1. Dân ta phải biết sử ta,

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.

Kể năm hơn bốn ngàn năm,

Tổ tiên rục rờ anh em thuận hòa.

5. Hồng Bàng là tổ nước ta.

Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang.

Thiếu niên ta rất vẻ vang,

Trẻ con Phù Đổng tiếng vang muôn đời.



*Đền thờ Triệu Đà (Triệu Vũ Đế) còn gọi là đền Đồng Xâm thuộc xã Hông Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Nguồn: baothaibinh.com.vn*

Tuổi tuy chưa đến chín mươi,

10. Ra tay cứu nước dẹp loài vô lương.

*An Dương Vương thế Hùng Vương,*

Quốc danh Âu Lạc cầm quyền trị dân.

**Triệu Đà là vị hiền quân**

**Quốc danh Nam Việt trị dân năm đời.**

15. Nước Tàu cậy thế đồng người,

Kéo quân áp bức giống nòi Việt Nam.

Trong bản viết tay của Bác Hồ<sup>(1)</sup>, những sự kiện quan trọng, các triều đại, các thời kỳ lịch sử được Bác gạch chân đậm bằng mực: Hồng Bàng, Văn Lang, Phù - Đổng, An Dương Vương, Hùng - Vương, Âu - Lạc, Triệu - Đà, Nam - Việt...

Sách *Tổng tập Văn học Việt Nam* (tập 38) NXB. Khoa học Xã hội. 2000 sau câu 12 "Quốc danh Âu Lạc cầm quyền trị dân" là dấu chấm lửng "....." có nghĩa là thiếu.

*Trang Điện tử* của Đại học Vinh đăng nguyên văn bài thơ nhưng không trích nguồn.

Thực ra Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) không phải là người viết sử Việt Nam đầu tiên,

cũng không phải là người đầu tiên viết sử bằng thơ. Trước Bác 700 năm đã có Lê Văn Hưu viết *Đại Việt Sử ký* (đời Trần Nhân Tông, năm Nhâm Thân 1272) "gồm 30 quyển, chép lịch sử từ Triệu Vũ Đế (Triệu Đà) đến Lý Chiêu Hoàng". Tiếp theo là *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên. Cùng thời Trần còn có *Việt Sử lược* (khuyết danh) và có một người Việt Nam chạy theo Trần Ích Tắc phản quốc sang đầu hàng giặc Nguyên là Lê Tắc (1263 - 1342) đã viết *An Nam chí lược* năm 1333 và nhiều sử gia khác đều có viết về **Triệu Đà** và nước **Nam Việt**.

Riêng lịch sử Việt Nam được viết bằng văn vần, bằng thơ trước Bác đã có nhưng đến thế kỷ XIX nổi tiếng nhất là *Đại Nam quốc sử diễn ca* của một tác giả vô danh ở cuối triều Lê viết vào năm Đinh Vị (1857). Sau đó các ông Lê Ngô Cát (1827 - 1875) và Phạm Đình Toái (1818-1901) sửa chữa và in vào năm 1870.

*Lịch sử nước ta* của Nguyễn Ái Quốc, theo Wikipedia: "tác phẩm là "Bài thơ gồm 208 câu lục bát, tiếp sau đó là niên biểu lịch sử Việt Nam, được ông đặt dưới tên gọi *Những năm quan trọng*, gồm 30 cột mốc, bắt đầu từ mốc trước Tây lịch "2879 - Hồng Bàng" và kết thúc là mốc: "1945 - Việt Nam độc lập"....





Tượng thờ Triệu Đà đặt tại miếu Nam Việt Vương.  
Nguồn: vanon.vn

“Cuốn sách được viết bằng tập giấy dó mỏng dính, khổ 9 x 15 cm. Trong đó, Hồ Chí Minh đã tường thuật cả tiến trình hơn 4.000 năm lịch sử “dựng nước và giữ nước” cho đến đầu thế kỷ 20. Tất cả chỉ 14 trang (có hai trang mục lục), có nhắc tới đủ hết các triều đại, nhân vật lịch sử Việt Nam. Khi xuất bản cuốn sách này, Hồ Chí Minh vừa là tác giả vừa là biên tập viên, vừa là người trình bày, vừa là họa sĩ minh họa, đồng thời lại là thợ in và sửa morasse. Vào thời gian xuất bản, cuốn sách được in bằng thạch bản. Bên trong sách, còn có hình minh họa (sáu bức tranh): ông Đền Thám cưới ngựa, Lý Thường Kiệt cầm kiếm, Hai Bà Trưng cưỡi voi xung trận... do chính tay Hồ Chí Minh vẽ.”

### 1. Về tên nước Nam Việt

Kho tàng ca dao nước ta từ xa xưa truyền lại từ đời này qua đời khác đã có câu:

Tháng năm ngày Tết Đoan Dương  
Là ngày giỗ mẹ Việt Thường Văn Lang.  
Vậy Việt Thường ở đâu?

*Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Nước Việt ta lần đầu sang thăm nhà Chu (không rõ vào đời Hùng Vương thứ mấy), xưng là Việt Thường thị, hiến

chim trĩ trắng...”. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* ghi cụ thể hơn: “Phía Nam bộ Giao Chỉ có Việt Thường thị qua ba lần sứ dịch, sang dâng chim trĩ trắng”. Còn có nhiều ý kiến về Việt Thường nhưng hồi ức của tổ tiên ta về một Việt Thường xa xưa là không phải bàn cãi.

Triệu Đà đặt tên nước ta là **Nam Việt**. Nam là phía Nam, Việt là Việt Thường. Tất cả những bộ sử tiêu biểu và đáng tin cậy của nước ta như: *Việt sử lược*, (đời Trần, khuyết danh), *An Nam chí lược*, Lê Tắc (đời Trần, tông vong, phản quốc), *Việt sử Yếu*, Hoàng Cao Khải (cận đại, làm quan cho thực dân Pháp), *Việt Nam sử lược*, Trần Trọng Kim (hiện đại, Thủ tướng Chính phủ của Bảo Đại). *Đặc biệt là Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi đều thừa nhận Triệu Đà và nước Nam Việt trong lịch sử nước ta như Nguyễn Ái Quốc đã viết trong *Lịch sử nước ta*.

*Bình Ngô đại cáo* (1428) là Bản Tuyên ngôn độc lập của Nguyễn Trãi tuyên cáo kết thúc cuộc kháng chiến chống Minh, giành lại độc lập cho dân tộc:

“Như nước Đại Việt ta từ trước  
Vốn xưng nền *văn hiến* đã lâu  
Núi sông bờ cõi đã chia,  
Phong tục Bắc Nam cũng khác.  
Từ **Triệu**, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập  
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên  
xung để một phương”.

*Đại cáo bình Ngô* (thế kỷ XV) đã khẳng định sự tồn tại độc lập, có chủ quyền của nước ta, đã xác định dân tộc ở nhiều phương diện: lãnh thổ, nền văn hiến, phong tục tập quán, lịch sử, chế độ, con người. Tức là nền *Văn hiến*, bắt đầu từ nhà **Triệu**.

Lịch sử cho thấy nước ta từ thời Hồng Bàng đến Văn Lang chỉ là huyện sử. Đến Âu Lạc của An Dương Vương gần với thực tế hơn (bởi còn đó di tích Cổ Loa) nhưng vẫn nhuộm màu dã sử với Thánh Gióng, với thành Cổ Loa do thần Kim quy xây nên, cùng với nỏ thần của Cao Lỗ chỉ là thần thoại.

Cho đến khi Triệu Đà xóa bỏ nước Âu Lạc của An Dương Vương, đặt tên nước là “Nam Việt trị dân năm đời” (Văn Vương, Minh Vương, Ai Vương, Thuật Dương Vương)<sup>(2)</sup>. Bắt đầu từ năm Đinh Tỵ (184 TCN) đến năm Canh Ngọ (111 TCN)

## DIỄN ĐÀN VĂN HÓA

bị nhà Hán đánh bại thì lịch sử nước ta mới sang trang mới: Nhà nước dù còn sơ khai, nước Nam Việt có thời gian bị mất tên nhưng vẫn tiếp nhận một xã hội tiền phong kiến ngày càng hoàn thiện hơn.

Đến năm 939, người anh hùng dân tộc Ngô Quyền với chiến thắng Bạch Đằng mới giành lại được độc lập cho dân tộc.

Trong nghìn năm Bắc thuộc đau thương ấy, để phục vụ cho bộ máy nhà nước thống trị, bọn cai trị nhà Hán đã đưa chữ viết vào nước ta, dùng chữ Hán làm công cụ “tái đạo”. Họ đưa buôn bán, trao đổi hàng hóa, đưa cây cấy, trồng trọt lên thành nghề nông (Sỹ, nông, công, thương). Đặc biệt là đưa Lễ giáo, Nho giáo của Khổng, Mạnh, Đạo giáo của Lão, Trang và Phật giáo vào đời sống xã hội nước ta. Tổ chức nhà nước, quan lại các cấp, quan chế, binh chế, điền chế, học hiệu, học thuật cũng dần dần được hoàn thiện trong xã hội. Cùng với chúng là các phong tục, lễ hội... Tất cả những gì người Hán đưa vào đã được (bắt buộc) Nhân dân ta tiếp nhận và dân tộc hóa, biến thành của mình để có “một nền văn hiến”, để sánh “Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương”.

### 2. Lịch sử nước ta của Bác Hồ có câu 13 và 14 không?

*Lịch sử nước ta* của Nguyễn Ái Quốc có bản là 208 câu, có bản là 210 câu, có bản 236 câu thơ (Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 24/9/2013). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, một cơ quan rất quan trọng, có uy tín trong xã hội đã xuất bản nhiều lần. Tôi không có điều kiện đọc hết nên có thể không biết nhưng các bản in *Hồ Chí Minh - Tuyển tập*. Tập 1 (1919 - 1945). Xuất bản lần thứ ba, năm 2002 ( tr. 594). Và *Hồ Chí Minh - Toàn tập*. Tập 3 (1930 - 1945). Xuất bản lần thứ 3, năm 2011 (tr.259) đều in:

#### LỊCH SỬ NƯỚC TA

Dân ta phải biết sử ta,

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.

Kể năm hơn bốn ngàn năm,

Tổ tiên rục rờ anh em thuận hòa.

5. *Hồng Bàng* là tổ nước ta.

Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang.

Thiếu niên ta rất vẻ vang,

Trẻ con *Phù Đổng* tiếng vang muôn đời.

Tuổi tuy chưa đến chín mười,

10. Ra tay cứu nước dẹp loài vô lương.

*An Dương Vương* thế *Hùng Vương*,

Quốc danh Âu lạc cầm quyền trị dân.

Nước Tàu cậy thế đông người,

Kéo quân áp bức giống nòi Việt Nam,

15. Quân Tàu nhiều kẻ tham lam.

Dân ta há để chịu làm tôi người?

*Lịch sử nước ta* trên đây không có câu thứ 13 và 14 trong bản gốc:

*Triệu Đà là vị hiền quân*

*Quốc danh Nam Việt trị dân năm đời.*

Như vậy là không có nước **Nam Việt** và nhà **Triệu** như các thông sử và *Đại cáo bình Ngô* đã viết. Đây là một trong những câu thơ quan trọng nhất về lịch sử Việt Nam, và là nhận xét, đánh giá hay, chính xác nhất về nhân vật lịch sử **Triệu Đà**: “*Vị hiền quân*” trong *Lịch sử nước ta*.

Tại sao có hiện tượng này? Thật không hiểu nổi. Hy vọng là vì lý do “Tác phẩm được in và tái bản nhiều lần. Tuy nhiên ngay trong bản in tái bản lần thứ hai (gồm 20 trang) đã có những chữ in sai so với bản in lần thứ nhất ở các trang 11, 14, 16,18,20... Bản in này bổ sung 16 câu lục bát nhưng chưa xác định được là của Chủ tịch Hồ Chí Minh hay của tác giả khác” (Bảo tàng Lịch sử Quốc gia - Tác phẩm *Lịch sử nước ta năm 1942 lưu giữ tại Bảo tàng lịch sử Quốc gia*).

Thời gian hơn 80 năm qua, từ năm 1942 đến nay, chiến tranh kết thúc đã nửa thế kỷ, không biết các cơ quan nghiên cứu lịch sử, văn học... đã chỉnh sửa, trả lại đầy đủ và công bố *Lịch sử nước ta* của Bác Hồ hoàn chỉnh như Đảng và Nhà nước đã làm với *Di Chúc* của Bác?.

1. “Nguyên văn câu thơ của Hồ Chí Minh” trong *Họ Triệu mấy vấn đề lịch sử*. Nxb. Hội Nhà văn. 2000, tr. 14.

2. Năm đời nhà Triệu gồm Vũ Đế ở ngôi 71 năm, Văn Vương ở ngôi 12 năm, Minh Vương ở ngôi 12 năm, Ai Vương ở ngôi 1 năm, Thuật Dương Vương ở ngôi 1 năm.



*Một buổi hòa nhạc ở Belarus*

# Cội nguồn văn hóa Slavơ giúp Belarus giữ được sự bình yên

HỒ BẮT KHUẤT

Nước cộng hòa Belarus là 1 trong 15 nước thuộc Liên Xô (cũ). Điều đáng nói là nước cộng hòa này không giáp biển, bị “kẹp cứng” giữa hai thế lực thù địch là các nước thuộc khối quân sự NATO và Liên bang Nga nhưng vẫn giữ được sự bình yên. Không phải sức mạnh kinh tế hay sức mạnh quân sự giúp Belarus làm được điều đó, mà chính là nhờ cội ngòi sức mạnh văn hóa Slavơ.

**Nguồn gốc chủng tộc, tiến trình lịch sử tạo nên diện mạo văn hóa**

Văn hóa Belarus là sản phẩm của một thiên niên kỷ phát triển dưới tác động của một số yếu tố đa dạng. Những yếu tố này bao gồm môi trường sống; Bối cảnh và bản sắc dân tộc của người Belarus; Truyền thống tự quản tạo điều kiện thuận lợi cho các mối liên hệ với Tây Âu, nuôi dưỡng sự tự lực, tự cường và ý thức trách nhiệm công dân. Ở đây, chúng ta thấy những yếu tố tích cực nhất của người Slavơ đều được người Belarus gìn giữ và phát huy.

## CỬA SỔ VĂN HÓA

Người Slavơ là nhóm ngữ tộc lớn nhất châu Âu. Các dân tộc Slavơ hiện nay được phân loại thành ba nhóm: Slavơ Đông - chủ yếu là người Belarus, người Nga và người Ukraina; Slavơ Tây - chủ yếu là người Séc, người Kashubia, người Moravia, người Ba Lan, người Silesia, người Slovakia và người Sorb; Slavơ Nam - chủ yếu là người Bosnia, người Bulgaria, người Croatia, người Macedonia, người Serbia và người Slovenia.

Các nhóm dân tộc Slavơ khá đa dạng song đều có sự liên hệ về mặt ngôn ngữ (hệ thống chữ viết Kirin), và ở mức độ nào đó là tôn giáo và văn hóa. Người Slavơ có thể được nhóm lại theo Chính thống giáo Đông phương, tôn giáo phát triển thứ hai của người Slavơ là đạo Công giáo Rôma. Tuy nhiên, hoạt động tôn giáo của người Slavơ luôn chừng mực và tinh tế, hầu như không chi phối đời sống tinh thần của con người - tôn giáo chỉ là chỗ dựa của tin sâu xa với ý nghĩa tích cực.

Trong tiến trình phát triển của lịch sử, những trào lưu chính trị - tư tưởng tác động mạnh mẽ và chi phối đời sống tinh thần của người dân Belarus. Sau những năm dài sống trong cường quốc Liên Xô (cũ) (1917 - 1991) và hơn 30 năm độc lập (từ 1991 đến nay), người Belarus đã tạo dựng cho mình một nền văn hóa hiện đại mang bản sắc riêng dựa trên những đặc điểm truyền thống của người Slavơ trên nền tảng lĩnh hội phong cách hiện đại. Sống giữa một châu Âu đang có mâu thuẫn và chia rẽ giữa Liên minh châu Âu và Liên bang Nga, đang có xung đột vũ trang ác liệt giữa Liên bang Nga và Cộng hòa Ukraina, người Belarus phải tạo ra thế cân bằng để tồn tại và phát triển. Những giá trị văn hóa giúp họ giữ được sự độc lập tương đối và định hướng tương lai trong điều kiện phức tạp này.

### **Chú trọng phát huy và phát triển văn học, âm nhạc, thể thao**

Với người Belarus, văn học là “trái tim” của nghệ thuật, là “linh hồn” của văn hóa. Hoạt động văn học ở Belarus có từ thế kỷ 11. Vào thế kỷ 12, St. Cyril xứ Turaw, được tôn kính trong số những người Slavơ Chính thống giáo là “Thánh Chrysostom thứ

hai”, đã viết các bài giảng và thánh ca. Vào thế kỷ 16, Francisk Skorina xứ Polatsk đã dịch Kinh thánh sang tiếng Belarus và viết phần giới thiệu. Vào thế kỷ 17, nhà thơ Belarus Simeon Polotsky là người đầu tiên mang phong cách văn học Baroque đến Moscow.

Văn học Belarus hiện đại bắt đầu vào nửa đầu thế kỷ 19 với tác phẩm của Yan Chachot và Vincent Dunin-Martsinkevich, những người đã dịch một phần sử thi Master Thaddeus của nhà thơ Ba Lan Adam Mickiewicz sang tiếng Belarus. Các tác phẩm văn học kinh điển đầu thế kỷ 20 bao gồm các tác phẩm của các nhà thơ Maksim Bahdanovich, Ales Harun, Vladimir Zylka, Kazimir Svayak, Yanka Kupala, và Yakub Kolas và các nhà văn Zmitrok Byadulya và Maksim Haretski. Nhiều nhà văn trong số này đã là cộng tác viên của tờ báo Belarus có ảnh hưởng *Ruộng đồng của ta*, xuất bản tại Vilnius trong giai đoạn 1906 - 1916. Có tầm quan trọng sống còn đối với việc hiểu được tình trạng khó khăn về văn hóa của Belarus trước chiến tranh và cách mạng là vở kịch *Người bản địa* (1922) của Kupala và tiểu thuyết ngắn *Hai linh hồn* (1919) của Haretski.

Nhiều nhà thơ và nhà văn xuôi xuất sắc đã tạo được dấu ấn của mình trong những năm 1920, bao gồm các nhà thơ Vladimir Dubovka và Yezep Pushcha, tiểu thuyết gia Kuzma Chorny, và nhà văn châm biếm kiêm nhà viết kịch Kandrata Krapiva. Những cuộc trao đổi văn chương của Pushcha với nhà thơ Andrey Aleksandrovich vào cuối những năm 1920 đã dẫn đến sự kiểm soát chính trị chặt chẽ hơn đối với các hoạt động văn hóa của Belarus.

Những nhà văn đáng chú ý nhất trong việc bảo tồn và phát triển truyền thống văn học Belarus trong những năm 1940 và 1950 là các nhà thơ Pimen Panchanka và Arkadi Kulyashov và các nhà văn xuôi Yanka Bryl, Ivan Shamyakin và Ivan Melezh. Họ là những người truyền cảm hứng cho thế hệ sau.

Những năm 1960 đánh dấu sự khởi đầu của một sự hồi sinh quốc gia khác với các tiểu thuyết Vasil Bykau và Uladzimir Karatkievich. Trong số các nhà văn cuối thế kỷ 20, cần lưu ý đến các

nhà thơ Yawhyeniya Yanishchyts và Ales Razanov và nhà văn truyện ngắn Anatol Sys. Những nhà văn nổi tiếng khác của cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 là Svetlana Alesyevich, Volha Ipatava, Slavamir Adamovich, Bykau, Ales Adamovich...

Belarus từ lâu đã có âm nhạc dân gian riêng của mình. Cũng có một truyền thống đáng kể về âm nhạc nhà thờ từ thế kỷ 16 trở đi. Sự phát triển của âm nhạc cổ điển phần lớn là một đặc điểm của giai đoạn kể từ Thế chiến II. Trong số những nhà soạn nhạc, đáng chú ý nhất là Kulikovich Shchahlow, những người khác bao gồm Yawhen Hlyebaw, nhà soạn nhạc của vở opera *Mùa xuân của chúng ta* (1963) và vở ballet *Alpine Ballad* (1967), và Yawhen Tsikotski, người có các tác phẩm bao gồm các vở opera *Mikhas Padhorny* (1939 - 1957) và *Alesya* (1944). Có một nhạc viện âm nhạc ở Minsk và một hội giao hưởng quốc gia. Các buổi hòa nhạc được tổ chức thường xuyên tại các lâu đài Nyasvizh (Nesvizh) và Mirsky, được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào năm 2005 và 2000.

Người Belarus thích nhiều môn thể thao khác nhau và có khả năng chơi ở đỉnh cao. Môn thể thao phổ biến nhất chắc chắn là bóng đá; hầu hết các thị trấn và làng mạc Belarus đều có các đội nghiệp dư và bán chuyên nghiệp, trong khi các thành phố lớn hơn tài trợ cho các đội chuyên nghiệp thường thi đấu quốc tế. Bóng rổ cũng được nhiều người theo dõi và có một số đội chuyên nghiệp. Các môn thể thao phổ biến khác là khúc côn cầu trên băng, điền kinh, thể dục dụng cụ, đấu vật và đặc biệt là quần

vợt. Từ thời còn Liên Xô, nữ vận động viên quần vợt nổi tiếng là Natalia Zvereva, ngày nay là Azarenka và Sabalenka (vừa đoạt chức vô địch Giải quần vợt Mỹ mở rộng 2024).

Người Belarus đã thi đấu trong đội tuyển Olympic của Liên Xô từ năm 1952 đến năm 1988. Tại Thế vận hội năm 1972 ở Munich, vận động viên thể dục dụng cụ Olga Korbut đã giành được ba Huy chương vàng. Belarus đã có lần đầu tiên tham dự Thế vận hội một mình tại Olympic mùa hè năm 1996 ở Atlanta. Trong các Thế vận hội này và các Thế vận hội sau đó, các vận động viên Belarus đã giành được nhiều huy chương ở các môn điền kinh, đấu vật, thể dục dụng cụ, cử tạ và chèo thuyền, cùng nhiều môn khác. Tinh thần thể thao của người Belarus luôn luôn ở mức cao, họ hoạt động thể thao vì sức khỏe và màu cờ sắc áo quốc gia.

### Trần trọng và bảo tồn những di sản văn hóa, lễ hội

Tính đến năm 2021, có bốn Di sản Thế giới tại Belarus. Hai trong số đó là của riêng Belarus. Thứ nhất, đó là Lâu đài Mirsky nằm trong một khu vực có lịch sử đầy biến động, ảnh hưởng đến sự phát triển của nó. Việc xây dựng bắt đầu vào cuối thế kỷ 15, theo phong cách Gothic. Các công trình tái thiết sau đó được thực hiện theo ảnh hưởng của thời kỳ phục hưng và Baroque. Nó đã bị hư hại nặng nề trong các cuộc chiến tranh Napoleon và phục hồi vào cuối thế kỷ 19.

Thứ hai là Lâu đài Nesvizh. Đây là nhà của gia đình Radziwill, những người đã xây dựng và bảo trì nó từ thế kỷ 16 đến năm 1939. Gia đình Radziwill là những người bảo trợ cho khoa học và nghệ thuật và đã mời các nghệ sĩ, thợ thủ công và kiến trúc sư đến thị



Quần thể lâu đài Mirsky nằm ở thành phố Mir vùng Karelích thuộc tỉnh Hrodna, Belarus



*Lễ hội nhảy lửa ở Belarus*

trần Nesvizh. Khu phức hợp bao gồm lâu đài dân cư và lăng mộ - nhà thờ Corpus Christi, cùng với bối cảnh cảnh quan của chúng.

Thứ ba là Rừng Bialowieza (chung với Ba Lan) là một quần thể rừng lớn, bao gồm các khu rừng nguyên sinh rộng lớn, nằm trên biên giới giữa Ba Lan và Belarus. Khu vực này là nơi sinh sống của quần thể bò rừng bizon châu Âu tự do lớn nhất, cũng như sói, linh miêu, rái cá...

Thứ tư là Vòng cung trắc địa Struve (chung với Estonia, Phần Lan, Latvia, Litva, Na Uy, Moldova, Nga, Thụy Điển và Ukraina). Đây là một loạt các điểm tam giác, trải dài trên khoảng cách 2.820 km. Các điểm được thiết lập trong một cuộc khảo sát của nhà thiên văn học Friedrich Georg von Struve - người đầu tiên thực hiện phép đo chính xác một đoạn dài của kinh tuyến, giúp xác định kích thước và hình dạng của Trái Đất. Ban đầu, có 265 điểm trạm. Di sản thế giới bao gồm 34 điểm ở mười quốc gia (từ Bắc vào Nam: Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan, Nga, Estonia, Latvia, Litva, Belarus, Moldova, Ukraine), năm trong số đó nằm ở Belarus.

Ngoài ra, còn một số công trình kiến trúc đang được thẩm định và dự kiến sẽ được công nhận trong tương lai. Đó là Kênh

đào Augustow được xây dựng vào năm 1823-1839, Nhà thờ Chúa Cứu Thế Biển Hình được xây dựng từ năm 1152 đến năm 1161, Đài tưởng niệm các anh hùng của Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại: Pháo đài Brest và Đồi Mamayve, một số nhà thờ cổ.

Một điều rất đáng chú ý là Chính phủ Belarus thường xuyên tài trợ nhiều cho festival văn hóa hàng năm gắn với các di tích văn hóa và các sự kiện lịch sử. Những sự kiện này là nơi các ca sĩ, nghệ sĩ, nhà soạn nhạc, diễn viên nổi tiếng Belarus thể hiện mình. Các festival kết thúc với những buổi lễ trong đó những giải thưởng được trao để vinh danh những nhà soạn nhạc nổi tiếng Belarus. Nhiều ngày lễ quốc gia, như Ngày độc lập, Ngày chiến thắng thường được tổ chức trang trọng với nhiều sự kiện như trình diễn pháo hoa và duyệt binh. Đa số các festival được tổ chức tại Vitebsk hay Minsk.

Belarus là một quốc gia trung bình ở châu Âu với dân số hơn 9 triệu người, diện tích 207.560 km<sup>2</sup> nhưng có vị trí và vai trò rất quan trọng trong việc giải quyết các mâu thuẫn ở châu Âu. Dựa trên những giá trị văn hóa được tạo dựng trong tiến trình lịch sử, Belarus mong muốn đóng góp có ý nghĩa vào việc tạo dựng và giữ gìn hòa bình ở châu Âu.

# Trường THPT chuyên Phan Bội Châu: Hơn nửa thế kỷ tạo dựng và lan tỏa một thương hiệu

TRẦN TRUNG HIẾU



*Tập thể giáo viên Trường THPT chuyên Phan Bội Châu*

## Những viên gạch hồng đầu tiên

Những năm 1964 - 1965, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta đang ở giai đoạn vô cùng ác liệt. Trong giai đoạn này, Nghệ An là địa phương nằm trong vùng trọng điểm đánh phá của không quân, hải quân Mỹ. Tuy hoàn cảnh lúc bấy giờ là vô cùng khó khăn, thiếu thốn, vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến, nhưng bắt đầu từ năm học 1965 - 1966, lãnh đạo tỉnh Nghệ An đã chỉ thị cho Ty Giáo dục (nay là Sở GD&ĐT Nghệ An) triển khai Quyết định 198/CP của Chính phủ là mở các lớp chuyên Toán “đặc biệt” ở một số trường cấp 3. Năm học 1965 - 1966, 2 lớp chuyên Toán “đặc biệt” đầu tiên được ra đời. Đây là những học sinh được tuyển chọn từ kỳ thi chọn học sinh giỏi Toán cấp huyện. Các lớp học này được gửi vào học Trường cấp 3 Huỳnh Thúc

Kháng (lúc này đang sơ tán về xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên) do thầy Phạm San làm chủ nhiệm và Trường cấp 3 Đô Lương 1 do thầy Trần Lê Thiện, thầy Nguyễn Tiến Lê dạy Toán và chủ nhiệm.

Những khóa học tiếp theo, các lớp chuyên Toán “đặc biệt” do các thầy Nguyễn Duy Tịnh, Nguyễn Hữu Chất, Nguyễn Khắc Tuệ, Trần Văn Bình, Nguyễn Trọng Mão, Lê Anh Tề, Chu Phú... giảng dạy và chủ nhiệm. Đến năm học 1968 - 1969, Ty Giáo dục Nghệ An tiếp tục tuyển sinh lớp Học sinh giỏi đặc biệt và đây là năm học đầu tiên có dấu ấn lịch sử của hệ chuyên, năm đầu tiên Ty Giáo dục tập trung cả 3 khóa lớp 8, 9, 10 về học ở Trường cấp 3 Đô Lương 2.

Bắt đầu từ năm học 1969 - 1970, ngoài 8 lớp chuyên Toán “đặc biệt”, lớp 8 chuyên Văn “đặc biệt” đầu tiên cũng được hình thành ở Trường cấp

## VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

3 Đô Lương 1 do thầy Phan Huy Huyền giảng dạy và chủ nhiệm. Các lớp chuyên Văn lần lượt được mở ở những khóa sau đó.

Ra đời trong bom đạn của chiến tranh, để bảo đảm an toàn cho thầy và trò, các lớp học chuyên Toán, chuyên Văn “đặc biệt” ấy phải dịch chuyển qua rất nhiều không gian, địa điểm từ Hưng Nguyên, Thanh Chương, Đô Lương, Nghi Lộc... Học sinh đều nhờ cậy trong dân, được Nhân dân cứu mang, đùm bọc, chở che. Các gia đình có học sinh ở trọ đều rất nghèo khó, không đủ gạo, phải thường xuyên ăn khoai sắn thay bữa. Đói triển miên.

Ngoài các giờ học, thầy trò phải cùng nhau tự tay tu sửa, chỉnh trang lại lớp học theo kiểu dã chiến với tranh tre nứa mét. Rất đơn sơ và tạm bợ. Những phòng học, lớp học như vậy là nơi đã lưu giữ bao kỷ niệm của thầy trò, nơi đã nuôi dưỡng bao ước mơ hoài bão, khát vọng lớn lao vượt khó, vượt khổ, để rèn luyện, tôi luyện, khổ luyện vì tương lai. Khó khăn là vậy, nghèo đói là vậy nhưng thầy và trò của những lớp “đặc biệt” ấy để vượt lên tất cả để thầy dạy giỏi, trò học giỏi.

Rất nhiều tấm gương vượt khó, vượt khổ để học, học giỏi và sau này đều giữ nhiều cương vị quan trọng trên nhiều lĩnh vực mà tôi không thể thống kê đầy đủ như anh Hà Văn Lê, Thái Minh Tàn, Nguyễn Phương Sơn, Lê Văn Sáng, Thái Bá Cần, Vũ Quốc Phóng, Nguyễn Quốc Thất, Tô Hồng Hải, Hồ Quang Lợi, Nguyễn Sỹ Dũng, Nguyễn Văn Cao, Nguyễn Xuân Thắng...

Nếu như Trường THPT chuyên Phan Bội Châu hôm nay đã là một ngôi nhà vững chãi, một ngôi trường đã khang trang, bề thế giữa thành Vinh xứ Nghệ đang chuyển mình cùng đất nước thì các lớp chuyên Toán, chuyên Văn “đặc biệt” ngày ấy là những viên gạch đầu tiên đặt nền móng vững chắc. Nhìn lại chặng đường 10 năm hệ chuyên, chúng ta không thể không tự hào và khâm phục về ý chí và khát vọng của các thế hệ thầy trò thuở ấy đã vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, đã khổ học, khổ dạy trong mưa bom, bão đạn, trong thiên tai khắc nghiệt của xứ Nghệ.

**Những thành tích xuất sắc tạo dựng một thương hiệu vững chắc.**

Kể từ năm học 1974 - 1975, Trường Năng khiếu Nghệ An (sau đó là Trường Năng khiếu Phan Bội Châu - Nghệ An, Trường Năng khiếu Nghệ Tĩnh,

nay là Trường THPT chuyên Phan Bội Châu) chính thức ra đời tại huyện Diễn Châu trên cơ sở các lớp chuyên Toán, chuyên Văn chuyển từ Đô Lương, Thanh Chương về (theo Quyết định 1207, ngày 20/8/1974 của Ủy ban hành chính tỉnh Nghệ An). Thầy Đinh Bạt Thông được phân công giữ chức Hiệu trưởng nhà trường.

Trong buổi lễ công bố quyết định thành lập trường vào sáng ngày 15/10/1974, tại xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, thầy trò nhà trường vinh dự được đón ông Nguyễn Sỹ Quế - Bí thư Tỉnh ủy cùng đại diện lãnh đạo huyện Diễn Châu, xã Diễn Thành. Đây là trường năng khiếu (sau này gọi là trường chuyên) đầu tiên của miền Bắc và cũng là trường chuyên đầu tiên của cả nước.

Tròn 50 năm xây dựng và phát triển, trường Phan đã trải qua nhiều di chuyển. Tại xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu (1974 - 1977), xã Hưng Lộc - ngoại thành Vinh (1977 - 1981) và từ năm 1981 đến nay là địa chỉ 119 Lê Hồng Phong, thành phố Vinh.

Ngay từ những ngày tháng đầu tiên tại xã Diễn Thành của huyện Diễn Châu, thầy Đinh Bạt Thông đã quyết định cho cô Trần Thị Thục Oanh, giáo viên môn Địa Lý (quê Hà Nam) về quê mua các giống hoa thực dục, lay ơn, đồng tiền về trồng ở những bồn hoa sân trường. Sau này, khi trường chuyển về thành phố Vinh, thầy Hiệu trưởng Đinh Bạt Thông vẫn giữ thói quen ươm hoa, trồng hoa, chăm hoa. Có lẽ đó là một trong những lý do để nhạc sỹ Lê Hàm được truyền cảm hứng, gửi gắm tình cảm của mình với trường Phan để sáng tác bài hát nổi tiếng về trường Phan là “Nơi ươm những mầm hoa”.

Trải qua 60 năm hình thành và phát triển (1974 - 2024), các thế hệ học sinh hệ chuyên, trường chuyên đã gặt hái nhiều thành tích xuất sắc, làm rạng danh mái trường mang tên nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu trên quê hương xứ Nghệ. Nhà trường đã được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba (1994), Huân chương Lao động hạng Nhì (1999), Huân chương Lao động hạng Nhất (2014), Huân chương Độc lập hạng Ba (2009) và năm 2014, nhân dịp kỷ niệm 50 năm hệ chuyên, 40 năm trường chuyên, nhà trường được vinh dự đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động.





*Nguyễn Tất Nghĩa (học sinh chuyên Lý khóa 2007 - 2010) là người Việt Nam đầu tiên đạt 2 HCV Olympic Vật lý quốc tế (2007, 2008). Trong ảnh, lãnh đạo tỉnh Nghệ An trao thưởng cho Nguyễn Tất Nghĩa và thầy giáo Trần Văn Nga*

10 năm sau Lễ kỷ niệm 50 năm hệ chuyên, 40 năm trường chuyên (2014 - 2024) cũng là khoảng thời gian thầy trò trường Phan xứ Nghệ tiếp tục khẳng định và lan tỏa một thương hiệu lớn của ngành giáo dục Việt Nam, xứng danh với tên gọi thân thương “Nơi ươm những tài năng” cho quê hương xứ Nghệ.

Đây là 10 năm mà thầy trò trường Phan đã lập nhiều kỷ lục trên nhiều lĩnh vực, trong nhiều sân chơi từ quốc gia đến quốc tế, từ giáo dục đại trà đến giáo dục mũi nhọn. Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2023 - 2024, đã có 42 lượt học sinh dự thi Olympic học sinh giỏi khu vực và Quốc tế, trong đó có 10 Huy chương Vàng, 14 Huy chương Bạc, 9 Huy chương Đồng và gần 900 Học sinh giỏi Quốc gia. Trường THPT chuyên Phan Bội Châu - Nghệ An luôn là trường chuyên trực thuộc tỉnh có số lượng nhiều, chất lượng cao, được xếp tốp đầu về Học sinh giỏi Quốc gia trên cả nước. Số học sinh dự thi và đạt giải quốc tế đã phủ sóng ở tất cả các môn tự nhiên Toán, Tin, Lý, Hóa, Sinh. Có hàng ngàn học sinh đạt Học sinh giỏi tỉnh, hàng trăm học sinh đạt điểm Thủ khoa, Á khoa trong kỳ thi tuyển sinh vào đại học, được UBND tỉnh tặng Bằng khen. Liên tục trong nhiều lần UBND tổ chức Lễ vinh danh Học sinh giỏi, học sinh đạt điểm cao của kỳ thi tuyển sinh vào đại học, học sinh trường Phan luôn áp đảo về số lượng và chất lượng.

Ở các sân chơi trí tuệ khác, học sinh trường Phan luôn khẳng định được truyền thống và đẳng cấp của mình như đạt giải Nhất năm 2019, giải Ba năm 2021 cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia”. Trong cuộc thi “Tuổi trẻ học tập và làm theo tư

tướng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, học sinh trường Phan đã giành 2 giải Nhất năm 2019, 2021, giải Nhì năm 2022, giải Ba năm 2023.

Ghi nhận và đánh giá cao thành tích dạy và học của nhà trường, nhiều lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước đã về thăm, động viên và chúc mừng, trong đó Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã về thăm trường 2 lần (năm 2011 và 2014), điều mà không có một ngôi trường phổ thông nào đến thời điểm này có được vinh dự đó. Trong giai đoạn này, thầy trò nhà trường đã đón nhận nhiều phần thưởng cao quý như Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An. Đặc biệt, nhân dịp kỷ niệm 60 năm hệ chuyên, 50 năm thành lập trường chuyên, nhà trường đã được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì.

Ngành giáo dục đào tạo đang đổi mới căn bản và toàn diện, đã và đang triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, với tinh thần “Phát huy truyền thống - Bản lĩnh tiên phong - Chinh phục đỉnh cao”, Trường THPT chuyên Phan Bội Châu luôn nỗ lực đi đầu trong xây dựng môi trường giáo dục mở, kết hợp giữa đào tạo mũi nhọn và giáo dục toàn diện, chủ động và linh hoạt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

### **Từ “Nơi ươm những mầm hoa” đến xây dựng thương hiệu trường học hiệu quả.**

Nghệ An là vùng đất nghèo khó nhưng cũng là đất học, có truyền thống hiếu học, học giỏi và đỗ đạt cao trong lịch sử giáo dục, khoa cử nước ta. Đó là điều mà nhiều sử sách đã ghi lại và thực tế đã minh chứng.

Khi đất nước còn chiến tranh, kinh tế xã hội còn rất khó khăn nhưng lãnh đạo tỉnh Nghệ An đã sớm có tầm nhìn chiến lược để quyết định mở các lớp chuyên Toán, chuyên Văn “đặc biệt” trong một số trường cấp 3. Khi đã trải nghiệm có hiệu quả về chất lượng dạy học ở các lớp hệ chuyên trong trường thường, tỉnh Nghệ An quyết định thành lập trường năng khiếu (ngày nay gọi là trường chuyên). Thực tiễn sinh động và những mốc son vẻ vang 60 năm qua là minh chứng sinh động mô hình lớp chọn, trường chuyên đã bồi dưỡng nhiều nhân tài trên nhiều lĩnh vực cho quê hương, đất nước.

Trong 10 năm gần đây (2014-2024), là giai đoạn trường Phan có sự phát triển nhanh nhất, mạnh



Chủ tịch nước Trương Tấn Sang dự lễ khai giảng năm học mới và tặng quà Trường THPT chuyên Phan Bội Châu



Trần Thế Trung (THPT chuyên Phan Bội Châu) đạt giải Nhất cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia 2019

nhất cả về số lượng và chất lượng đội ngũ trong lịch sử nhà trường nhờ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của ngành giáo dục và đào tạo tỉnh nhà. Đó các chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, ưu đãi về học bổng cho học sinh, tiền thưởng cho học sinh giỏi quốc gia, quốc tế... Cùng với sự bổ sung các chủ trương, chính sách đó, trường Phan đang thực hiện có hiệu quả các đề án của tỉnh Nghệ An như Xây dựng Trường THPT chuyên Phan Bội Châu trở thành trường trọng điểm, chất lượng cao giai đoạn 2010-2020; Xây dựng thí điểm trường trung học trọng điểm chất lượng cao giai đoạn 2019 - 2023. Các đề án, chính sách

thiết thực đó không chỉ có ý nghĩa động viên, chia sẻ mà là tiền đề quan trọng đóng vai trò định hướng và tạo điều kiện thuận lợi cho thầy trò nhà trường có sự đổi mới mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế.

Lãnh đạo Sở GD&ĐT Nghệ An trong mấy năm gần đây đã hết sức quan tâm, chú ý đến vấn đề làm thế nào để phát huy có hiệu quả việc xây dựng thương hiệu trường học hiệu quả từ thực tiễn của Trường THPT chuyên Phan Bội Châu.

Trong bối cảnh thị trường giáo dục tạo ra nhiều cơ hội cho sự cạnh tranh để quyết định sự tồn tại, việc xây dựng thương hiệu cho trường học không còn là một lựa chọn mà đã trở thành một nhu cầu cấp thiết. Một thương hiệu mạnh không chỉ giúp trường học thu hút được nhiều học sinh hơn mà còn tạo dựng được lòng tin của học sinh và sự trung thành của phụ huynh về sự lựa chọn.

Trong công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục, trong việc triển khai CTGDPT 2018 trong thời hội nhập, trường Phan đã và đang đi theo hướng giáo dục toàn diện, vừa truyền thụ kiến thức, vừa cung cấp nhận thức và giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh, phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trên nền tảng giáo dục đại trà, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho các em trở thành công dân toàn cầu. Điều quan trọng nhất là đổi mới cách dạy học như thế nào để đảm bảo chất lượng đầu ra của trường đáp ứng chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế, xã hội của quê hương, đất nước.

Phần khởi, tự hào với những thành tích xuất sắc mà trường Phan đã đạt được nhưng trách nhiệm trong thời gian tới là lớn lao, cần phải cố gắng, nỗ lực nhiều hơn nữa để kế thừa và phát huy truyền thống của một ngôi trường anh hùng. Có được một thương hiệu lớn trong ngành giáo dục là không hề dễ, nhưng thầy trò trường Phan đã làm được. Để xây dựng thương hiệu trường học hiệu quả đưa nhà trường phát triển vững chắc lên một tầm cao mới, khẳng định tầm vóc, vị thế phù hợp với yêu cầu giáo dục trong giai đoạn hiện nay là một thách thức không hề nhỏ.

Trường THPT chuyên Phan Bội Châu đã và đang vận hành mọi hoạt động dạy học theo tư tưởng, tinh thần "Phát huy truyền thống - Bản lĩnh tiên phong - Chính phục đỉnh cao" để tiếp tục phát triển và lan tỏa thương hiệu, nơi phát hiện và nuôi dưỡng tiềm năng của học sinh, kết nối tri thức, hướng tới tương lai và làm rạng danh đất học xứ Nghệ.

# Gia đình là nhân tố quan trọng góp phần hình thành thói quen đọc sách cho trẻ

TRANG ĐOAN

Sách và vai trò của nó đối với sự hình thành, phát triển nhân cách, tư duy, trí tuệ của mỗi người đã được minh chứng rõ nét từ xưa đến nay. Dẫu cuộc sống, xã hội có thay đổi và vận động thế nào chăng nữa thì thiết nghĩ vai trò ấy cũng khó có thể thay thế. Tuy nhiên, ngày nay, với sự phát triển và ngày càng phổ biến rộng rãi công nghệ cùng các phương tiện giải trí số, việc khuyến khích thói quen đọc sách trở thành một thách thức, không chỉ ở trẻ em mà còn cả người lớn. Việt Nam là một trong số các quốc gia có tỷ lệ người đọc sách thấp. Chúng ta đã có nhiều chương trình phát động nhằm cải thiện, nâng cao văn hóa đọc nhưng thực trạng vẫn chưa có nhiều chuyển biến. Thiết nghĩ, muốn tạo ra những thay đổi mang tính căn bản và gốc rễ cho tương lai, mỗi gia đình cần nhìn nhận lại việc đọc sách và hình thành thói quen đọc sách từ nhỏ cho con trẻ.



*Ảnh minh họa*

Cha mẹ, gia đình là nơi mỗi người được tiếp xúc, chịu ảnh hưởng đầu tiên và nhiều nhất trong đời. Chính vì thế, đó là nhân tố quan trọng hàng đầu trong hình thành, thói quen cũng như nhân cách của trẻ. Vậy nên, muốn trẻ có hứng thú và đam mê với sách thì không thể bỏ qua nhân tố gia đình, bên cạnh vai trò của nhà trường và xã hội. Thậm chí, đó còn là nhân tố mang tính tiên quyết đến việc tạo dựng thói quen đọc sách cho trẻ. Một đứa trẻ được sinh ra, lớn lên trong một gia đình yêu sách, trân trọng giá trị của sách, đam mê đọc sách thì chắc chắn cũng sẽ hình thành thói quen đọc sách, gắn bó với sách một cách tự nhiên. Nó sẽ hiểu rõ giá trị sách mang lại từ chính trải nghiệm thực tế cuộc sống gia đình, ngay từ những tiếp xúc đầu đời của mình.

Thực tế cho thấy nhiều gia đình Việt hiện nay quá tập trung vào việc làm kinh tế, buông lỏng quản lý, giáo dục con; nhiều gia đình lại

chiều chuộng, đáp ứng con vô điều kiện; một số gia đình ly thân, ly hôn, không hạnh phúc, thiếu quan tâm sát sao đến con, không chú ý rèn luyện những thói quen tích cực cho con ngay từ nhỏ. Đặc biệt, một bộ phận không nhỏ cha mẹ Việt ít khi lắng nghe, tìm hiểu nhu cầu tâm, sinh lý của con; ít tâm sự, chia sẻ, vui chơi cùng con. Để thuận lợi cho công việc của mình, thậm chí là để tận hưởng khoảng thời gian rảnh rỗi ít ỏi, các bậc phụ huynh sẵn sàng vứt cho con một chiếc điện thoại, máy tính bảng,...và cho con thoải mái xem những thứ nó thích trên đó. Họ không bận tâm đến những tác động tiêu cực có thể mang lại đối với trẻ khi để chúng phụ thuộc quá nhiều vào các thiết bị công nghệ. Trong nhiều gia đình, mỗi thành viên đều chăm chú vào chiếc điện thoại, máy tính của mình và gần như không có sự gắn kết với nhau. Khi chính các bậc phụ huynh còn chưa quan tâm đến sách thì rất khó để có thể hình thành thói quen đọc sách cho con.

Đã đến lúc chúng ta cần nhận thức rõ vấn đề này, cần xây dựng những thói quen sinh hoạt tích cực trong mỗi gia đình bởi nó không chỉ có tác động đến một vài cá nhân mà còn ảnh hưởng đến cả thể hệ tương lai.

Làm thế nào để rèn thói quen đọc sách cho con? Trước hết, cha mẹ phải là những người tích cực nêu gương. Khi các thành viên trong gia đình có thói quen đọc sách, để cao giá trị của việc đọc sách, trẻ con sẽ học hỏi, bắt chước và dần hình thành thói quen một cách tự nhiên. Gia đình cũng có thể tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc đọc sách bằng cách xây dựng tủ sách gia đình với nhiều nội dung, thể loại khác nhau, cùng con đi lựa chọn sách, mua sách hàng tháng. Bên cạnh đó, việc dành thời gian chất lượng bên con trong việc đọc sách cũng là một cách quan trọng để khuyến khích thói quen đọc sách. Cha mẹ có thể đọc truyện, thơ,... cho con trước khi đi ngủ hay dành những ngày cuối tuần, buổi tối hàng ngày đọc sách cùng con, thảo luận về nội dung một cuốn sách tâm đắc. Mỗi gia đình có thể xây dựng một khung giờ đọc sách cố định trong ngày cùng nhau. Hãy tạo ra những hoạt động, trải nghiệm thú vị, những buổi đọc sách vui vẻ và đầy ý nghĩa để từ đó tạo nên những khoảnh khắc, kỷ niệm đáng nhớ, khơi gợi niềm hứng thú cho con khi đến với sách. Cách làm này không chỉ giúp trẻ thích thú hơn với việc đọc

sách mà còn giúp tăng cường gắn kết tình cảm giữa các thành viên trong gia đình.

Trong quá trình xây dựng thói quen đọc sách cho con, các bậc phụ huynh nên tích cực khuyến khích, khen ngợi, động viên hay đặt mục tiêu cụ thể cho con hoàn thành. Điều này sẽ giúp chúng có nhiều động lực và niềm vui hơn khi đọc sách. Ví dụ, bố mẹ có thể đặt mục tiêu đọc bao nhiêu trang sách, cuốn sách trong ngày, trong tuần cho con và có phần thưởng xứng đáng nếu con hoàn thành mục tiêu ấy. Bố mẹ cũng có thể đưa ra câu hỏi như tóm tắt nội dung, ý nghĩa của những cuốn sách con đọc và có lời khen ngợi hay phần thưởng mang tính khích lệ tinh thần khi con hoàn thành tốt phần trả lời.

Mỗi gia đình, tùy vào điều kiện, hoàn cảnh của mình có thể tìm một phương án khác nhau trong việc xây dựng, duy trì thói quen đọc sách cùng con, khuyến khích con đọc sách. Tuy nhiên, quan trọng hàng đầu là phải tạo ra được một môi trường thực sự trân trọng giá trị của sách trong gia đình. Cha mẹ phải tự mình thay đổi, rèn luyện và làm gương cho con cái. Chúng ta không thể nào đòi hỏi con mình chăm đọc sách khi không mua sách cho nó, không khuyến khích nó; khi hàng ngày các chúng ta vẫn khư khư ôm lấy chiếc điện thoại, máy tính,... và không hề bận tâm đến chuyện đọc sách.

Thay đổi nào cũng cần một quá trình, đặc biệt, đối với điều gì đã trở thành thói quen thì cần nỗ lực và quyết tâm rất lớn mới có thể tạo ra những biến chuyển. Khi các gia đình Việt hiện nay phần lớn đều ít đọc sách thì việc giáo dục, hình thành thói quen đọc sách cho con trẻ còn gặp rất nhiều khó khăn. Từ việc nhận thức rõ vai trò của gia đình đối với việc tạo dựng thói quen đọc sách, thiết nghĩ, thời gian tới, cần có những chiến dịch tập trung vào xây dựng văn hóa đọc trong mỗi gia đình, thay đổi nhận thức của gia đình về vai trò của sách và việc đọc sách. Chắc chắn, nếu xây dựng được những gia đình đam mê đọc sách, chúng ta sẽ tạo ra được những cộng đồng, những thế hệ biết yêu và trân trọng giá trị của sách!

# Phát huy tinh thần Cách mạng Tháng Tám trên quê hương Xô viết

KIM LƯU



Cuộc khởi nghĩa giành chính quyền Tháng 8/1945 trong cả tỉnh Nghệ An rộng lớn đã thắng lợi rực rỡ trong vòng 9 ngày. Đây là kết quả của cả một quá trình đấu tranh, lâu dài, đầy gian khổ, hi sinh; là tất yếu của những cuộc diễn tập nhiều xương máu, hi sinh của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Nghệ An, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cả nước, mở ra một kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi đó đã để lại cho chúng ta nhiều bài học quý giá, nhất là bài học về phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bài học về tinh thần tự lực, tự cường, bài học về nắm thời cơ... Những yếu tố ấy luôn được phát huy cao độ trong mỗi giai đoạn lịch sử, góp phần vào thành công của các cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, là nguồn lực nội sinh

to lớn để Nghệ An từng bước phát huy truyền thống cách mạng xây dựng quê hương.

Phát huy tinh thần Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Nghệ An đã tiếp tục phát huy tinh thần cách mạng, ý chí tiến công, thực hiện thắng lợi công cuộc chống giặc ngoại xâm, giải phóng hoàn toàn quê hương, đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn Đảng, toàn dân đã đoàn kết, nỗ lực vượt qua những khó khăn, thử thách, vừa khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, vừa tập trung phát triển mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội và đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc:

*Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nhân dân Nghệ An vừa đảm nhận vai trò chi*

viện về sức người, sức của cho các chiến trường, vừa hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng nước bạn Lào. Đặc biệt, khi chiến dịch Điện Biên Phủ được mở, chỉ mấy tháng đầu năm 1954, Đảng bộ và Nhân dân Nghệ An thực hiện lệnh tổng động viên sức người, sức của cho tiền tuyến, bổ sung 5.438 thanh niên cho các đơn vị chủ lực, 155.974 lượt dân công phục vụ tiền tuyến. Trong số 15 cán bộ, chiến sĩ được Quốc hội tuyên dương Anh hùng LLVTND trong chiến dịch Điện Biên Phủ thì Nghệ An vinh dự có 3 người: Liệt sỹ Trần Can, Phan Tư, Đặng Đình Hồ.

*Trong kháng chiến chống Mỹ, Nghệ An là toạ độ lửa rất ác liệt, vừa là hậu phương vừa là tuyến đầu đối mặt với kẻ thù. Nhiều địa điểm trên đất Nghệ An có vị trí chiến lược quan trọng, là “yết hầu” mạch máu giao thông, tiền tuyến chi viện cho miền Nam, gánh chịu sự đánh phá vô cùng ác liệt của đế quốc Mỹ. Từ năm 1964 đến năm 1966 Vinh, đã bắn rơi 146 máy bay Mỹ, được Bác Hồ đã gửi thư khen ngợi quân và dân thành phố: “Vinh là thành phố đầu tiên đã bắn rơi 100 máy bay Mỹ”.*

Với những đóng góp, thành tích quan trọng đó Nghệ An được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Chiến công hạng Hai. Toàn tỉnh có trên 50.000 Huân chương, Huy chương kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, 837 Bà mẹ Việt Nam anh hùng, 176 Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân được tặng và truy tặng cho các tập thể, cá nhân.

*Bước sang thời kỳ đổi mới, Đảng bộ và Nhân dân Nghệ An đã và đang ghi những dấu ấn trong hành trình hiện thực hóa mục tiêu trở thành tỉnh khá của khu vực phía Bắc vào năm 2025 trong khu vực phía Bắc, tỉnh khá trong cả nước vào năm*



*Đơn vị 208 - một trong những đơn vị tham gia chiến đấu trong ngày 5/8/1964 tại TP Vinh, và cũng là đơn vị bắn rơi máy bay thứ 100 của đế quốc Mỹ. Ảnh TL*

2030. Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Nghệ An đang ra sức thi đua lao động, học tập, sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh không ngừng phát triển với nhiều thành tựu. Từ một tỉnh nghèo, nền kinh tế chậm phát triển, cơ sở vật chất yếu kém, đời sống Nhân dân nhiều khó khăn, ngày nay, kinh tế xã hội Nghệ An đã có những bước phát triển khá toàn diện, duy trì tốc độ tăng trưởng khá và cao hơn so với bình quân chung của cả nước; trong đó, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân các giai đoạn 2014 - 2019, 2014 - 2020 đạt lần lượt là 7,28% và 6,92%. Riêng năm 2023, GRDP bình quân ước đạt 7,14%; trong đó, khu vực nông, lâm, thủy sản ước tăng 4,54%; khu vực công nghiệp - xây dựng ước tăng 6,8%; khu vực dịch vụ ước tăng 8,7%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước tăng 6,65%; tốc độ tăng trưởng kinh tế, Nghệ An đứng thứ 26 toàn quốc và đứng thứ 3 khu vực Bắc Trung Bộ, quy mô nền kinh tế đứng thứ 10/63 tỉnh, thành của cả nước. Tổng sản lượng lương thực cây có hạt ước đạt trên 1,2 triệu tấn. Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 9,5%; Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 90.000 tỷ đồng, tăng 3,87%; đặc biệt, tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 2,88 tỷ USD, tăng 13,52% so với năm 2022 (là năm thứ 3 tỉnh Nghệ An hoàn thành vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh). Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, thu hút đầu tư đạt kết quả tích cực, nhất là các dự án FDI có sự chuyển biến rõ nét. Năm 2023, Nghệ An tiếp tục là điểm sáng trong thu hút đầu tư FDI, thuộc top 10 địa phương thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất cả nước. Công nghiệp phát triển đúng hướng, tăng trưởng khá; các ngành chế biến,

chế tạo chiếm tỷ trọng ngày càng tăng. Hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh phát triển theo hướng bền vững. Không gian đô thị được mở rộng, diện mạo đô thị, nhất là thành phố Vinh, các thị xã và một số thị trấn huyện có nhiều khởi sắc. Văn hóa, xã hội chuyển biến tích cực, đạt được nhiều kết quả quan trọng; duy trì được nền tảng văn hóa cơ sở, bảo tồn và phát huy được các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc của xứ Nghệ. Một số lĩnh vực như Khoa học - công nghệ, y tế, giáo dục và đào tạo từng bước định hình là trung tâm vùng. Giáo dục mũi nhọn tiếp tục khẳng định vị trí tốp đầu cả nước, chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên. Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) đạt nhiều kết quả quan trọng, là một trong những điểm sáng của cả nước. Toàn tỉnh hiện có 319/411 xã đạt chuẩn NTM (đạt 77,61%); 88/319 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (đạt 27,59%); 12 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (chiếm 3,76%); 9 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới; có 212 thôn/bản đạt chuẩn NTM. An sinh xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được quan tâm và ngày càng nâng cao. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị được quan tâm toàn diện trên các mặt.

*Hiện nay*, toàn hệ thống chính trị đang tập trung vào xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án đổi mới mô hình tăng trưởng, thực hiện các đột phá phát triển kinh tế - xã hội để thực hiện mục tiêu trở thành tỉnh khá của cả nước; là trung tâm thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao của khu vực Bắc Trung Bộ vào năm 2030; trở thành tỉnh có thu nhập cao, văn minh, hiện đại của cả nước, trở thành động lực phát triển quan trọng của khu vực Bắc Trung Bộ vào năm 2045 theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Để thực hiện mục tiêu đó, tỉnh Nghệ An khẳng định quyết tâm, ý chí tiến công, khơi dậy khát vọng phát triển nhanh, bền vững, văn minh, hiện đại. Phát huy cao nhất ý chí tự lực, tự cường, truyền thống cách mạng, anh dũng, cần cù, chịu

thương, chịu khó của Nhân dân, truyền thống văn hóa xứ Nghệ trở thành động lực, nguồn lực nội sinh cho phát triển, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân, để xây dựng và phát triển Nghệ An toàn diện. Tập trung tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường; đảm bảo liên kết tổng thể giữa các ngành, lĩnh vực và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội liên huyện trên phạm vi toàn tỉnh. Phát huy cao nhất các tiềm năng, lợi thế của từng ngành, lĩnh vực, từng địa phương, từng giá trị văn hóa của các dân tộc. Huy động mọi nguồn lực phát triển 2 khu vực động lực tăng trưởng, mở rộng thành phố Vinh, mở rộng Khu kinh tế Đông Nam. Tiếp tục đầu tư, xây dựng các cơ sở hạ tầng chiến lược như cảng biển, đường cao tốc, cảng hàng không. Hình thành và phát triển các hành lang kinh tế: kinh tế biển; kinh tế đường Hồ Chí Minh với trọng tâm là phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hành lang kinh tế Quốc lộ 7 với trọng tâm là phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp hàng hóa; hành lang kinh tế Quốc lộ 8A với trọng tâm là phát triển lâm nghiệp, kinh tế rừng. Quyết tâm phát triển Nghệ An thành trung tâm giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tạo đột phá trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, triển khai có hiệu quả sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng chủ yếu dựa vào khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh quan hệ đối ngoại nhất là trong lĩnh vực kinh tế với các địa phương của nước bạn Lào có chung đường biên giới với Nghệ An. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ có bản lĩnh chính trị, có tư duy đổi mới, có đạo đức cách mạng, tầm nhìn chiến lược. Phát huy tinh thần đại đoàn kết toàn dân, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, ra sức thi đua, từng bước hiện thực hóa mục tiêu đưa Nghệ An trở thành tỉnh khá của cả nước vào năm 2030.



*Dinh Võ Liệt - nơi làm việc của chính quyền Xô viết đầu tiên của Nghệ Tĩnh*

# Thanh Chương phát huy hào khí Xô viết Nghệ Tĩnh

HỒNG MINH

**T**rong những ngày tháng 9 lịch sử, về với quê hương Thanh Chương, chúng ta lại nghe âm vang tiếng trống Xô viết hào hùng vẫn còn vang vọng từ mái đình Võ Liệt, trên mỗi cánh đồng, làng quê, khúc sông, ngõ xóm...

94 năm đã trôi qua nhưng hào khí Xô viết Nghệ Tĩnh vẫn luôn trường tồn cùng lịch sử của dân tộc, những trận chiến đấu xung thiên của Nhân dân Nghệ Tĩnh nói chung, Nhân dân Thanh Chương

nói riêng trong phong trào cách mạng này vẫn luôn nhắc nhở chúng ta về một thời kỳ sục sôi của giai cấp công nông dưới ánh sáng soi đường của Đảng. Tên tuổi của các đồng chí cán bộ tiền bối của Đảng như: Đặng Thúc Hứa, Đặng Thị Quỳnh Anh, Đặng Thai Mai, Nguyễn Sỹ Sách, Tôn Gia Tinh, Tôn Gia Chung, Võ Thúc Đồng, Tôn Thị Quế, Tôn Quang Phiệt, Lê Cảnh Nhượng, Trần Hữu Doánh... mãi mãi là niềm tự hào của các thế hệ con em Thanh Chương trên khắp mọi miền tổ quốc.



## 94 năm “Xô viết Thanh Chương” - mốc son tự hào

Ngày 01/9/1930, với khí thế xung thiên, Đảng bộ và Nhân dân Thanh Chương đã đứng lên đấu tranh giành thắng lợi, lập nên chính quyền Xô Viết đầu tiên ở Nghệ Tĩnh. Cuộc đấu tranh lịch sử này đã trở thành nguồn cổ vũ, động viên Nhân dân khắp hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh lúc bấy giờ cùng thổi bùng lên ngọn lửa Xô viết trên mảnh đất địa linh, nhân kiệt nhưng lắm đau thương, mất mát bởi ách cai trị của chính quyền thực dân, phong kiến.

Phát huy tinh thần yêu nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng và các cơ sở Đảng trên địa bàn huyện, ngày 01/9/1930 đã diễn ra cuộc đấu tranh lịch sử với sự tham gia của hơn 2 vạn người (chiếm 1/3 dân số trong toàn huyện). Tiếng trống, mõ, chiêng từ những thôn làng, từ mái đình Võ Liệt đã vang lên như sấm dậy thôi thúc những người con Thanh Chương chân trần, chí thép đứng lên đấu tranh trực diện với kẻ thù, làm kinh hồn bọn đế quốc và bè lũ tay sai. Những chuyến đò vượt sông Lam sang vây phá Huyện đường chờ theo bao ước mơ, nguyện vọng thiết tha của những người dân đang sống trong cảnh lâm than nô lệ. Sức mạnh đấu tranh của quần chúng đã làm cho chính quyền ở huyện và tổng nhanh chóng tan rã. Tri huyện Phan Sỹ Bằng hoảng sợ, bỏ công đường chạy tháo thân. Hệ thống Đồn bắt được lập lên dày đặc như đồn Rào Gang, chợ Đàng, Bích Thị, Thanh Quả, đồn Lập... đều tê liệt, và từ đó các chi bộ của Huyện đi vào hoạt động công khai. Tại đình Võ Liệt (di tích Lịch sử cấp Quốc gia), chính quyền Xô viết đã làm việc ngày đêm để đem lại cuộc sống mới cho Nhân dân. Đây là hình thức chính quyền công nhân dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng. Toàn Huyện lúc đó có 35 chi bộ với 270 đảng viên đã lãnh đạo chính quyền công nông tiến hành thực hiện ngay những quyền lợi cơ bản của quần chúng như xóa địa tô, bỏ sưu thuế...

Ban chấp hành Nông hội đỏ đã nắm chính quyền ở 65/76 làng xã, với hàng nghìn hội viên, trong đó Hội viên Phụ nữ giải phóng chiếm 32% hội viên toàn tỉnh, Thanh niên Cộng sản Đoàn đứng thứ 2 toàn tỉnh, hội viên Cứu tế đỏ đứng

thứ 3 toàn tỉnh và hơn 1.000 hội viên Tự vệ đỏ... Ở một số nơi, chi bộ Đảng đã họp công khai và động viên Nhân dân tham gia phong trào cách mạng. Lịch đấu tranh của quần chúng được tính từng ngày, từng tuần và từng tháng.

Cuộc đấu tranh ngày 01/9/1930 của Nhân dân Thanh Chương đã đi vào lịch sử, là mốc son đánh dấu sự ra đời chính quyền Xô viết đầu tiên của cả hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh. Mặc dù trước đó các cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân ở Nghệ Tĩnh đã diễn ra rất sôi nổi như cuộc đấu tranh của công nông Vinh - Bến Thủy ngày 01/5/1930, nông dân Can Lộc ngày 01/8/1930, nông dân Nam Đàn ngày 30/8/1930... nhưng đều chưa giành được chính quyền về tay Nhân dân. Chính vì vậy cuộc đấu tranh của Nhân dân Thanh Chương khiến Tri huyện bỏ triện bạ chạy trốn, 35 lý trưởng cúi đầu giao nộp sổ sách, con dấu cho chính quyền công nông... đã trở thành sự kiện lịch sử “*Chưa từng thấy ở An Nam bao giờ... Lần đầu tiên trong lịch sử, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nông đã đập tan chính quyền phong kiến, mở đầu cho sự ra đời Xô viết trong một huyện ở Nghệ Tĩnh*”, đỉnh cao của Cao trào cách mạng 1930-1931 trong toàn quốc... Sự kiện này trở thành ngày truyền thống của Đảng bộ và Nhân dân huyện Thanh Chương.

Trong cuộc đấu tranh sinh tử này, đồng chí Nguyễn Công Thường và nhiều đồng chí cán bộ, quần chúng khác đã anh dũng ngã xuống trước mũi súng của kẻ thù. Sau cuộc đấu tranh, địch ra sức càn quét, khủng bố trắng, nhiều đồng chí cán bộ đảng bị thủ tiêu, thậm chí bị cắt cổ bêu đầu ở ngã ba đường để uy hiếp tinh thần đấu tranh của quần chúng nhân dân, nhiều đồng chí bị bắt giam, hành hạ, tra tấn trong những địa ngục trần gian của chính quyền đế quốc, cả phụ nữ có thai cũng bị chúng giết hại... Chỉ tính riêng trong năm 1930-1931, ở Thanh Chương đã có hơn 2.000 người bị bắt, 579 người bị tù đày, 565 người anh dũng ngã xuống, gần 200 người bị tra tấn, hy sinh trong lao tù, 169 đảng viên bị xử bắn... Nhưng vượt qua tất cả những đau thương mất mát đó, ngọn lửa yêu nước, căm thù giặc càng rực cháy trong trái tim của

## XỨ NGHỆ NGÀY NAY

mỗi người con Thanh Chương yêu nước. Kẻ thù càng đàn áp, tinh thần đấu tranh của quần chúng càng lên cao như những đợt triều dâng lên không gì cản nổi.

### **Phát huy hào khí Xô viết Nghệ Tĩnh trên quê hương anh hùng**

Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Thanh Chương là địa bàn trọng điểm bắn phá của đế quốc Mỹ nhằm cắt đứt con đường huyết mạch chi viện cho chiến trường miền Nam. Trước sự bắn phá ác liệt của đế quốc Mỹ, quân và dân Thanh Chương không hề nao núng, vừa tích cực phối hợp với các đơn vị đóng quân hiệp đồng chiến đấu, vừa tích cực sản xuất để chi viện cho tiền tuyến với tinh thần “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” góp phần cùng cả dân tộc giành lại hòa bình, thống nhất đất nước.

Truyền thống lịch sử cách mạng và văn hóa của Thanh Chương, đặc biệt là hào khí Xô viết Nghệ Tĩnh luôn là hành trang, động lực tinh thần, hun đúc ý chí vươn lên mạnh mẽ của cán bộ, đảng viên và Nhân dân Thanh Chương. Cùng với sự phát triển chung của cả tỉnh, Thanh Chương hôm nay đã có những đổi thay to lớn: kinh tế tăng trưởng khá, chuyển dịch cơ cấu đúng hướng, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh còn 3,2%; từ huyện “tứ tấc”, nay đã có 6 quốc lộ đi qua trên địa bàn, 36 bến đò ngang đã được thay thế bằng những chiếc cầu nổi những bờ vui; 29 xã đạt chuẩn NTM, 4 xã NTM nâng cao, xã Thanh Lĩnh đạt NTM kiểu mẫu; Thị trấn Thanh Chương đạt chuẩn đô thị văn minh; văn hóa xã hội phát triển lành mạnh, giáo dục vẫn là điểm tựa vững chắc để người Thanh Chương đi lên; quốc phòng an ninh được giữ vững; công tác xây dựng Đảng xây dựng hệ thống chính trị được quan tâm thực hiện tốt.



Thị trấn Thanh Chương hôm nay

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, với tinh thần quyết liệt đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; sáng tạo chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của chính quyền và sự vào cuộc trách nhiệm, có trọng tâm, trọng điểm của Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở; sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân và tình cảm, trách nhiệm của con em xa quê hướng về quê hương đã tạo cộng hưởng sức mạnh tổng hợp đưa quê hương phát triển.

Thông qua xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh; bên cạnh kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh, thì chất lượng sống của người dân cả vật chất, tinh thần đều được cải thiện, nâng lên rõ rệt. Thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 48 triệu đồng/năm (năm 2023).

Địa phương đã tập trung chỉ đạo xây dựng và hình thành được nhiều mô hình kinh tế nông, lâm nghiệp mang tính dẫn dắt, lan tỏa, tạo sự thay đổi về tư duy sản xuất của người dân. Đặc biệt, đã hình thành được một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực và sản xuất theo hướng hữu cơ, như chè, cam, bưởi, trám đen... và có 34 sản phẩm OCOP 3 sao, 4 sao.

Bên cạnh phát huy nội lực, ý chí tự lực, tự cường; cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã tích cực, chủ động kết nối, mở rộng các mối quan hệ, tập trung thu hút đầu tư. Thanh Chương đã thu hút, tạo sự đồng thuận để triển khai, đưa vào sử dụng 4 công trình, dự án giao thông trọng điểm mang tính kết nối vùng. Đặc biệt, Dự án cầu Đò Cung bắc qua sông Lam, nối huyện Thanh Chương - Đô Lương và đường từ Quốc lộ 46 - xã Ngọc Sơn (Thanh



*Trung bày sản phẩm OCOF của Thanh Chương*

Chương) đi xã Nam Hưng (Nam Đàn) đang đẩy nhanh thi công cũng trở thành điểm nhấn, đột phá về hạ tầng giao thông khi đưa vào sử dụng.

Huyện đã thu hút được một số dự án đầu tư sản xuất, mở ra cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở địa phương, như Nhà máy may Matsuoka tại xã Thanh Liên, Nhà máy may Thanh Chương tại xã Thanh Phong thu hút hàng nghìn lao động...

Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục được quan tâm, truyền thống hiếu học, học giỏi và khoa bảng, chất lượng giáo dục của Thanh Chương ngày càng khẳng định vị trí trong những đơn vị tốp đầu của tỉnh. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được tập trung với nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo trong công tác tư tưởng, công tác dân vận, công tác xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức Đảng, phát triển đảng viên... Đặc biệt, huyện đã xây dựng được đội ngũ cán bộ các cấp năng động, sáng tạo, nhiệt huyết, trách nhiệm với quê hương và tận tụy với nhân dân... Chăm lo công tác quốc phòng - an ninh, tạo môi trường an toàn, lành mạnh để Nhân dân và doanh nghiệp, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của huyện nhà.

Cộng hưởng giữa các giá trị truyền thống lịch sử, cách mạng, văn hóa cũng như kết quả đạt được thời gian qua và những yếu tố mới xuất hiện sẽ tạo cơ hội để Thanh Chương phát triển nhanh hơn, cao hơn, bền vững hơn trong thời gian tới. Đặc biệt, Nghị quyết số 39 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với các chủ trương gắn với địa bàn huyện Thanh Chương, như tăng cường quan hệ đối ngoại, nhất

là với các nước thuộc hành lang kinh tế Đông - Tây, các tỉnh của nước bạn Lào có chung đường biên giới; đầu tư để hình thành và phát triển hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh; đầu tư, xây dựng tuyến cao tốc Hà Nội - Vinh Chấn (đoạn qua Nghệ An).

Để hòa nhịp, đi cùng với các chủ trương đó, cấp ủy, chính quyền huyện Thanh Chương đã xác định rõ những vấn đề trọng tâm để tập trung triển khai. Trong đó, quan tâm rà soát lại các quy hoạch ngành, các xã, thị trấn sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, giai đoạn 2023 - 2025 để tiếp tục thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, nhất là các công trình tạo liên kết vùng; thu hút các cơ sở chế biến sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn, kinh tế hữu cơ và phát triển rừng cùng với thị trường tín chỉ các bon. Gắn với phát huy các giá trị di tích lịch sử - văn hóa, hệ thống rừng nguyên sinh và các điểm có tiềm năng, kể cả lợi thế về sản xuất nông nghiệp để thúc đẩy phát triển du lịch lịch sử, văn hóa tâm linh, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái, du lịch canh nông... Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; tạo ra kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, khang trang và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân...

Một mùa thu mới lại về trên quê hương Xô viết Thanh Chương, trong không khí rộn ràng, náo nức của ngày hội công bố 555 danh xưng Thanh Chương và 94 năm ngày truyền thống của Đảng bộ và Nhân dân Thanh Chương. Trong từng ánh mắt, nụ cười của người dân nơi đây luôn rạng người niềm tin yêu, hy vọng vào sự phát triển của huyện nhà trên con đường đổi mới và hội nhập.



# Binh minh

## LẠCH VẠN

*Lạch Vạn nhìn từ trên cao*

### MAI GIANG

NÓI ĐẾN DIỄN CHÂU LÀ NÓI ĐẾN VÙNG QUÊ CÓ PHONG CẢNH TƯƠI ĐẸP. THIÊN NHIÊN ĐÃ BAN TẶNG CHO VÙNG ĐẤT NÀY NHỮNG CẢNH QUAN KỶ VÍ. TỪ XƯA, HUYỆN ĐÔNG THÀNH (GỒM HUYỆN DIỄN CHÂU VÀ YÊN THÀNH NGÀY NAY) CÓ 8 CẢNH ĐẸP NỔI TIẾNG, THÌ DIỄN CHÂU ĐÃ CÓ TỚI 6 THẮNG CẢNH TUYỆT ĐẸP. LẠCH VẠN LÀ ĐIỂM CUỐI CỦA SÔNG BÙNG - NƠI TIẾP GIÁP GIỮA SÔNG VÀ BIỂN, “BÍCH HẢI QUY PHÀM” (THUYỀN VỀ CỬA VẠN) LÀ 1 TRONG 8 CẢNH ĐẸP ĐÓ. CẢNH SẮC BIỂN TRỜI SÔNG NƯỚC THƠ MỘNG MANG TRONG MÌNH NHỮNG TRẦM TÍCH LỊCH SỬ BIỂU TRƯNG CHO KHÍ PHÁCH QUẬT CƯỜNG CỦA QUÂN VÀ DÂN DIỄN CHÂU ĐÃ LÀM CHO LẠCH VẠN THÊM LUNG LINH, TỎA SÁNG, LÀ NIỀM TỰ HÀO TRONG TÂM HỒN CỦA MỖI NGƯỜI DIỄN CHÂU. ĐỂ RỒI HỒM NAY HAI BÊN BỜ LẠCH VẠN ĐANG VƯƠN LÊN TRỞ THÀNH VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM CỦA HUYỆN DIỄN CHÂU.

**N**ằm ở vị trí thuận lợi cho sự giao lưu và phát triển nên từ xa xưa, Diễn Châu đã sớm trở thành một trong những trung tâm về chính trị - kinh tế - xã hội của xứ Nghệ. Quá trình lao động và chiến đấu ngoan cường của các thế hệ cha ông nối tiếp nhau đã viết nên truyền thống lịch sử oai hùng, tạo nên cảnh quan kỳ thú, hữu tình, có bản sắc văn hóa riêng biệt.

Lạch Vạn là đoạn cuối của con sông Bùng, dài khoảng 9 km, lòng sông rộng 250m - 400m chảy theo hướng từ Tây Bắc - Đông Nam đi qua các xã Diễn Kỳ, Diễn Vạn, Diễn Kim, Diễn Bích, Diễn Ngọc, Diễn Thành rồi đổ ra Biển Đông. Người Diễn Châu vẫn cho rằng, bao nhiêu trầm tích, bồi lắng những gì tinh túy nhất của cư dân 2 bên con sông Bùng đều đọng lại ở đoạn sông Lạch Vạn này.

Từ xưa, Lạch Vạn được xem là tuyến đường thủy quan trọng cho việc lưu thông buôn bán làm ăn của người dân địa phương và trên lĩnh vực quân sự lại càng có ý nghĩa. Tháng 6 năm 1425, trong lần đánh thành Nghệ An và bao vây thành Diễn Châu, Triết Tự - Tướng giặc Minh giữ thành Diễn Châu lúc đó thấy thế nguy nên xin cứu viện. Ngay lập tức một đạo quân với 300 chiến thuyền từ Đông Quan tiến vào sông Lạch Vạn tiếp ứng cho thành Diễn Châu. Được tin, Lê Lợi cho quân mai phục ở cửa Vạn để chặn đứng viện binh của địch. Khi thuyền giặc đã kéo sâu vào cửa Vạn, đạo quân của Lê Lợi hò reo vang dội, gươm đao sáng loáng. Cuộc giáp chiến nổ ra, quân Minh không ứng phó nổi, thuyền giặc bị đốt cháy trong bão lửa. Chỉ trong phút chốc, 300 chiến thuyền chở đầy quân lương, vũ khí bị tiêu diệt. Hàng nghìn quân Minh bị chôn vùi dưới lòng sông Lạch Vạn và sông Bùng. Chiến thắng ở thành Nghệ An và Diễn Châu đã tạo điều kiện để Lê Lợi triệu quân ra Thanh Hóa, chế ngự Tây Đô...

Tiếp nối truyền thống của thế hệ cha ông, ngày 07/11/1930, Nhân dân vùng cửa biển vùng lên biểu tình ủng hộ Cách mạng Tháng 10 Nga và đưa yêu sách đòi giảm sưu, thuế. 30 người đã hy sinh, máu của họ nhuộm đỏ cả khúc sông Lạch Vạn. Sự kiện này đã trở thành mốc son chói lọi, ghi dấu tinh thần chiến đấu anh dũng của Nhân dân vùng cửa lạch anh hùng.

Càng gian nan, tinh thần chiến đấu quật cường của quân và dân vùng Lạch Vạn lại càng được tôi luyện cứng cỏi và bền bỉ. Trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, khi mà tuyến đường bộ bị máy bay Mỹ quần phá thì sông Lạch Vạn lại trở thành huyết mạch giao thông quan trọng vận chuyển quân lương ra tiền tuyến.

Ở Diễn Châu, máy bay và tàu chiến Mỹ phong tỏa chặt bờ biển và cửa Lạch Vạn. Tàu chiến dùng đạn cỡ lớn bắn phá từ biển vào sâu đất liền hàng chục km. Trên không, hàng ngày, giặc Mỹ đều cho ném bom từ trường, bom sát thương, bom bi dày xéo trên sông và tàn sát người dân hai bên bờ Lạch Vạn. Quân và dân nơi đây đã dồn hết sức người, sức của anh dũng chiến đấu bắn rơi được máy bay Mỹ, mở đầu cho phong trào "tìm địch mà đánh" không chỉ trong huyện mà cả Nghệ An lúc bấy giờ.

Những năm chống Mỹ, máu, mồ hôi và nước mắt của quân và dân nơi đây đã hòa vào nước biển vùng cửa lạch này. Họ là Phạm Thị Chiến, Hoàng Kỳ, Nguyễn Tường, Nguyễn Trình - những người con được sinh ra và lớn lên trên bờ Lạch Vạn. Có lẽ vì vậy mà đến muôn đời, cửa Lạch nơi đây cứ trở mình bồi - lở, để nước biển thi thoảng lại có những chiều ngẫu đực như nhắc nhở về những hy sinh và lòng quả cảm của người dân nơi đây.

Gần 40 năm trôi qua, Lạch Vạn thời chiến tranh với những bom cày đạn xới, đổ nát hoang tàn giờ đây đang khởi sắc từng ngày... Trong công cuộc đổi mới của quê hương, Lạch Vạn lại càng có ý nghĩa trong phát triển kinh tế và quốc phòng an ninh. Một hệ thống 50 km đê cửa sông, 27 km đê biển và kè chắn sóng ngăn nước mặn xâm thực, đảm bảo an toàn cho hàng vạn người dân vùng biển làm ăn, sinh sống an toàn đã được nhà nước đầu tư xây dựng... Cùng với đó, gần 500 héc ta rừng ngập mặn trải dài theo triền đê do Hội Chữ thập đỏ Nhật Bản tài trợ, trồng từ năm 2003 cũng là bức tường xanh vững chãi ngăn gió bão triều cường và bảo vệ môi trường sinh thái vùng Lạch Vạn. Rừng ngập mặn trông xa như những dãy núi nhấp nhô một màu xanh mát mắt đã thu hút không ít du khách ưa thích tìm hiểu thiên nhiên về khám phá, bởi trong rừng có khá nhiều loài hải sản và cũng là nơi trú ngụ của nhiều loại chim muông, sinh vật. Ngoài 2 cầu lớn bắc qua sông Lạch Vạn là Cầu Bùng và cầu Diễn Thành, trong những năm gần đây, trên đoạn sông này, nhiều cây cầu mới đã được xây dựng, như: Cầu Diễn Kim, cầu Diễn Kỳ, cầu Diễn Vạn. Ước mơ nối đôi bờ để giao thương làm ăn sinh sống của Nhân dân 9 xã vùng bãi ngang -



cửa biển cũng đã trở thành hiện thực. Đây quả là những công trình vô giá mở hướng thoát nghèo cho người dân vùng Lạch Vạn.

Từ đây, các dự án nuôi tôm công nghiệp hàng chục ha thực sự là điểm nhấn trong phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại ở Diễn Châu, tạo việc làm cho hàng trăm lao động, biến vùng đất chua mặn bạc màu vùng Lạch Vạn thành vùng đất cho thu nhập cao, đồng thời cũng mở ra cho người dân Diễn Châu một cung cách mới trong phát triển nuôi trồng thủy sản một cách bền vững.

Với lợi thế về điều kiện tự nhiên và xã hội, ngành khai thác thủy sản khu vực cửa Lạch Vạn đã sớm hình thành và phát triển. Cửa Lạch Vạn là nơi ra vào của tàu thuyền các xã Diễn Ngọc, Diễn Bích và Diễn Kim, sản lượng khai thác hải sản của huyện Diễn Châu chủ yếu tập trung ở đây. Để ổn định cuộc sống người dân đồng thời giúp người dân vùng biển thuận lợi trong lưu thông sản phẩm, năm 2003, Nhà nước đã đầu tư 8 tỷ đồng xây dựng một cảng cá ngay bên bờ Lạch Vạn với diện tích 8 ha thuộc địa phận xã Diễn Ngọc, cùng với đó là hệ thống cột trụ neo đậu tàu thuyền trú tránh bão dài 3 km dọc vùng cửa lạch. Những nét đặc trưng nhất của vùng biển Diễn Châu dường như đều tập trung ở cảng cá này. Với lưu lượng 500 tàu cá ngày ngày cập cảng đã tạo nên không khí làm ăn tấp nập nơi vùng cửa lạch. Cảng cá được xây dựng đã làm cho đời sống người dân vùng cửa biển khởi sắc thực sự. Có nơi tàu neo đậu an toàn, hải sản được thu mua tại chỗ, ngư dân yên tâm ngày đêm bám biển đem về sản lượng 45 ngàn tấn

hải sản mỗi năm, thu nhập bình quân đầu người đã đạt đến 60 triệu đồng/năm. Cũng tại đây, nước mắm Vạn Phần - một đặc sản của người dân vùng cửa Lạch với hương vị đậm đà thơm ngon rất riêng đã trở thành thương hiệu nổi tiếng trong cả nước và xuất khẩu sang cả các nước châu Á. Tất cả đã làm nên sự khởi sắc cho đời sống người dân vùng cửa Vạn. Ông Hồ Văn Huynh, người dân xã Diễn Ngọc, Diễn Châu cho biết: “Đảng, Nhà nước đầu tư cho Lạch Vạn nên đời sống ngư dân bây giờ ổn định. Bà con yên tâm đầu tư tàu thuyền vươn khơi đánh bắt, mang lại cuộc sống ấm no giàu đẹp.”

Nằm ở vị trí rất thuận lợi cho giao lưu và phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế biển, Diễn Châu sớm trở thành một trong những trung tâm kinh tế - chính trị - xã hội của tỉnh Nghệ An. Phát triển kinh tế biển được xem là hướng mũi nhọn hiện nay của Diễn Châu. Với ưu thế có cửa lạch làm nơi neo đậu tàu thuyền, bờ biển dài, thoải có độ an toàn cao nên Diễn Châu rất ưu tiên cho phát triển nghề khai thác hải sản và du lịch biển.

Bờ nam Lạch Vạn nay đã đổi khác thật nhiều. Đây không còn là bãi biển hoang tàn thời đánh Mỹ mà đã hình thành khu du lịch biển sầm uất. Từ ngã ba Phủ Diễn, đường Quốc lộ 7 được kéo dài 2km xuống tận cửa Lạch Vạn, năm 2002, UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch “Khu du lịch biển Diễn Thành” với tổng diện tích 110 ha, vốn đầu tư hàng trăm tỷ đồng. Qua hơn 20 năm triển khai, vóc dáng khu du lịch hiện đại Diễn Thành đã hình thành. Các nhà hàng, khách sạn cao tầng sừng sững trước biển Đông như những chàng trai làng Lạch Vạn



*Tàu thuyền đánh cá trở về cảng Lạch Vạn*

vững vàng trước biển cả, giang tay đón nắng trời, gió biển và du khách thập phương. Tất cả đều tươi mới rộn rã với vóc dáng thời hiện đại.

Cảnh đẹp ấn tượng của Lạch Vạn đã làm say đắm bất kỳ ai khi đến đây. “Bích hải quy phàm” (Thuyền về cửa Vạn) được người xưa phong là 1 trong 8 cảnh đẹp Đông Thành quả là không sai. Trong ánh nắng chiều, từng đoàn thuyền hồi hải nổi đuôi nhau về cập bến. Những cánh buồm nhiều màu sắc tạo thành vệt dài uốn lượn, trông xa như những cánh bướm khổng lồ đang di động. Cảnh thuyền về cửa Vạn còn được nhiều người tưởng tượng như đoàn ngựa đang đua nhau cưỡi sóng hướng vào cửa Vạn mang đầy những món quà mà biển cả hào phóng ban cho người dân nơi đây. Được thiên nhiên ban tặng vẻ đẹp làm say đắm lòng người cùng với sự sáng tạo của người dân, Lạch Vạn có sức hút lớn trên nhiều lĩnh vực, nhất là trong văn học nghệ thuật. Không biết bao nhiêu nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, họa sĩ, quay phim, nhiếp ảnh đã về sáng tác tại Lạch Vạn. Lạch Vạn đi vào sử sách, đi vào văn chương, thơ ca và trở thành biểu tượng cho cốt cách tâm hồn người Diễn Châu. Nhà thơ Trần Ngọc Cảnh, xã Diễn Vạn chia sẻ: “Các văn nhân thi sĩ từ xưa đến nay khi nghe nói đến mảnh đất Vạn Phần với Lạch Vạn và dòng sông Vạn thì ai cũng muốn đến để được chiêm ngưỡng. Là người sinh ra, lớn khôn trên mảnh đất này rồi đi theo kháng chiến, quay trở về, tôi lại thấy yêu thương quê hương mình hơn. Cảm xúc mãnh liệt trào dâng, Lạch Vạn, sông Vạn bao giờ cũng thấm đẫm trong thơ văn của tôi”.

Thiên thời, địa lợi cùng với sự năng động trong thu hút đầu tư với những cơ chế thông thoáng phù hợp nên vùng cửa Lạch Vạn ngày càng phát triển. Diễn Châu sớm nhận thức tầm quan trọng

trong phát triển kinh tế biển nên liên tục trong 3 nhiệm kỳ gần đây, Đảng bộ Diễn Châu đã có 3 nghị quyết, 2 đề án cùng 3 chương trình để thúc đẩy kinh tế biển mà điểm nhấn đầy tiềm năng là vùng Lạch Vạn. Đây là cơ sở để Diễn Châu ngày càng nâng tầm vùng kinh tế biển trọng điểm. Lạch Vạn đang là điểm du lịch lý tưởng trong tua du lịch từ Đền Công - Cửa Hiền - Hồ Xuân Dương - Lèn Hai vai - Biển Hòn Cầu. Một niềm vui, sự khởi sắc mới khi một cây cầu lớn trên trục đường kinh tế ven biển đã được bắc từ Diễn Thành qua cửa sông sang Diễn Kim, nối liền đôi bờ Lạch Vạn. Trong thời gian không xa nữa, cửa Vạn sẽ là trung tâm giao lưu kinh tế văn hóa của cả huyện. Ông Phan Xuân Vinh - Phó chủ tịch UBND huyện Diễn Châu cho biết: “Trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa 31, Diễn Châu xác định khai thác kinh tế biển là tiềm năng mũi nhọn và sẽ tập trung vào phát triển du lịch, kết hợp với dịch vụ, tạo vùng du lịch sinh thái dọc các tuyến biển. Đồng thời phát triển nuôi trồng thủy sản mặn lợ, đa dạng hóa các loài nuôi để nâng cao hiệu quả kinh tế trên vùng đất này.”

Biển ở đây không dữ dằn, hung hãn bởi con người vùng cửa lạch đã biết chinh phục thiên nhiên bằng lòng quả cảm và trái tim nhân hậu. Những cánh buồm căng gió ngày đêm vươn khơi như đang mang ước mơ của người dân cửa lạch về cuộc sống bình yên, no ấm. Một thị xã biển trong tương lai sẽ không còn xa với người dân Hoan Diễn. Tất cả đang rộn ràng tươi mới đi lên xứng đáng với những gì mà thiên nhiên ban tặng và cả sự hy sinh của lớp lớp thế hệ cha anh vùng cửa Vạn



*Bản của người Khơ mú ở Nghệ An*

# Đời sống văn hóa của người Khơ Mú ở Thanh Chương

## TRANG TUỆ

**N**gười Khơ Mú ở Thanh Chương không nhiều, tập trung ở xã Thanh Sơn là chính, ngoài ra còn có khoảng chục hộ ở bên xã Ngọc Lâm. Ở xã Thanh Sơn, dân tộc Khơ Mú có 328 hộ với 1.580 nhân khẩu, chiếm 27,20% tổng dân số của xã. Trước đây, người Khơ Mú tập trung ở các bản Thanh Bình, Tân Lập, Hóa Sơn, Cao Sơn, Xốp Lạm, Kim Hòa. Nay các bản này đã sát nhập vào các bản khác nhau. Trong bản, người Khơ Mú sống xen kẽ với người Thái và quan hệ chặt chẽ với người Thái cả về kinh tế, văn hóa và hôn nhân. Người Khơ Mú di cư xuống Thanh Chương trong khoảng từ 2006 đến 2010, có trường hợp di cư cả bản, cũng có trường hợp theo nhóm hoặc gia đình xuống nơi này. Dù di cư đến vùng đất mới, kiến

tạo cuộc sống mới, nhưng người Khơ Mú cũng luôn ý thức về việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc mình. Họ vừa hòa nhập với cuộc sống mới, vừa góp phần tạo ra bức tranh văn hóa đa dạng hơn ở trong huyện. Nhân dịp kỷ niệm 555 năm danh xưng huyện Thanh Chương, chúng ta cùng nhau tìm hiểu thêm một chút về đời sống văn hóa của người Khơ Mú ở đây.

Đặc trưng văn hóa truyền thống của người Khơ Mú thể hiện rõ nét trên cả hai phương diện văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Trong văn hóa vật chất, đặc trưng văn hóa thể hiện trong các lĩnh vực ăn, mặc, ở, đi lại. Đầu tiên là văn hóa ẩm thực, người Khơ Mú chủ yếu là ăn đồ nếp. Họ trồng lúa nếp trên nương rẫy và sử dụng để làm



xôi. Xôi chính là thức ăn chính của người Khơ Mú. Công thức chính là xôi-thịt/cá-măng/rau. Xôi được hong lên rồi đồ và sử dụng hàng ngày, thỉnh thoảng mới ăn cơm tẻ. Ngoài lúa gạo thì người Khơ Mú trồng một số cây lương thực quan trọng khác là sắn và ngô. Thịt chủ yếu là từ vật nuôi và từ việc săn bắt ở trong rừng. Thịt được giàng để bảo quản. Người Khơ Mú thích chế biến các món thịt theo các phương thức như làm mọc, làm nhọc, nướng, nấu canh. Còn cá thì họ đánh bắt ở suối và một số áo hồ gần bản. Cá được chế biến theo kiểu nướng, nấu canh hoặc xào rán. Người Khơ Mú ăn nhiều món chế biến từ măng. Cùng với đó là nhiều loại rau cỏ mà họ trồng ở nương hoặc lấy ở rừng để bổ sung vào bữa ăn. Người Khơ Mú cũng sử dụng các loại cây rừng để nấu làm nước uống. Và họ sản xuất rượu cần để sử dụng trong các nghi lễ cũng như để uống với nhau. Thứ hai là văn hóa mặc. Người Khơ Mú trước đây cũng có những bộ trang phục truyền thống nhưng khá hạn chế. Khố và áo của họ làm từ vải thô nên xấu, thô và không bền. Do nghề dệt may không phát triển nên trang phục cũng không có những bản sắc riêng như các cộng đồng bên cạnh họ như Thái, Mông. Ngày trước, theo người già kể lại thì phụ nữ Khơ Mú cũng biết dệt vải hay biết lấy các sợi cây rừng để kết thành áo, khó để mặc nhưng kỹ thuật rất thô sơ. Sau này, họ thấy áo quần người Thái bên cạnh đẹp và họ



*Bếp lửa - một không gian văn hóa quan trọng của người Khơ Mú*



*Cụ già Khơ mú truyền nghề truyền thống cho cháu gái*

mang các hàng hóa khác để trao đổi với người Thái lấy áo quần mặc. Vì vậy mà dần dần người Khơ Mú lại mặc trang phục từ nghề dệt may của người Thái là chủ yếu. Thứ ba là văn hóa ở. Người Khơ Mú sinh sống trong các nhà sàn. Hình dáng nhà sàn của người Khơ Mú khá giống với người Thái. Nhưng trước đây, nhà sàn của người Khơ Mú thô sơ hơn, không được kiên cố như nhà sàn người Thái. Nhà sàn người Khơ Mú bên ngoài có giống với người Thái nhưng bài trí trong nhà lại có những điểm khác biệt gắn với phong tục tập quán. Quan trọng nhất là vị trí bàn thờ. Người Thái đặt bàn thờ ở phòng khách. Còn người Khơ Mú đặt bàn thờ ở góc trong của gian nhà đặt bếp lửa. Thứ tư là văn hóa đi lại và vận chuyển. Người Khơ Mú vận chuyển các vật nặng bằng sức kéo của trâu, bò và con người. Khi chặt

gỗ trong rừng để làm nhà thì họ phải vận chuyển những cây gỗ nặng qua những đoạn đường rừng dốc quanh co nên vừa phải dùng sức người vừa phải dùng sức trâu bò để kết hợp vận chuyển. Lúc này họ phải nhờ anh em họ hàng và hàng xóm trong bản đi giúp đỡ. Trâu, bò được chăn nuôi để lấy sức kéo và lấy thịt. Còn vận chuyển những đồ vật hay hàng hóa nhẹ thì người Khơ Mú sử dụng gùi. Các loại nông sản, lâm sản đều được gửi từ nương, rẫy và trong rừng về. Đường đi lại nhỏ hẹp, dốc cao nên họ dùng gùi để vận chuyển là phù hợp nhất. Gùi do họ tự đan lấy với các kích cỡ khác nhau. Hầu như khi nào đi làm thì sau lưng người phụ nữ cũng có một cái gùi. Họ di chuyển đi lại chủ yếu là đi bộ. Có một số hộ gia đình giàu có thì mới có ngựa để đi lại.

Trong lĩnh vực văn hóa tinh thần, người Khơ Mú cũng lưu giữ được nhiều nét văn hóa trong lĩnh vực đám cưới, đám tang, tôn giáo tín ngưỡng, văn học nghệ thuật... Trước hết là đám cưới hay các phong tục liên quan đến hôn nhân. Trong xã hội truyền thống, người Khơ Mú tuân theo nhiều quy tắc chặt chẽ. Bên cạnh những quy tắc cởi mở như tự do yêu đương thì có nhiều quy tắc nghiêm ngặt như chế độ một vợ một chồng, cùng một họ thì không được lấy nhau, hôn nhân trao đổi một chiều giữa hai dòng họ (khi con trai họ này lấy con gái họ kia thì con trai họ kia không được lấy con gái họ này nữa mà phải đi lấy con gái họ khác), khi mới cưới thì chồng phải ở rể bên nhà vợ một thời gian và trong thời gian này sinh con thì vẫn lấy họ mẹ cho đến khi chuyển về nhà chồng mới đổi sang họ cha. Các bước trong việc thực hiện quy trình về tổ chức hôn nhân của người Khơ Mú cũng phức tạp. Sau khi đôi trai gái tìm hiểu nhau và quyết định đi đến hôn nhân thì họ tiến hành ăn hỏi nội bộ trong gia đình rồi ăn hỏi mở rộng hơn. Trong lễ ăn hỏi thì nhà trai phải chuẩn bị nhiều lễ vật đưa qua nhà gái, thường là bạc, rượu, lợn và trang phục vải vóc. Sau đó mới đến đám cưới, cũng được tổ chức hai lần tại nhà gái trước và nhà trai sau. Sau đó làm lễ nhập gia cho cô dâu và buộc chỉ vào dòng họ cho con dâu ở nhà chồng. Khi người chồng hết thời gian ở rể thì làm một cái lễ cưới về để chính thức đưa vợ con khỏi nhà vợ về nhà chồng hoặc

ra ở riêng. Trong đám ma, người Khơ Mú có nhiều phong tục tập quán liên quan. Việc tổ chức tang ma của người Khơ Mú trước đây cũng khá phức tạp, qua nhiều bước khác nhau. Về cơ bản, người Khơ Mú tổ chức đám tang một cách trang trọng để thể hiện tình cảm của những người đang sống dành cho người đã khuất. Sau khi cha mẹ chết thì con trai sẽ thờ cúng và làm đám giỗ cho cha mẹ. Họ không làm giỗ ông bà vì đó là việc của cha mẹ. Trước đây, trong đám tang còn có nhiều hoạt động diễn xướng. Thầy mo sẽ đọc những bài mo để cúng linh hồn người chết cầu cho họ về được với tổ tiên, trở về đúng con đường đã đi qua. Rồi anh em bạn bè cũng có những bài tom cho người quá cố nghe, kể lại những kỷ niệm, những tình cảm của họ lúc còn sống. Trong tín ngưỡng tôn giáo, người Khơ Mú cũng có tục thờ cúng các ma. Họ quan niệm vạn vật hữu linh, các vật đều có linh hồn và họ gọi là ma. Có hai loại ma là ma lành và ma dữ. Ma lành gồm ma tổ tiên, ma nhà, ma trời, ma đất, ma thường luồng, ma hổ,... Những loại ma này tượng trưng cho các quyền lực và các mối quan hệ khác nhau. Đây là những ma sẽ phù hộ, giúp đỡ cho con người và không làm hại con người. Còn lại có rất nhiều loại ma khác mà họ coi là ma dữ, sẽ làm hại con người nếu như con người bắt gặp nó hay ứng xử không đúng với nó. Họ phải tìm cách chống lại các ma dữ bằng các taleo và các bài cúng của thầy mo. Khi bị đau ốm thì người Khơ Mú cho rằng có thể do bị một loại ma nào đó làm hại nên phải tìm thầy mo để đuổi ma đó đi chữa trị cho người bệnh. Họ thờ cúng tổ tiên và vật tổ vì theo họ tổ tiên và vật tổ luôn bảo vệ mình đánh đuổi các ma dữ không cho làm hại mình. Trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, người Khơ Mú cũng có một hệ thống các truyện kể khá phong phú. Đó là truyện Quả bầu nói về nguồn gốc con người và giải thích người Khơ Mú da ngăm đen. Hay các "lái" mà nổi tiếng như "Lái Chương Han", "Lái Ợt Tón"... Đây là những truyện kể mang tính thần thoại, sử thi, thể hiện thế giới quan của người Khơ Mú khi giải thích về nguồn gốc của mình, về những hiện tượng văn hóa xã hội hay những khát vọng, mong ước của họ. Những câu chuyện này lý giải một số hiện thực như việc người Khơ Mú sinh sống

ở vùng lưng chừng núi, về cuộc sống đơn giản, thô sơ của người Khơ Mú, hay về nguồn gốc và các tín ngưỡng vật tổ... Dân tộc Khơ Mú cũng là cộng đồng yêu thích âm nhạc. Tiêu biểu nhất là những bài hát tóm của người Khơ Mú. Tóm là một làn điệu cổ truyền được người Khơ Mú yêu thích và được họ biểu diễn trong những nghi lễ quan trọng từ đám cưới, đám ma, các lễ tết hay hát với nhau trong quá trình lao động. Tóm là những làn điệu mà tùy theo hoàn cảnh con người ta sáng tác thêm lời để thể hiện những suy nghĩ, tâm tư, tình cảm của họ dành cho nhau. Bên cạnh tóm thì còn có điệu re ré cũng được người Khơ Mú hay biểu diễn. Điệu re ré được hát nhiều trong các lễ cúng ma từ ma nhà, ma tổ tiên hay ma hang, ma hóc... Đây là điệu hát có âm điệu đều đều được thầy mo hay những người biết cúng hát để gửi các thông điệp mình muốn đến với các ma, hoặc là cầu mong ma lành phù hộ hoặc là xua đuổi ma dữ tránh xa đừng làm hại mình. Tóm lại, đời sống tinh thần của người Khơ Mú cũng phong phú nên nền văn hóa phi vật thể của họ cũng đa dạng.

Từ khi chuyển xuống Thanh Chương sinh sống, người Khơ Mú với quy mô dân số còn nhỏ nên chưa tạo ra được những bản sắc riêng. Nhưng họ vẫn lưu giữ được một số nét văn hóa truyền thống của dân tộc mình trong quá trình hòa nhập. Trên phương diện văn hóa, người Khơ Mú tiếp thu nhiều giá trị văn hóa của người Thái, nên cả khi tái định cư thì điều này cũng khó tách bạch. Người Khơ Mú chủ yếu mua trang phục truyền thống từ

người Thái. Hiện tại cũng chỉ có những người già trong bản còn mặc trang phục truyền thống mà thôi. Một số phong tục tập quán truyền thống vẫn lưu giữ được, từ tục thờ cúng tổ tiên, lập bàn thờ trong nhà hay giữ bếp lửa. Người Khơ Mú cũng làm cơm mới, nhà mới, cúng vía hay buộc chỉ tay... Bên cạnh đó, họ cũng tiếp thu nhiều giá trị văn hóa mới từ sản xuất đến giải trí. Người Khơ Mú đang dần làm quen với sản xuất bằng máy móc, vận chuyển bằng xe máy, xe tải, cùng với đó thì hệ thống tri thức dân gian về canh tác nương rẫy, về khai thác lâm thổ sản cũng đang mai một dần.

Tóm lại, dân tộc Khơ Mú ở Thanh Chương chỉ là một bộ phận nhỏ tái định cư về đây. Về sinh hoạt kinh tế, họ có sự chuyển đổi từ canh tác nương rẫy sang canh tác ruộng nước và trồng chè, keo, hay đi làm thuê, đi làm công nhân ở các khu công nghiệp. Trong đời sống xã hội, người Khơ Mú tăng cường các quan hệ với nhiều nhóm khác nhau hơn mà chủ yếu là người Kinh ở các đô thị cũng như các địa phương xung quanh, một mặt họ giữ được một số phong tục tập quán truyền thống, mặt khác cũng tiếp thu nhiều yếu tố xã hội mới. Trong đời sống văn hóa cũng vậy, người Khơ Mú ở Thanh Chương giữ gìn được một số giá trị văn hóa truyền thống. Nhưng trong môi trường mới thì nhiều yếu tố văn hóa truyền thống bị mai một và tiếp nhận một số giá trị văn hóa mới. Đó là xu hướng chung chứ không chỉ diễn ra ở mỗi người Khơ Mú.

# BẾN ĐÒ CỔ XIN

## Giá trị lịch sử và phương hướng phát huy giá trị di tích sau khi xếp hạng

THÙY LÂM



Chân dung Cổ Xin

BẾN ĐÒ CỔ XIN LÀ CÁI TÊN ĐƯỢC NHẮC ĐẾN KHÁ NHIỀU TRONG THỜI GIAN QUA BỞI CÂU CHUYỆN CẢM ĐỘNG VỀ NGƯỜI LÁI ĐÒ HUYỀN THOẠI. HIỆN NAY, BẾN ĐÒ ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH LẬP HỒ SƠ TRÌNH XẾP HẠNG DI TÍCH CẤP TỈNH. BÊN CẠNH MỖI QUAN TÂM VỀ VIỆC TÔN VINH NGƯỜI LÁI ĐÒ THÌ VIỆC PHÁT HUY HIỆU QUẢ GIÁ TRỊ DI TÍCH SAU KHI XẾP HẠNG CŨNG LÀ BÀI TOÁN KHÓ CHO CÁC CẤP, CÁC NGÀNH LIÊN QUAN.

### Bến đò Cổ Xin và người lái đò huyền thoại

**B**ến đò Cổ Xin nằm trên dòng sông Lam thuộc địa phận xã Xuân Lam, huyện Hưng Nguyên. Trong hai cuộc kháng chiến, đặc biệt là cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bến đò Cổ Xin được xác định là con đường giao thông huyết mạch chuyên chở người và hàng hóa qua sông phục vụ kháng chiến. Vì vậy, nơi đây trở thành trọng điểm đánh phá của địch. Chỉ tính riêng cuối năm 1967, đầu năm 1968 đã có 3 trận đánh phá ác liệt ở bến đò này, đã có 50 người dân

các xóm: Thanh Xuân, Kiều Thượng, Lạc Thiện bị chết bởi bom đạn Mỹ, trong đó có nhiều học sinh mẫu giáo đang giờ học thì bị máy bay Mỹ ào đến ném bom. Đò Cổ Xín vượt sông trong làn đạn róc - kết đưa những người bị thương từ bờ Nam qua bờ Bắc để kịp đến bệnh viện Vinh (lúc bấy giờ sơ tán về xã Hưng Thông - cách bến đò 3km) để kịp thời cứu chữa.

Hàng ngày, Mỹ cho máy bay lượn đi lượn lại, trung bình một ngày đánh phá 3 đợt, thả 9-10 quả bom các loại: bom phá, bom sát thương, thủy lôi... Ban đêm, chúng lại thả pháo sáng để tìm kiếm. Để giảm thiểu thiệt hại, xã Hưng Xuân đã cho lập một tổ quan sát bom (ở gần ngã ba đê). Tổ đặt ra quy tắc: Nếu phát hiện tiếng máy bay đánh 3 tiếng keng, máy bay đến gần đánh 6 tiếng, máy bay có khả năng đánh phá ở địa phương thì đánh liên hồi. Người dân căn cứ vào tiếng keng để biết xuống hầm trú ẩn.

Cũng tại bến đò này, nhiều lần thuyền vận tải, xà lan chở vũ khí đạn dược bị trúng bom từ trường và bị bắn cháy. Tiêu biểu là sự kiện ngày 20/5/1967, một chiếc ca nô kéo 2 xà lan trúng thủy lôi tại bến đò Cổ Xín, khoảng 800 tấn đạn 105 ly bị chìm xuống lòng sông. Cổ Xín chèo đò đến cắm sào để giúp dân quân lặn xuống buộc dây vào xà lan. Dân quân và Nhân dân xã Hưng Xuân được lệnh trực vớt. Hàng chục người trong mấy tháng liền ngụp lặn, chuyên chở vào bờ, lau chùi khô ráo, cất dấu an toàn trong dân, chờ lệnh chuyển ra chiến trường.

Ngày 16 tháng 6 năm 1967, máy bay Mỹ đánh vào khu vực ga và cầu Yên Xuân làm 3 người chết, đốt cháy cửa hàng mua bán xã Hưng Xuân. Tiếp đó, ngày 4 tháng 3 năm 1968, máy bay Mỹ đánh thẳng vào bến đò Cổ Xín làm 4 người chết, 7 người bị thương. Ngày 16/4/1968 (nhằm ngày 19 tháng 3 năm Mậu Thân), địch đã huy động 6 máy bay, chia làm 3 đợt, mỗi đợt 2 chiếc, thả hơn 20 quả bom tại khu vực bến đò Cổ Xín. Đến tháng 6/1968, tiếp tục có 3 lần máy bay địch rải thủy lôi trong đêm trên dọc sông Lam và điều nhiều tốp máy bay đánh phá cả ngày lẫn đêm ở dọc sông Lam nhằm ngăn chặn tàu thuyền của ta vận chuyển lương thực, khí

tài vào miền Nam. Riêng ngày 18/6/1968, máy bay đánh phá bến đò Cổ Xín, đánh vào xóm Xuân Lạc làm cháy 45 nóc nhà dân, 3 người bị thiệt mạng, 4 người bị thương và hủy hoại nhiều tài sản. Mặc dù vậy, quân và dân xã Hưng Xuân vẫn kiên cường bám đất, bám làng, giữ gìn huyết mạch giao thông bến đò Cổ Xín, cử người thường xuyên túc trực tại bến đò, phục vụ chiến trường miền Nam đi đến thắng lợi cuối cùng.

Không phải ngẫu nhiên mà bến đò mang tên Cổ Xín, phía sau tên gọi ấy là cả một câu chuyện lịch sử bi hùng. Cổ Xín tên thật là Lưu Văn Khuôi, sinh ra và lớn lên ở làng chài Nghĩa Sơn, tổng Phù Long (nay là xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên). Đến năm 1948, cố mới quyết định dừng chân ở làng Phúc Hậu (nay thuộc xã Xuân Lam) để hành nghề chèo đò ngang. Từ một lái đò ngang bình thường, khi quê hương bị ngoại xâm đánh phá, cố đã không do dự mang tài sản có giá trị nhất của gia đình, ngày đêm phục vụ kháng chiến. Ngày cố hy sinh (ngày 16/4/1968 nhằm ngày 19 tháng 3 năm Mậu Thân), cố nhận được chỉ thị chở một đoàn sĩ quan hơn 10 người vào Nam công tác, do yêu cầu gấp rút, vợ chồng cố phải bỏ bữa ăn và nhờ thêm ông Trịnh Văn Nuôi ra hỗ trợ cho kịp thời gian. Khi đò vừa cập bến, người cuối cùng là ông Nguyễn Võ Hóa lên bờ thì bất ngờ có hai chiếc máy bay Mỹ đến thả bom, một quả trúng ngay chiếc đò, khiến cố Xín và ông Nuôi hy sinh tại chỗ, bà Diễm bị thương nặng và qua đời vào mấy tháng sau.

Như vậy, có thể thấy, dù trong hoàn cảnh nào, cố cũng luôn hết lòng vì nhiệm vụ. Tinh thần chiến đấu quả cảm, kiên cường của người lái đò ấy đã góp phần không nhỏ khiến cho mọi cố gắng, mọi sự nỗ lực nhằm phá hoại, ngăn chặn tiếp tế của hậu phương miền Bắc vào chiến trường miền Nam của kẻ thù đều thất bại. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ nói chung và thắng lợi trong công cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc nói riêng có sự đóng góp từ những chuyến đò mò mẫm trong đêm tối, những chuyến đò vượt mưa bom bão đạn của người lái đò Cổ Xín cùng sự hỗ trợ của quân và dân xã Hưng Xuân. Cổ Xín không chỉ chở người



Quang cảnh bến đò Cổ Xín nhìn từ trên cao

và hàng qua sông mà còn chở cả tình yêu, niềm tin và hy vọng của quân và dân miền Bắc vào một thắng lợi cuối cùng ở miền Nam. Cổ là tấm gương sáng ngời về ý chí chiến đấu và lòng quả cảm. Nhiều người dân đã ví cổ như “mẹ Suốt của Nghệ An”.

### **Phương hướng phát huy bến đò sau khi được xếp hạng**

Những đóng góp của Cổ Xín đã và đang được chính quyền và Nhân dân các thế hệ tôn vinh. Tuy nhiên, hiện nay, bến đò Cổ Xín đang tồn tại một số bất cập: ở phía Nam bến đò (thuộc xã Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn) đang bị phù sa bồi đắp, trước đây, chiều dài của bến đò khoảng hơn 1.000m, nay chỉ còn hơn 400m, trong khi đó, ở bờ Bắc đã xảy ra hiện tượng sạt lở. Vị trí mặt đất được UBND tỉnh cho phép lập quy hoạch (diện tích quy hoạch là 1.200 m<sup>2</sup> bao gồm cả diện tích mặt đất và mặt nước) đang có nhà ở của dân. Bản thân Cổ Xín (Lưu Văn Khuồi) dù có nhiều đóng góp to lớn, hy sinh trong lúc làm nhiệm vụ nhưng vẫn chưa được công nhận là Liệt sĩ do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Chưa kể, vợ và các con ông cũng nhiệt tình tham gia phục vụ kháng chiến, xứng đáng được vinh danh nhưng vẫn chưa được hưởng chế độ gì.

Hiện nay, bến đò Cổ Xín đang được cơ quan chuyên môn lập hồ sơ trình xếp hạng cấp tỉnh. Việc phát huy giá trị di tích hiệu quả, góp phần tôn vinh nhân vật và cả bến đò là một bài toán khó cần có sự chung tay của các cấp, các ngành, nhất là sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền địa phương.

Trước hết, chính quyền địa phương tiếp tục phối hợp với gia đình, thân nhân Cổ Xín - Lưu Văn Khuồi làm việc với các cơ quan liên quan quyết liệt hơn nữa để Cổ Xín sớm được công nhận là Liệt sĩ. Đây là mong muốn không chỉ riêng gia đình, người thân mà còn là mong muốn tha thiết của Nhân dân xã Xuân Lam, là sự ghi nhận xứng đáng cho sự hy sinh to lớn của cổ đối với cách mạng Việt Nam. Đồng thời, các cấp chính quyền nên nghiên cứu, đề xuất chế độ dành cho người có công đối với vợ cổ Xín -

bà Phạm Thị Diễm và các con - những người đã tiếp tục sự nghiệp lái đò phục vụ kháng chiến sau khi cố hy sinh.

Việc giải tỏa các công trình trong phạm vi diện tích đất đã được UBND tỉnh cho phép lập quy hoạch chi tiết là rất cần thiết và cần đẩy nhanh tiến độ để tiến tới hoàn thiện các hạng mục công trình theo quy hoạch được phê duyệt. Chính quyền địa phương huy động các nguồn lực, chú trọng đến nguồn xã hội hóa để hoàn thiện các hạng mục công trình di tích, tạo cơ sở vật chất hướng tới phát triển du lịch trên sông trong tương lai. Sau khi hoàn thiện các công trình, việc tiếp nhận các đồ tế khí phải được sự đồng ý của cơ quan chuyên môn.

Chính quyền địa phương tiếp tục sưu tầm các tài liệu, hiện vật liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của Cố Xin, phong trào đấu tranh của quân và dân xã Xuân Lam gắn với bến đò Cổ Xin (vở các loại bom, đầu đạn, hình ảnh chiến đấu...), góp phần giúp hậu thế hiểu hơn về chân dung của “Mẹ Suốt Nghệ An” và tinh thần đấu tranh bất khuất của quân và dân xã Xuân Lam trong quá trình đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, phối hợp với các trường học trên địa bàn, phân công các em học sinh lao động, dọn dẹp vệ sinh vào các dịp lễ trọng như một sự tri ân công lao của tiền nhân, qua đó bồi đắp thêm tình yêu quê hương, đất nước, thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc. Khuyến khích các trường học trên địa bàn chọn bến đò là địa điểm học ngoại khóa khi tìm hiểu về lịch sử địa phương hoặc các bài giảng lịch sử liên quan đến giai đoạn kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

Chính quyền huyện phối hợp và chỉ đạo chính quyền xã Xuân Lam và xã Trung Phúc Cường có phương án giữ gìn, bảo vệ nguyên trạng bến đò, chống sạt lở ở bờ Bắc, không thực hiện các hoạt động làm đò, nắn đò, làm tăng nhanh quá trình bồi đắp phù sa ở bờ Nam (thuộc địa phận xã Trung Phúc Cường). Căn cứ vào giá trị di tích, địa hình, địa thế của di tích, chính quyền huyện, xã nên tìm hiểu, phối hợp với các tổ chức, đơn vị lữ hành khai thác các tua, tuyến du lịch đường thủy, góp phần làm phong phú thêm các loại hình du lịch trên địa bàn huyện Hưng Nguyên.

Bến đò hiện nay không còn hoạt động như xưa nhưng trong tâm trí mỗi người dân Xuân Lam, Cổ Xin và bến đò Cổ Xin mãi là niềm tự hào, là biểu tượng cao đẹp về tinh thần xả thân vì Tổ quốc. Hy vọng rằng, trong tương lai, bến đò Cổ Xin sẽ lại hiện hữu trong cuộc sống bằng một diện mạo mới, đẹp đẽ hơn, sinh động hơn, để Cổ Xin nơi chín suối cũng mỉm cười bởi những hy sinh của mình đã không bị hậu thế lãng quên.



Quang cảnh bến đò Cổ Xin nhìn từ trên cao

1. <https://vietnamanhung.com/de-day-va-khong-noi-gi-nhieu.html>

# Ông Cương nhạc cụ

## ĐÌNH TUẤN

Đó là cái tên trù mến mà bà con dân bản thường dùng để gọi ông Lay Đại Cương. Đến bản Lả, xã Lượng Minh, huyện miền núi rẻo cao Tương Dương, hỏi ông Lay Đại Cương là không ai không biết, bởi ông là một điển hình trong việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Tuy không được đào tạo qua trường lớp nào nhưng với niềm đam mê và có khả năng cảm âm tốt nên ông Lay Đại Cương có thể chế tác, sử dụng nhiều loại nhạc cụ dân tộc rất điêu luyện.



Ông Lay Đại Cương có thể sử dụng được 12 loại nhạc cụ dân tộc

### Niềm đam mê nhạc cụ cháy bỏng

**B**ây lâu nay, giai điệu du dương, trong trẻo, ngọt ngào, đầm thắm, khi man mác tha thiết, lúc véo von... đã rất đời thân quen với người dân bản Lả, xã Lượng Minh. Những giai điệu ấy chính là tiếng sáo, tiếng khèn bè, tiếng tùng tinh, hay đàn mandolin của người nghệ nhân Lay Đại Cương - một người con của đồng bào dân tộc Thái thả hồn theo trăng gió.

Chúng tôi vừa có dịp ghé thăm nghệ nhân Lay Đại Cương. Trong căn nhà nhỏ cấp bốn của gia đình ông, những loại nhạc cụ như: sáo ngang, sáo dọc, khèn bè, đàn mandolin, tùng tinh... đều được ông treo ở vị trí rất trang trọng. Sau khi gửi tặng chúng tôi một màn độc tấu khèn bè với những giai điệu mang âm hưởng miền núi, ông Cương say sưa kể về niềm đam mê nhạc cụ dân tộc của mình. Ông chia sẻ "Bố tôi thổi sáo, đánh đàn rất hay, nên từ nhỏ tôi đã mê tiếng sáo, tiếng đàn của bố. Từ đó, tôi mày mò về cách thức sử dụng những nhạc cụ dân tộc, rồi lấy sáo của bố tự tập thổi. Không biết có thừa hưởng gen năng khiếu âm nhạc từ bố tôi hay không mà tôi học khá nhanh. 13 tuổi tôi





*Nhóm nhạc cụ do ông thành lập đến nay cũng đã có trên dưới 10 thành viên*

đã có thể sử dụng thành thạo một số nhạc cụ dân tộc”. Dường như đó là mạch nguồn nuôi dưỡng niềm đam mê nhạc cụ sau này của người nghệ nhân người Thái này.

Với niềm đam mê cháy bỏng với nhạc cụ dân tộc, ông Cương đã tự mày mò học nhiều loại nhạc cụ khác nhau. Hiện nay, ông Cương đã sử dụng được 12 loại nhạc cụ dân tộc như: sáo, khèn bè, madolin, tưng tinh... Ngoài các loại nhạc cụ truyền thống, ông còn biết sử dụng khá thành thạo Guitar, Ocgan...

Bằng tiếng đàn, tiếng sáo cuốn hút lòng người, ông Cương đã lấy được bà Lô Thị Mai, một người con gái Thái đẹp nhất vùng thửa bà còn đôi mươi. Bà Mai chia sẻ: “Ngày ấy, ông Cương không chỉ đẹp trai mà còn đàn hay, thổi sáo rất giỏi. Tôi hát, ông Cương thổi sáo, cứ thế tôi và ông yêu nhau khi nào không biết. Tuy giờ đã có tuổi rồi nhưng những lúc rảnh rỗi ông vẫn thường thổi sáo cho tôi lắng, suối”.

### **Mong muốn trao truyền cho con trẻ**

Đã ngoài 70 nhưng niềm đam mê với nhạc cụ của ông Cương vẫn còn cháy bỏng, ông Cương luôn trăn trở làm thế nào để gìn giữ nhạc cụ dân

tộc, vì hiện nay những người sử dụng được nhạc cụ dân tộc như ông rất ít, trong khi một số người còn biết sử dụng lại không mấy mặn mà. Vậy là, ông đã đứng ra kêu gọi, vận động những người cùng sở thích và niềm đam mê thành lập nhóm nhạc cụ dân tộc. Sau một thời gian vận động thì đã thành lập được nhóm, các thành viên của nhóm với nhiều ngành nghề khác nhau, nhưng chủ yếu là nông dân và là những người cùng xã. Thành lập được nhóm, ông Cương đã nghiên cứu, sáng tác ra những giai điệu để các thành viên trong nhóm tập. Được biết, trong thời gian qua, nhóm của ông Cương đã được mời đi phục vụ cho không ít các sự kiện trong địa bàn xã. Đây chính là động lực để ông Cương và các thành viên trong nhóm tiếp tục với niềm đam mê từ thời niên thiếu của mình.

Trò chuyện với ông, đặc biệt là nói về nhạc cụ dân tộc hay những gì liên quan đến văn hóa truyền thống, ông rất say sưa, dường như có một nguồn năng lượng rất dồi dào trong con người ông. Mỗi lần ông chơi nhạc, khuôn mặt, ánh mắt ông “phiêu” theo từng giai điệu lúc trầm, lúc bổng, mang lại niềm vui ấm áp, khiến người nghe bị lôi cuốn. Nhiều năm qua, ông gửi gắm niềm đam mê qua từng đứa trẻ trong và ngoài bản. Các lớp do



*Với niềm đam mê và muốn giữ lại nét văn hóa độc đáo của dân tộc cho hậu thế, ông Lay Đại Cương đã và đang nỗ lực để truyền dạy cho các cháu nhỏ trong và ngoài bản*

ông truyền dạy đều miễn phí. Với ông, tiền rất quan trọng, nhưng không quan trọng bằng việc truyền đạt được cho các cháu niềm đam mê với nhạc cụ dân tộc và ý thức trong việc gìn giữ và phát huy bản sắc dân tộc. Đến nay, ông đã truyền dạy được cho không ít cháu nhỏ biết sử dụng các loại nhạc cụ dân tộc.

Giữa bộn bề cuộc sống, đứng trước sự phát triển của thời đại, văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số bị tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ từ bên ngoài và dần phai nhạt. Trong khi, các nghệ nhân thì ngày một già đi, một số đã về với tổ tiên, còn lớp trẻ gần như không mặn mà với văn hóa truyền thống, tìm được người tâm huyết thực sự với nhạc cụ dân tộc như ông Cương là không nhiều. Cùng với âm nhạc, tiếng nói, chữ viết, các trò chơi dân gian, trang phục hay lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số cũng đang mai một nghiêm trọng. Thiết nghĩ, cần có những chính sách hỗ trợ để các nghệ nhân tiếp tục cống hiến, qua đó góp phần “núi giữ” vốn văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, đặc biệt là các dân tộc thiểu số.

Ông Lô Thanh Long - Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin huyện Tương Dương cho biết: “Trước sự phát triển của xã hội, đặc biệt trong nhiều năm qua, thanh niên trong các bản làng đi làm ăn xa đã dần lãng quên những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình, thì những người như ông Lay Đại Cương đang trở thành hình mẫu trong việc gìn giữ nét đẹp cho dân tộc Thái. Tấm lòng nhiệt huyết của ông Cương thật đáng trân trọng. Những việc làm đầy ý nghĩa của ông đã góp phần không nhỏ trong việc bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc, để nhạc cụ dân tộc trường tồn mãi với thời gian”.

## TIN HOẠT ĐỘNG VH TT

### VĂN HÓA:

■ **Cuộc thi sáng tác, soạn lời Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh** do Sở Văn hóa và Thể thao phát động với chủ đề: Ca ngợi miền đất, con người Nghệ An; về truyền thống lịch sử, văn hóa; ca ngợi lãnh tụ, danh nhân; các vấn đề đời sống đương đại của tỉnh Nghệ An trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; ca ngợi những giá trị sâu sắc từ tình yêu quê hương, tình cảm gia đình, làng xóm; tình yêu đôi lứa thủy chung, son sắt; ca ngợi nét đẹp truyền thống của những làng nghề, hoạt động lao động sản xuất, những nét đẹp nhân văn trong đời sống xã hội. Tác phẩm dự thi phải được sáng tác bằng tiếng Việt trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 11/2024, lần điệu cải biên, soạn lời mới từ chất liệu Dân ca Ví, Giặm; chưa công bố, phổ biến hoặc gửi tham gia các cuộc thi khác ở Trung ương và các địa phương tổ chức.

■ **Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh tổ chức tập huấn sáng tác, soạn lời dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh.** Lớp tập huấn diễn ra theo hình thức bán tập trung, khai mạc ngày 15/10 và bế mạc vào ngày 29/10 với 28 học viên tham gia. Trong thời gian tập huấn, các học viên sẽ được tiếp thu các chuyên đề: Đôi nét về dân ca Việt Nam nói chung và dân ca xứ Nghệ nói riêng; Khái quát đặc điểm của sân khấu kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh; Những nét tương đồng và khác nhau giữa kịch hát truyền thống Việt Nam và kịch hát dân ca Nghệ Tĩnh; Giới thiệu lời mới và phương pháp, kỹ năng sáng tác, soạn lời mới trong dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh; Ứng dụng các làn điệu cụ thể vào từng diễn xướng và vở diễn. Bế mạc tập huấn, học viên sẽ được báo cáo tác phẩm của mình.

Trước đó, trong 3 ngày, từ 11-13/9, tại TP Vinh, Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh tổ chức **Lớp truyền dạy Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh** cho trên 130 học viên là nghệ nhân của các CLB Dân ca Ví, Giặm hoạt động tích cực, hiệu quả, có nhiều đóng góp trong phong trào văn hóa văn nghệ tại địa phương. Tại đây, các học viên được truyền dạy các chuyên đề về bảo tồn phát triển dân ca Ví, Giặm trong thời đại mới gắn với sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương; khái quát về dân ca Nghệ Tĩnh; Giới thiệu đặc điểm, tính chất các thể loại: Ví, Giặm, Hò Nghệ Tĩnh; cách xây dựng kịch bản và dàn dựng chương trình dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh.

■ **Nghệ An đạt nhiều giải thưởng tại Liên hoan Ca Múa Nhạc toàn quốc năm 2024.** Liên hoan diễn ra từ ngày 29/9-15/10, thu hút sự tham gia của gần 1.500 nghệ sĩ, ca sĩ, diễn viên, nhạc công đến từ 24 đơn vị nghệ thuật trên khắp cả nước. Đoàn Ca Múa Nhạc dân tộc - Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh tham gia Liên hoan với chương trình *“Sông Lam - Lời mẹ kể”*. Chương trình được dàn dựng công phu cả về nội dung tác phẩm, bối cảnh, trang phục, đạo cụ. Thông qua chương trình, khán giả có thể cảm nhận rất rõ câu chuyện đặc sắc về một tiểu vùng văn hóa cũng như khát vọng vươn lên, không ngừng thay đổi từng ngày của vùng đất xứ Nghệ.

Kết thúc liên hoan, đoàn Nghệ An có 05 tiết mục đạt huy chương (01 HCV, 04HCB). 01 giải thưởng Đạo diễn âm nhạc xuất sắc cho cả chương trình và 01 bằng khen cho tập thể nghệ sĩ múa.

■ Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức **Trưng bày chuyên đề “Nghệ An - 55 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”** tại Quảng trường Hồ Chí Minh, TP. Vinh từ ngày 29/8-10/9. Với hơn 100 tư liệu, hình ảnh, bộ chuyên đề không chỉ giới thiệu, khẳng định giá trị to lớn của bản Di chúc, tình cảm, sự quan tâm của Bác Hồ dành cho Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Nghệ An mà còn cung cấp cho công chúng những thành tựu nổi bật về kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh Nghệ An sau 55 năm thực hiện Di chúc của Người.

■ Kỷ niệm 94 năm Ngày Xô viết Nghệ Tĩnh (12/9/1930 - 12/9/2024), Sở Văn hóa và Thể thao, phối hợp với Bảo tàng Lịch sử Quốc gia tổ chức **Trưng bày chuyên đề “Những hạt giống đỏ”** tại Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh từ ngày 10/9 - 31/12.

Chuyên đề gồm hơn 150 tư liệu, hình ảnh quý giá, giới thiệu vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với việc đào tạo, ươm mầm những hạt giống đỏ cho cách mạng Việt Nam; những hình ảnh, tác phẩm, câu nói nổi tiếng đầy khí phách của những chiến sĩ cách mạng trong nhà tù đế quốc; một số hình ảnh tiêu biểu về đất nước trong thời kỳ đổi mới, hội nhập và phát triển cũng như những thành tích xuất sắc của thế hệ trẻ đã đạt được trong những năm qua.

■ **Cuộc thi Tuyên truyền, Giới thiệu sách tỉnh Nghệ An, năm 2024 với chủ đề “Lời của Bác Hồ - Lời của non sông”** đã diễn ra trong 2 ngày 19-20/8 tại TP. Vinh với sự tham gia của hơn 200 cán bộ thư viện của 10 huyện, thành, thị trong tỉnh. Các đội trải qua 2 phần thi: Giới thiệu đội hình (giới thiệu về địa phương, thành phần đoàn tham gia thi và mục đích, ý nghĩa của cuộc thi) và Giới thiệu sách (giới thiệu nội dung, chia sẻ cảm nhận về 01 tác phẩm hoặc 01 chùm tác phẩm ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh). Cuộc thi không chỉ quảng bá, lan tỏa những ấn phẩm hay về Chủ tịch Hồ Chí Minh mà còn khẳng định vị trí, vai trò, những giá trị tốt đẹp của văn hóa đọc, góp phần phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng.

■ **Hội nghị Chi hội trưởng Chi hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam khu vực phía Bắc và tọa đàm “Định hướng phát triển của nền Nghệ thuật Nhiếp ảnh Việt Nam”** đã được Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam tổ chức trong 2 ngày (07-08/10) tại TP. Vinh. Trong 9 tháng đầu năm nay, các Chi hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam khu vực phía Bắc đã tích cực tham gia nhiều hoạt động sáng tác, quảng bá hình ảnh, đất nước con người Việt Nam do Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam tổ chức. Nhiều tác phẩm nhiếp ảnh của hội viên các Chi hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh khu vực phía Bắc đã được trao giải thưởng cao tại các cuộc thi ảnh trong nước và quốc tế. Sau Hội nghị và tọa đàm, các nghệ sĩ nhiếp ảnh đã được đi sáng tác tại Nghệ An.

■ Từ ngày 23 - 30/9, **Trung tâm Văn hóa tỉnh tổ chức tuyên truyền phục vụ cơ sở** tại 4 huyện gồm Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Đô Lương và thị xã Hoàng Mai. Chương trình gồm có vở kịch *“Hãy yêu thương”* (tác giả kịch bản: NSƯT Đức Lam - Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh) và các tiết mục ca, múa, nhạc ca ngợi cuộc sống mới, xây dựng nếp sống văn hóa gia đình, ca ngợi tình yêu đôi lứa, tình yêu quê hương, đất nước.

Cũng trong tháng 9 và tháng 10, Trung tâm Văn hóa tỉnh tổ chức 20 buổi trưng bày chuyên đề ảnh “Tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình và văn hóa ứng xử trong trường học” tại 10 điểm trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Chuyên đề gồm trên 160 bức ảnh, bản trích và tranh cổ động với các nội dung: Phòng chống bạo lực gia đình, phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; Tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình; Quy tắc ứng xử trong gia đình; Phòng chống bạo lực học đường và Quy tắc văn hóa ứng xử trong nhà trường.

■ **Xã Môn Sơn (Con Cuông) được chọn xây dựng mô hình di sản kết nối gắn với hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản tương đồng.** Triển khai Dự án “bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) giai đoạn 2021 - 2030, Sở Văn hóa và Thể thao đã tiến hành khảo sát một số điểm tại huyện Con Cuông. Qua khảo sát cho thấy, xã Môn Sơn hội tụ đầy đủ các yếu tố về di sản thiên nhiên, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể: còn lưu giữ được nhiều kiến trúc nhà sàn của người Thái; cảnh sắc tự nhiên của núi rừng miền Tây Nghệ An: cánh đồng ruộng bậc thang, đập nước Phà Lài, Di tích lịch sử cấp quốc gia nhà cụ Vi Văn Khang gắn với lễ hội Môn Sơn - Lục Dạ; các sinh hoạt văn hóa cộng đồng: cồng chiêng, khắc luống, nhảy sạp, múa lăm vông; các làn điệu dân ca của đồng bào dân tộc Thái; các món ăn ẩm thực mang phong cách riêng của người Thái ở Môn Sơn. Sở VH&TT đã làm việc với huyện Con Cuông và thống nhất chọn xã Môn Sơn để xây dựng mô hình di sản kết nối gắn với hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các DTTS có di sản tương đồng.

Cũng trong Dự án này, Sở Văn hóa và Thể thao đã tiến hành **khảo sát lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các DTTS tại huyện Quế Phong.** Sở đã có buổi làm việc với huyện Quế Phong, thống nhất chọn bản Cọ Muông, xã Châu Kim để xây dựng mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các DTTS và bảo vệ văn hóa phi vật thể đồng bào DTTS.

## THỂ THAO:

■ **Đội tuyển Kickboxing Nghệ An xếp thứ ba toàn đoàn tại Giải vô địch Kickboxing toàn quốc 2024.** Giải khởi tranh từ ngày 03 - 09/9 tại tỉnh Gia Lai do Cục Thể dục Thể thao phối hợp cùng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai và Liên đoàn Kickboxing Việt Nam tổ chức. Tham gia giải có gần 350 vận động viên (VĐV) đến từ 33 đoàn là các tỉnh, thành, ngành có phong trào Kickboxing phát triển mạnh trên cả nước. Các VĐV được chia theo các hạng cân nam, nữ thi đấu đối kháng ở 2 nội dung lowkick và fullcontact theo thể thức đấu loại trực tiếp. Đội tuyển Nghệ An gồm 11 VĐV đã thi đấu xuất sắc, đoạt 2 Huy chương Vàng, 1 Huy chương Bạc và 3 Huy chương Đồng, xếp thứ 3 toàn đoàn ở các nội dung thi đấu nam.

■ **Vận động viên Nghệ An đạt 02 HCV tại Giải Vô địch Đá cầu châu Á và vô địch Đá cầu trẻ châu Á năm 2024.** Giải Vô địch Đá cầu châu Á và vô địch Đá cầu trẻ châu Á năm 2024 diễn ra từ ngày 22 - 26/8 tại Nhà thi đấu Trung tâm Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế, quy tụ gần 240 VĐV, HLV của 9 đoàn thể thao tham dự gồm: Trung Quốc, Hồng Kông (Trung Quốc), Ma Cao (Trung quốc), Đài Loan (Trung Quốc), Mông Cổ, Lào, Thái Lan, Ấn Độ và Việt Nam. Giải do Liên đoàn Đá cầu Việt Nam phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức.

Tại giải, các VĐV đã tham gia tranh tài ở các nội dung: Đơn nam, đơn nữ, đơn nam trẻ, đơn nữ trẻ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam trẻ, đôi nữ trẻ, đội 3 nam, đội 3 nữ, đội 3 nam trẻ, đội 3 nữ trẻ.

Tham gia giải, đoàn Nghệ An có 2 VĐV (Lê Công Tài tham gia ở nội dung vô địch và Lê Anh Đức tham gia ở nội dung vô địch trẻ). VĐV Lê Công Tài đã giành được 01 HCV vô địch đội tuyển nam; VĐV Lê Anh Đức giành được 01 HCV nội dung đội tuyển nam trẻ và 1 HCB đơn nam trẻ. Thành tích của các VĐV đá cầu của đoàn thể thao Nghệ An đã đóng góp vào ngôi vị thứ Nhất Giải Vô địch Đá cầu châu Á và vô địch Đá cầu trẻ châu Á năm 2024 của đoàn thể thao Việt Nam.

Ngọc Mai - Hồ Phong (T/h)